

Văn hữu

Đi tìm một

DƯỜNG LỐI

KINH TẾ

*tho các nước
phạm tiền*

MỘT CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐỐI VỚI KHỎI
KÉM MỜ MANG — **NGUYỄN VĂN KHOA**
NHÌN VỀ THẾ GIỚI NGÀY MAI — **BÙI THANH**
HẢI ★ CẦN CỎ XÚY MỘT NỀN VĂN MINH
MỚI — **CÔ LIEU** ★ NGƯỜI THANH HÓA
Ở HẬU GIANG — **SƠN NAM** ★ NHỮNG
BUỔI CHIỀU ĐI TRONG TÔI... — **HUY LỰC**
NIỀM BÍ MẬT CỦA ĐỜI NÀNG — **NGUYỄN**
ĐÌNH NGUNG ★ MA — **BỬU KẾ** ★ MỘT
TRẬN PHỤC KÍCH — **LƯU KIỂM** ★ TẤT
NIÊN TRONG TÙ — **MINH ĐỨC** ★ CÔ
TỊCH — **ĐỖ TẤN** ★ VỀ LÀNG — **DZA**
TÍCH ★ CÁI CỬA SÒ MỞ — **THU THỦY**
TRUNG HOA SAU 12 NĂM DƯỚI CHẾ ĐỘ
CỘNG SẢN — **ĐỨC HẠNH** ★ VIỆN TRỢ
KINH TẾ KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI LÀ
NHỮNG KHÍ GIỚI TẤN CÔNG NGUY
HIỂM CỦA CỘNG SẢN — **HÀM ANH** ★
MỘT NHÀ THƠ ÁI QUỐC THẾ KỶ XIX :
VŨ DUY THANH — **NGUYỄN BÁ THẾ**

CÀU SÔNG JÉPA

của **IVO ANDRITCH**

V ă n H ã' u

DO VẤN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Điện thoại : 25.902

Giám Đốc : NGUYỄN DUY MIỀN

Ban Biên Tập : VÕ PHIẾN — SĨ TRUNG

THƯỢNG SĨ — ĐỨC QUANG

Với sự cộng tác của quý bạn :

Phần đặc biệt (Đi tìm một đường
lối kinh tế cho các nước chậm tiến)

NGUYỄN VĂN KHOA
BÙI THANH HẢI
CÔ LIÊU

Phần sáng tác

SƠN NAM
HUY LỰC
LƯU KIỂM
NGUYỄN ĐÌNH NGUNG
DZA TÍCH
MINH ĐỨC
BỬU KẾ
ĐỖ TẤN

Phần tin tức và tài liệu : HÀM ANH — ĐỨC HẠNH —
NGUYỄN BÁ THỂ — THU THỦY

Phần ấn loát và trình bày : ấn quán TÍN ĐỨC THU XÃ,
25-27-29 Tạ-thu-Thần — Saigon

Giấy nôi : 20.678.

Phần minh họa :

họa sĩ ĐĂNG GIAO

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VỊNH

MỤC LỤC



trang

— Vấn đề kinh tế đối với các nước chậm tiến VĂN HỮU

3

PHẦN THỨ NHẤT (Độc biệt về đường lối kinh tế cho các nước chậm tiến)

- | | | |
|--|-----------------|----|
| — Một chính sách kinh tế đối với khối
kém mớ mang | NGUYỄN VĂN KHOA | 7 |
| — Nhìn về thế giới ngày mai | BÙI THANH HAI | 21 |
| — Cần cố xúy một nền văn minh mới | CÔ LIÊU | 38 |

PHẦN THỨ HAI (sáng tác văn nghệ)

- | | | |
|------------------------------------|-------------------|-----|
| — Ngồi Thanh-Hóa ở Hậu giang | SƠN NAM | 61 |
| — Những buổi chiều di trong tôi... | HUY LỰC | 67 |
| — Cầu sông Jépa | ĐỨC QUANG | 59 |
| — Niềm bi mật của đời nàng | NGUYỄN ĐÌNH NGUNG | 79 |
| — Ma | BỬU KẾ | 80 |
| — Một trận phục kích | LƯU KIỂM | 87 |
| — Trăng xưa | NGUYỄN ĐÌNH NGUNG | 96 |
| — Tất niên trong tù | MINH ĐỨC | 97 |
| — Có tịch | ĐỖ TẤN | 109 |
| — Về làng | DZA TÍCH | 110 |

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu trong, ngoài nước)

Gió Đông... Gió Tây (trang 113) — Kỹ thuật chụp ảnh bằng phi cơ (trang 132) của Đức Hạnh — Một nhà thơ ái quốc thế kỷ XIX : Vũ-duy-Thanh (trang 141) của Nguyễn-bá-Thế — Cái cửa sổ mở (trang 152) của Thu-Thủy — Viện trợ kinh tế kỹ thuật và thương mại là những khi giới tấn công nguy hiểm của khối Cộng sản (trang 156) của Hàm-Anh — Trung-Hoa sau 12 năm dưới chế độ Cộng sản (trang 159) của Đức Hạnh.

Cung Chúc Tân Xuân

Vấn đề kinh tế đòi với các nước chậm tiến

TRÊN cuộc diện thế giới ngày nay bề ngoài như chỉ có sự xung đột giữa vài ba cường quốc, là quan trọng. Nhưng bên trong vấn đề các nước nhược tiểu có lẽ lại còn quan trọng hơn, bởi vì nó quyết định kết quả của cuộc xung đột trên.

Cả Nga và Mỹ đều tự hỏi : Phải làm sao cho những nước chậm tiến kia có cảm tình với mình, ngã về mình ? Phải có một chính sách ra sao đối với họ ? Phải thi hành một sự nâng đỡ kinh tế họ như thế nào ?

Về phía các nước chậm tiến, đa số cũng đang loay hoay tìm con đường vượt lên khỏi hiện trạng của họ. Nếu họ thành công được thì thực là hay. Trái lại, nếu trong cơn quần bách họ phải hy sinh tự do để đổi lấy một nền kỹ nghệ nặng, thì cái hậu quả tai hại không phải chỉ riêng họ chịu lấy.

Vấn đề chính sách kinh tế đối với các nước chậm tiến và trong các nước chậm tiến đã làm một nhiều đầu óc thông minh trên thế giới và ngay trong nước. Cách đây không lâu, nhà xuất bản Hoài-Bảo đã cho ra đời một tác phẩm về vấn đề này.

Chúng tôi chỉ tiếp tục nêu lên mấy quan điểm đáng chú ý về một vấn đề quan trọng mà sự thảo luận có lẽ chưa có thể chấm dứt.

VĂN HỮU

Phân thứ nhất

Phần thứ nhất của Văn Hũu số 15 này (đặc biệt về : đi tìm một đường lối kinh tế cho các nước chậm tiến) được hoàn thành với công trình biên khảo của quý bạn : Nguyễn-văn-Khoa — Bùi-thanh-Hải — Cô-Liều.

NGUYỄN VĂN KHOA

Một chính sách kinh tế đòi với khối kém mở mang

THẾ giới hiện nay đang bày ra một tình trạng khó khăn. Một số quốc gia tiên tiến, nhờ trình độ khoa học và sự trang bị đầy đủ về phương tiện sản xuất, đạt đến một mức sống vật chất sung túc ; bên cạnh đó một phần lớn nhân loại sống trong sự thiếu thốn. Phần lớn này — gồm những quốc gia chậm tiến — ý thức được vai trò của mình và quyết tâm tìm đường thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại. Sự đứng dậy của họ gây một ảnh hưởng lớn đến cả cục diện thế giới.

Các nước lớn nên có thái độ nào, nên có bổn phận gì đối với các nước chậm tiến ? Đường lối kinh tế nào thích hợp cho lúc này ? — Chủ nghĩa tư bản cũng như chủ nghĩa cộng sản đều đã tỏ ra bất lực, không thể đạt tới mục đích tức là sự « thắng tiến của con người và của toàn thể nhân loại, » hay nói theo François Perroux, là sự thắng tiến « của con người toàn diện » và « của tất cả mọi người ».

Tùy từng hoàn cảnh đó đây người ta đang thí nghiệm tìm tòi những đường lối riêng. Một nhóm học giả, ao ước và tin tưởng có thể thực hiện một nền kinh tế duy nhân (*économie humanitaire*) đã qui tụ được nhiều người có thiện chí ở nhiều nước trên thế giới, và công bố một bản tuyên ngôn, nhan đề là « đề tiến tới một nền văn minh liên đới » (*Manifeste pour une civilisation solidaire*).

Trong tập sách này, trước hết, tác giả.—ông L.J. Lebreton—nhận xét về các chủ nghĩa tư bản, xã hội, cộng sản và về khối các nước kém mở mang. Sau đó là lập trường tích cực của nhóm : cần có một tình tương thân tương ái sáng suốt, nhằm « tăng giá trị » cho nhân loại ; cần phân tách các nhu cầu và khả năng để hướng dẫn các cuộc can thiệp. Cuối cùng, tác giả trình bày

ước vọng của nhóm, phương thức cộng tác với phong trào thợ thuyền, nông dân và các giới lãnh đạo chân chính để « dọn đường cho chế độ dân chủ và đẩy bước tiến đến một nền văn minh kinh tế duy nhân và văn minh liên đới ».



MỘ T trong những thảm họa của nhân loại là không thể đơn phương hiểu được sự chung sống của ba khối hiện cấu tạo thế giới có đem lại lợi ích gì ; những dân tộc tiền tiến thuộc các nước dân chủ Tây-phương ; những dân tộc đã tiếm nhiệm ít nhiều chủ nghĩa tập sản, và những dân tộc đang khát vọng khắc phục nạn thất học và đói kém.

Các nước tư bản Tây-phương kể cả những nước thường dă kích chủ nghĩa đế quốc — tiếc thay thường không chịu hiểu rằng tổ chức kinh tế của họ không đưa tới việc mở mang thực sự những nước lệ thuộc họ về kinh tế, mà trái lại tổ chức ấy khiến những quốc gia này có thể mất dần bản chất và tài nguyên của mình. Nói theo danh từ nặng về kỹ thuật hơn nhưng rõ ràng hơn, chúng ta bảo Tây phương đã không-biết rằng hiện tượng phân cực kinh tế (1) thay vì đem đến kết quả là khai thác lý tâm cái thế giới còn mệnh danh là tự do, trên thực tế lại đưa tới một thứ ân huệ cầu tâm với thời gian càng bộc lộ khía cạnh vụ lợi.

Đúng ra, Tây-phương cần phải chấp nhận nhiều « điểm cực » để theo một kế hoạch hợp tác cùng nhau mở mang toàn diện phần đất không bị Liên-bang Sô-viết thống trị.

Các nước tiền tiến Tây-Phương còn chưa hiểu họ thiếu ba đức tính cần thiết khả dĩ tạo được hùng mạnh và uy thế cho cả

(1) Theo thuyết « kinh tế áp đảo (théorie de l'économie dominante) của giáo sư F. Perroux, ông Lebret chủ trương « phân cực hóa » để khuếch trương kinh tế, tức là thành lập nhiều trung tâm từ mật để ảnh hưởng kinh tế của các trung tâm này lan rộng ra các vùng lân cận; nhờ đó những vùng này được mở mang hơn (phénomène de la polarisation économique).

nhân cũng như cho quốc gia ; đó là tính can cường nghĩa là dám toan tính những việc lớn mặc dù khó khăn, lòng quảng đại tức là không biếng lười, keo kiệt sợ tốn kém ; đức cao thượng, không nghĩ tới việc lợi dụng để tăng uy tín vị kỷ.

Ôc để quốc nội bộ chia rẽ, tham vọng vật chất đang khiến Tây-phương làm tiêu hao các dịp may để gây cảm tình và để đánh lấy sáng kiến bảo toàn và tăng giá trị khối kém mở mang. Tuy có thể dựa vào số tồn phí khổng lồ để vô trang mà đo lường khả năng tiết kiệm và đầu tư thật sự, nhưng Tây-phương lại không thấy rằng mức viện trợ của mình không đáng kể. Và mặc dầu có thể căn cứ vào số chuyên viên hiện đang dùng vào việc phát triển kinh tế tại xứ mình để ước lượng nhu cầu về chuyên viên của các nước thuộc khối kém mở mang, Tây-phương lại tỏ ra bất lực trong việc cung ứng các chuyên viên cần thiết nhất. Tây phương mất sinh lực vì chỉ luôn nghĩ đến mình.

Đối diện khối Tây-phương, lực lượng cộng sản cũng gây thất vọng, cũng nặng ôc để quốc, cũng yếu kém. Chế độ độc tài chỉ có thể tạo ra những nghiệp đoàn nô bộc. Sự cưỡng bách càng ngày càng đè nặng : khiếp sợ đang ngự trị trên đất Nga, và trong trường kỳ Nga-sô sẽ khiếp sợ Trung-Hoa hơn Tây-phương. Hấp lực kinh tế có lẽ sẽ giảm bớt dần, nhưng hấp lực chánh trị vẫn tồn tại. Chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh tự nhu cầu hợp nhất thế giới. Không đủ sức gạt bỏ ý niệm siêu hình. Cộng sản bường binh tuyên cáo chủ nghĩa duy vật, và như thế đã khơi mào phản ứng chống đối sự đè nén độc tài của mình. Họ khuấy rối khối kém mở mang và gieo cho khối này những hy vọng hảo huyền. Còn trong các nước tiền tiến, họ đào tạo cán bộ cốt khai thác triệt để lợi ích nhất thời hiển nhiên của đại chúng hơn là điều hướng các cán bộ này vào công cuộc trợ giúp thân hữu các dân tộc kém mở mang. Dần dà cộng sản cạn mất lý tưởng và trong việc cấu tạo một xã hội mới, họ phản lại các nguyên tắc của chủ nghĩa. Trong công cuộc chuẩn bị phòng thủ, họ phải dành một số giờ làm việc bằng phía Tây-phương để đạt tới mức độ tiêu diệt được nhân loại.

Ở Đông cũng như ở Tây, thảm trạng thế giới ngày nay chính là do tác động của các định lệ tất yếu mà những nhà lãnh đạo tinh thần và chính trị không thể nào cho thế giới thoát khỏi được.

Cho nên, bao nhiêu đề nghị giúp các nước muốn tránh nạn đói và canh tân xứ sở đều là những ảo ảnh !

ẢO VỌNG MỘT CUỘC PHÁT TRIỂN GIÀ TẠO

CANH tân không phải là phá hủy triệt để những cơ cấu hiện hữu, mà là hấp thụ các thành quả khoa học và kỹ thuật của nền văn minh kỹ nghệ. Canh tân không có nghĩa là gạt bỏ những giá trị cổ hữu, nhất là những giá trị đã mang nặng yếu tố tinh thần và truyền thống cộng đồng. Rập theo mẫu Tây-phương hay Sô Viết để canh tân hoặc kỹ nghệ hóa, không nhất thiết là đường lối phải theo ; điều cần yếu là bắt đầu từ hiện trạng và từ những vùng dễ tiến triển nhất để khơi mào cho việc hấp thụ kỹ thuật càng ngày càng thêm mãnh liệt.

Canh tân cũng không phải là cố nhảy vọt lên ngay đến mức sống và lối sống Tây Phương. Mức sống cao không phải là quyền lợi chuyên độc của lớp người được biệt đãi mà là của toàn thể nhân dân. Nâng cao mức sống bằng cách xen vào lối sống cổ truyền những yếu tố còn giữ giá trị trong lối sống Tây phương hưởng dụng các thành quả Tây phương, nhưng gạt bỏ những điều lỗi lằng và sai lầm. Những nước nhiều tài nguyên tiềm tàng có thể đạt đến một mức sống không những vừa phải mà còn tương đương (tuy có khác nhưng chắc chắn ít tốn kém hơn) với mức sống Tây phương theo một nhịp nhanh hơn ở các nước Âu Châu. Ngay ở Âu Châu, Thụy-Điển là một ví dụ điển hình.

Rủi thay, rất nhiều nước chỉ có một tiềm lực rất là hạn chế.

Như vậy, vấn đề không phải là đưa nhân loại đến những mức sống khuôn mẫu của Tây phương, mà là thực hiện cho

mỗi nước những điều kiện tối cần cho một đời sống thực sự nhân đạo, khỏi cảnh nghèo khổ. Nếu đem so với các chuyên viên quốc tế ngày nay, các bậc vĩ nhân của nhân loại đã là những kẻ hậu tiến. Toàn thể nhân loại chưa có thể đạt đến mức phú quý và cũng nên tiên đoán mức ấy không bao giờ đạt được. Vả lại qui ước về phú quý không thích hợp với nhân loại, nhất là phú quý hiểu theo nghĩa đầy đủ tiện nghi nhất.

Tùy theo quốc gia và tùy theo vùng mà định mức sống tối thiểu và mức sống tối hảo vì tiềm lực kinh tế và trình độ phát triển mỗi nước khác nhau. Đói khổ, nghĩa là sống dưới mức nhân sinh và nhân phẩm, là tai họa cần phải dẹp tan; đạm bạc, tức là thu hẹp nhu cầu theo mức tối cần cho một đời sống xứng nhân phẩm, là một đức tính nâng cao giá trị một dân tộc tuy không giàu bằng ai, nhưng hơn hẳn mọi dân tộc đặt tiện nghi và an lạc trên hết.

Vả lại, với đức tính ấy, một khi số lượng sản xuất tính theo đầu người gia tăng, có thể dành nhiều phương tiện hơn và việc thiết lập những cơ sở công cộng để thỏa mãn nhu cầu tăng tiến về văn hóa và tâm linh.

Ta có thể tự hỏi, trong cuộc tranh đua công khai để định danh thế giới, biết đâu thắng lợi lại không về tay một trong những dân tộc biết sống thanh đạm và biết lợi dụng mọi tiến bộ kỹ thuật để tăng thế lực.

Nhiệm vụ chánh của các cường quốc lãnh đạo là đảm đương lấy khối các nước kém mở mang, không phải dễ bức lột hay lừa gạt họ, mà là giúp họ kiến tạo theo viễn ảnh của nền văn minh liên đới. Nhưng cả hai thứ chủ nghĩa duy vật đều không thể thành công trong trách vụ trên. Còn phải làm sao cho mọi người dân sớm đạt được mức sống của các nước tiến bộ nhất về mặt kỹ thuật, và như thế lại lao mình vào con đường tìm kiếm những khát vọng không thành tựu được.

Vi rằng thi đua hứa hẹn, viện trợ, cho vay, đầu tư chẳng qua là để biến công cuộc phát triển thành những tác động chiến thuật. Cho nên, thay vì đẩy bước tiến từ giai đoạn kém nhân

đạo sang giai đoạn nhân đạo hơn, người ta cốt tạo cho mình một số khách hàng và tìm cách duy trì lòng trung thành của khách hàng ấy.

CUỘC THÍ NGHIỆM ĐẦU TIÊN VỀ PHÁT TRIỂN CỦA KHỎI CÁC NƯỚC KÉM MỞ MANG : NHỮNG RỦI RO NGUY HIỂM VÀ LỖ LẦM

KHỎI các nước kém mở mang, nói chung, đều lỗi lầm ngay từ khi bắt tay vào việc phát triển. Từ bản khả dụng thì ít nhưng không lo thiết lập trước tiên các hạ tầng cơ sở cần thiết. Khi nhận được một số hoa lợi hay trợ cấp quan trọng, thì nào là chánh phủ tiêu pha vung phí, phò trương, nào tổ chức quân lực, nào lo tô điểm thủ đô và đôi khi hành chánh thối nát nuốt hết một phần quá lớn cái tài nguyên ấy. Nhờ những cố gắng về y tế, dân số hầu như luôn luôn tăng nhanh hơn số thực phẩm sản xuất được do những nỗ lực nông nghiệp. Ít khi các cơ quan thẩm định đúng tầm mức quan trọng, mức độ cấp bách của các nhu cầu và khả năng. Chế độ dân chủ hữu danh vô thực được lập ra, nhóm người phiêu lưu, mị dân, kết hợp bè đảng mưu tư lợi, hoặc nhóm độc tài nhất thời dựa vào thế lực một loạn đảng, sức mạnh quân đội, hay dựa vào phong trào thợ thuyền lúc đầu còn phục tòng nhưng chẳng bao lâu sẽ bị cộng sản len lỏi đưa cán bộ vào gây rối và gieo mầm đảo chánh.

Nhóm trí thức được huấn luyện tại các đại học đường Tây-phương đột nhiên ra nắm những trọng trách cao nhất nhưng nhiều khi không đủ tư cách cần thiết để khéo xử dụng chuyên viên ngoại quốc và phê phán các điểm nhận xét hoặc điều hợp các điều khuyên cáo.

Những quốc gia đang khởi sự phát triển phải trải qua buổi giao thời cũng gặp nhiều khó khăn như những quốc gia liên triển hơn đã có một số nhân tài ngang sức với chuyên viên các nước tiền tiến, nhưng còn hiếm hoi ít ỏi. Vả lại số chuyên viên kinh tế xã hội lúc nào cũng rất thiếu thốn. Các kinh tế gia trẻ tuổi được huấn luyện theo truyền thống Tây-phương lại áp

dụng những phương pháp phân tích không phù hợp với cơ cấu và tình trạng kinh tế của nước họ, vì qua phần lý thuyết, họ không thấu triệt được thực trạng địa lý và lịch sử. Chính trị gia lại thường xem chuyên viên xã hội như không cần thiết lắm và ít khi tin dùng họ. Ngoài ra, các nhà xã hội học ngoại quốc cần phải biết thoát ly khỏi các mô hình và các phương pháp không còn áp dụng ở ngoài nước họ được. Còn những người có khả năng tổng hợp lại thiếu phương tiện nghiên cứu hoặc thiếu chuyên viên trợ lực để có thể nhận định chắc chắn.

Dầu sao, cũng nên nhận lãnh những khó khăn của bước đầu mà các nước tiền tiến đã phải trải qua bao thế hệ mới dần dần giải quyết được. Dưới áp lực thời cuộc, các nước kém mở mang phải ứng biến thành lập một quốc gia tân tiến trong khi tiềm thức và năng lực nhân dân chưa tiến kịp để góp phần xây dựng. Vì vậy, họ để cho những trò chánh trị đội lốt dân chủ, nhận chìm chánh sách xây dựng thật sự.

Những ảo vọng các nếp sống tự do có thể dồn các dân tộc ấy vào những hình thức nô lệ mới.

Không ai đem tự do phát không, tự do phải tự tạo. Tự do cốt ở trạng thái tinh thần: có một nền văn hóa chính xác dù còn ấu trĩ, mới có tự do tư tưởng: có thoát ly khỏi các điều mê tín dị đoan và có cố gắng liên tục để tự chủ hay đề hướng hành động vào những cứu cánh cao cả, đặc biệt là cứu cánh về công ích của mọi tập thể (mà ta là một tế phần), những ràng buộc xã hội và chính trị mới có thể được nói rộng để tiến tới các định chế dân chủ thực sự. Một cuộc tiến triển như thế không thể bỗng nhiên mà thực hiện được.

Thường thường, những dân tộc các nước kém mở mang vừa chính thức thu hồi độc lập, chưa ý thức được những nỗ lực vĩ đại cần thiết cho mọi công cuộc phát triển. Cán bộ thì chịu ảnh hưởng hoặc của tư bản, hoặc của cộng sản, chuyên viên và chính trị gia lại thiếu năng lực tổng hợp, còn dân chúng thì chưa thấu triệt được bốn phận công dân. Vì rằng, tinh thần quốc gia suông không đủ để lập quốc, cũng như một bản hiến

pháp tuyên cáo chế độ cộng hòa không đủ để xây dựng một chế độ dân chủ.

Những dân tộc được giải phóng hiện dần thân vào một cuộc thí nghiệm khắc khổ và Tây phương không nên đặt vấn đề gây trở ngại nữa. Trái lại, không đáp lời kêu gọi viện trợ của họ là một trọng tội, dù rằng khuyến cáo của các chuyên viên ít được nghe theo và những số tiền viện trợ hoặc cho vay một phần bị vung phí.

Dù có muốn đi mau đến đâu, ta cũng chỉ có thể tuần tự tiến từ một giai đoạn văn minh tới một giai đoạn khác được xem là cao hơn. Không phải chỉ thoát khỏi cảnh đói khổ, mà còn phải làm sao hơn thế nữa để tiến tới một nền văn minh có tổ chức, đặt nền tảng trên những giá trị chân chính.

Phân phối tài sản là vấn đề phụ đối với vấn đề chính bị mọi người đề tiếp nhận các tài sản ấy. Một khi các nhu yếu chính đã được thỏa mãn, sự tiến triển sẽ phải thực hiện theo từng cấp bậc liên tiếp. Thắng tiến phải là thắng tiến của cả tập thể và thường thường mọi thắng tiến đều lâu chậm. Vấn đề không phải là để một thiểu số đạt địa vị cao mà là toàn thể đại chúng được thắng tiến sau khi đã giúp họ ý thức được những chương ngại cần khuất phục và vỏ trang tinh thần để chiến thắng

CẦN CÓ NHỮNG MỐI TƯƠNG QUAN MỚI GIỮA CÁC QUỐC GIA

SAU khi đã thất bại trong giai đoạn thống trị, các quốc gia được trang bị hùng mạnh sẽ bị xem là bất chính nếu không nhẫn nại góp phần giúp các nước kém mở mang thành công trong giai đoạn tập sống tự do. Muốn viện trợ có kết quả cần phải tỏ ra hết sức tế nhị và bất vụ lợi. Để có thể thành công toàn diện, có lẽ nên đổi lối viện trợ song phương thường gây thù hằn bằng thể thức viện trợ đa phương trong khuôn khổ của Liên-Hiệp-Quốc có đủ phương tiện hơn và kỹ thuật hợp tác quốc tế sẽ được hoàn toàn canh tân. Trong khuôn khổ này, luật lệ về

kiểm soát quốc tế phải được qui định và dung hòa để mọi quốc gia chấp nhận khối tiền thương quốc tế và ý chí tự trị.

Luật quốc tế mới sẽ lần lượt phỏng thảo trong phạm vi liên hiệp quốc sao cho các nước nhận viện trợ khỏi phân nan thiếu quyền tự do bàn cãi và kết ước. Mỗi tương quan cơ năng giữa sự phồn thịnh của Tây-phương và cảnh nghèo túng hay tình trạng cơ cực thường xuyên của khối kém mỏ mang như việc Tây-phương đã thiếu phần kính trọng giá trị văn minh của họ, đã gây ra một trạng thái tâm lý thù hận và ngờ vực khó mà xóa nhòa được.

Kẻ bóc lột, bị ghét bỏ, bị khinh khi tất nhiên có những phản ứng quá khích đến bất công Nhưng Tây-phương không nên ân hận gì lúc nghĩ tới gánh nợ quan trọng của mình, nào khai thác khối vàng khổng lồ cùng là hầm mỏ, nào phá tan các nền kinh tế cổ truyền mà không bù đắp xứng đáng, nào đem bán dân da đen nô lệ, nào nâng đỡ bọn phong kiến lạc hậu, nào đầu cơ và gây xáo trộn trong các nước nghèo khó bằng các biến đổi giá trị nguyên liệu trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Đề đền bù thời kỳ lịch sử đã giúp Tây-phương tiến mau, các nước tiến bộ phải trường kỳ hợp tác đẩy bước tiến chung của cả thế giới.

Họ phải nhẫn nại dù cho chính quyền các nước nhận viện trợ có vụng về hoặc chỉ trích. Nghĩ cho cùng nếu xưa kia để thực hiện nền hòa bình để các nước thuộc địa hay bán thuộc địa sống như những dân tộc đang lập quốc thì ngày nay thật khó tái lập hòa bình khi các chế độ phong kiến hoặc vương hầu còn thức tỉnh hay khi hình thức phong kiến mới xuất hiện hoặc tham vọng chinh phục các nước lân bang đã bộc lộ.

KHUYẾT ĐIỂM CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

CÁC cơ quan quốc tế bị tê liệt vì những hội viên thiếu ý thức quốc tế, nên chưa có đủ khả năng để phát triển hòa bình thế giới. Những nước nghèo thì tham gia để đưa yêu sách; còn

những nước giàu lại là thành phần thiểu số so với các nước hội viên; vả lại lòng vị kỷ không cho phép họ cung ứng nhiều như người ta hằng mong đợi.

Tây phương cũng như cộng sản phải thành thật trong lời nói cũng như trong việc làm để may ra có thể chấm dứt chiến tranh lạnh, biến Liên hiệp quốc thành cơ quan nghiên cứu và nơi gặp gỡ bàn luận, khơi mào một cuộc chuyển tiếp gay go từ một thế giới chia rẽ đến một thế giới đoàn kết, hay từ một thế giới đầy tham vọng thành một thế giới huynh đệ.

Các tổ chức quốc tế không phải chỉ thiếu quyền lực. Mâu thuẫn nội bộ gây tổn thương tinh thần quốc tế và làm mất hiệu lực của các tổ chức ấy. Các cơ quan quốc tế cũng không thoát khỏi những thủ đoạn của chủ nghĩa quốc gia cũng như cuộc chạm trán giữa các chủ nghĩa đế quốc. Vì vai cấp lãnh đạo nhu nhược, vì vài nước hội viên thiếu thành tín, các cơ quan ấy đã rơi vào một « hệ thống » cạnh tranh đầy tham vọng, để sinh ra tranh chấp giữa các quốc gia. Các tổ chức ấy chưa sinh hoạt đúng mức bình thường, dù rằng, về nhiều phương diện, không ai phủ nhận phần lợi ích.

Thậm chí, những cuộc trao đổi về văn hóa cũng mang nặng tính chất quốc gia hoặc tính chất của một nền văn minh nhất định: ai cũng muốn người biết ta hơn là ta biết người. Ngay cả việc giúp kẻ khác có nhiều dịp quảng cáo cũng chỉ nhằm mục đích tỏ ra mình biết thông cảm, nhất là để lôi cuốn họ theo một đường lối gọi là tự do, nhưng chính mình cũng không muốn biến đổi.

Thế giới đảo điên chỉ vì bị gò ép trong muôn vàng xung khắc đó. Để chuẩn bị tiêu diệt thể xác và tâm linh nhân loại, thế giới đang tận lực vơ vét những gì có thể mở mang đất đai. Tiệt thần nhu nhược của các nhà lãnh đạo thế giới quả là tương phản với thể hùng và khả năng hăm dọa của họ.

MỘT LỰC LƯỢNG CÓ THỂ TRỞ THÀNH QUYẾT ĐỊNH

NH Ầ M góp phần biến cải thế giới để dọn đường chiến thắng tối hậu cho nền kinh tế duy nhân, phải chăng ý nguyện của chúng tôi là một cuồng vọng ?

Thử hỏi, trước sức mạnh vũ bão của Hoa Kỳ và thái độ ngoan ngoãn của Nga-Sô, cả hai đều quyết tâm chinh phục nhân loại bằng mọi cách, chúng tôi, một nhóm người ít ỏi tuy đầy thiện chí, có thể làm được gì ?

Với các nhóm khác cùng theo với một chí hướng, chúng tôi chỉ có thể làm trò cười trước thế lực kim tiền, trước các đảng phái dựa vào đại chúng, trước các tham vọng trắng trợn, trước các tiểu trưởng giả, trước tinh thần vụ lợi bỉ ổi, trước các nhà trí thức hữu danh, trước các nhà cai trị khôn khéo, trước chủ nghĩa cộng sản, sau rốt là trước nhóm người công giáo.

Nhưng chúng tôi xin nhận cái diên khùng và cái trò cười này. Vì rằng, để khởi xướng những thay đổi lớn lao, không nhất thiết phải đông người. Chúng ta đã từng chứng kiến những cuộc thay đổi như thế, phát xuất từ một lực lượng bề ngoài không đáng kể, nhưng biết rõ nguyện vọng và cương quyết giữ vững nguyện vọng ấy. Cái hình thù to lớn của những tên khổng lồ mà chúng tôi phải đo sức không làm chúng tôi nao núng, vì đó chỉ là những tên khổng lồ rơm. Đã có những phút chỉ cần suy nghĩ một chút là đủ biến cải cả giòng lịch sử. Chúng tôi tin rằng chúng tôi là một trong số những lực lượng mãnh khảnh hiện sẵn có khắp thế giới, mà khi cùng qui tụ lại, có thể trở thành lực lượng quyết định.

Riêng phần chúng tôi, đây là những lý do tin tưởng : chúng tôi thực tâm yêu nhân loại một cách bất vụ lợi ; chúng tôi biết ý thức thế giới liên đới và ý niệm chính yếu ; chúng tôi có phương pháp để phân tích và thẩm định các nhu cầu và khả năng và luôn luôn chăm chú tìm tổng hợp ; vững tin tưởng ở sức

mạnh chân lý và thiện chí của rất nhiều người, chúng tôi luôn giữ thái độ đượm tình thân ái đối với các phong trào xuất phát từ dân chúng.

Đặc biệt, chúng tôi tin tưởng hiệu lực của tình thương mỗi người và tất cả mọi người. Giới bình dân hẳn học chống đối khối trưởng giả và tư bản không ngoài các lý do đồng lương thấp kém, làm việc quá mức, chỗ làm bất ổn, chỗ ở tối tăm bẩn thỉu, mỗi ngày lại nhận định rõ sự tương phản giữa cuộc sống đói kém và nếp sống thừa thãi phung phí. Nhưng lý do chính yếu đối với giới lao động là không được yêu mến, người ta đối xử với họ như là những yếu tố sản xuất và sinh lợi, chứ không phải là con người.

Nếu chủ nhân đã rũ lòng thương, thì không phải đợi những đạo luật xã hội trói buộc lần lần mới chịu sửa chữa guồng máy tạo vô sản.

Nếu các nhà kinh tế học đã biết xót thương thì đâu có quan niệm khoa kinh tế như một khoa học trừu tượng xa nhân bản. Họ đã bị gò bó vì cái đối tượng riêng, thuần túy vật chất : đó là sản xuất tài sản.

Nếu các chánh trị gia đã biết xót thương thì đâu phải chờ đợi quá lâu mới bỏ buộc bảo hiểm tai nạn lao động, cấm thu nhận nhân công thiếu nhi, giảm giờ làm việc của phụ nữ rồi tới nam giới, lập chế độ an ninh xã hội, phụ cấp gia đình và các thể thức dễ dãi dễ tạo ra nhà cửa.

Ngày nay, các nước kém mở mang cũng lâm một cảnh ngộ như vậy. Họ thực sự đói khổ, cư ngụ tàn tệ, luôn luôn lo sợ thiếu an ninh. Họ phản ứng và chống đối lại chẳng qua là để bộc lộ cái mặc cảm của kẻ bị ruồng bỏ, bị khinh khi, bị lãng quên đối với những ai có bồn phận tìm hiểu họ và tỏ ra biết yêu mến họ.

Các chuyên viên về phát triển đã thất bại chỉ vì thiếu tình thương ! Họ hợp thành một nhóm người xa lạ, lãnh lương hậu, lo dùm học nhau và thường không kém vẻ ngạo mạn, lại có dịp thâm cứu về kỹ thuật, mở rộng kiến thức sẵn sàng đề tìm

những địa vị nhiều lợi lộc ở các đại học đường, trên trường chánh trị hoặc trong các thông vụ. Phải chăng cần có sự thấu hiểu chính xác và tư tưởng phóng khoáng do tình yêu mang lại mới thúc đẩy họ quan niệm được rằng vai trò chuyên môn phải nằm trong tầm nhãn bao quát đầy mạnh dạn tiến hóa.

Vì lòng bác ái, chúng tôi đã chọn sự thắng tiến của toàn thể nhân loại làm cứu cánh. Chúng tôi chú ý tới mọi người, mọi tầng lớp xã hội, mọi dân tộc bất cứ ở địa phương nào hay quốc gia nào, nói chung toàn thể nhân loại. Động lực duy nhất thúc đẩy chúng tôi hành động là tình huynh đệ chân thật đối với tất cả mọi người và mọi liên hệ tới con người.

Cho nên, cái gì đối với phần đông có vẻ như nan giải, thì đối với chúng tôi không còn như thế nữa. Chúng tôi biết sức mạnh của tình thương và một tình thương mãnh liệt cho phép ta hành động không cần phải có tiền nhiều, cũng không cần khí cụ.

Vì lòng bác ái, ta có thể bằng lòng nhận thù lao vừa đủ sống; hay có thể hòa mình với kẻ khác, xem các vấn đề của họ như của mình, đáp lại những ước vọng của họ, đôi khi cả những bức tức của họ. Cũng vì lòng bác ái, ta có thể kết liên với bao người thành tâm không còn muốn phí uổng kiếp sống và giúp những người quyết định hy sinh được vững bền và dũng cảm.

Tình thương chân thật vẫn là lực lượng mạnh nhất, giúp ta thoát lối bí, mở hướng đi mới, tránh được hoặc dẹp tan mọi chướng ngại, chống bất công, tố giác ích kỷ, không màng hiểu lầm hay vong ân, vượt qua mọi thất bại dù phải làm lại bao nhiêu lần.

Vậy, chúng tôi ở trong số những người tin tưởng rằng khi thương thì mọi sự đều đơn giản, ngay cả những vấn đề có vẻ phức tạp nhất. Người nào yêu kẻ khác (dù là ai) vì kẻ ấy cả những giá trị hiện hữu hay tiềm tàng, mới thật là con người mới, biết thoát ly với chính mình, với tập tục, thói quen, với những hình thức nô lệ.

Tình thương khi được biện chứng cải biến bản thân con người trở nên hữu ích, đồng thời còn phát tiết cho xã hội một nền công lý trong một chế độ luật pháp nhất định và theo một chính sách khách quan, luôn luôn thích ứng với nhu cầu.

Tình thương là động lực tạo điều kiện cho nền văn minh. Cho nên, với những ai bắt đầu thực sự yêu nhân loại, chúng tôi ngỏ lời mời hãy hiến thân trọn vẹn.

NGUYỄN VĂN KHOA

BÙI THANH HẢI

Nhìn về thế giới ngày mai

TÂY Âu trước đây nửa thế kỷ đã từng là vùng thịnh vượng nhất hoàn cầu, họ ngự trị trên khắp các phần đất khác. Nhưng trải qua hai cuộc thế chiến, bây giờ họ càng ngày càng lụn bại, trước sự phát triển phi thường của Hoa Kỳ, sự lớn mạnh của Nga sô, và sự chồm dậy của các nước Á-Phi. Trong khi đa số người Âu châu còn thích tự ru mình trong những ảo tưởng lỗi thời, các khối óc sáng suốt nhất của họ đã thấu suốt hoàn cảnh ấy và cố gắng vạch ra những phương châm để cứu thoát Âu châu khỏi ngõ bí.

Tibor Mende là một nhà kinh tế học đã từng đi khắp các lục địa, nhận xét sâu sắc về nhiều nước Âu Á. Trong quyển « Nhìn về lịch sử ngày mai » ông vẽ ra bức tranh tổng hợp của thế giới từ đầu thế kỷ đến giờ và đoán trước bước đường tiến hóa trong nửa thế kỷ sau. Tác phẩm ấy đã được xuất bản bằng tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh, lưu hành ở nhiều nước.

Chúng tôi tóm tắt giới thiệu sau đây ý kiến của một người có nhãn quan rộng rãi tự nhận xét về trách nhiệm của Âu châu hiện thời. Còn phương châm cứu vãn Âu châu là riêng của tác giả, một người Âu nói với cả Châu-Âu.

HÔM QUÁ

MỞ I hồi cuối thế kỷ thứ 15 đầu thế kỷ thứ 16, hồi mà Christophe Colomb tìm ra tân thế giới, thì có lẽ mức sống trung bình của người dân Tây-Âu so với của người dân ở Ấn-Độ, ở Trung Hoa, ở nước Nga v.v... hãy còn không hơn kém nhau bao nhiêu. Thế nhưng bốn thế kỷ sau, vào cuối thế kỷ thứ 19, thì mức sống ở những nơi ấy đã cách nhau một trời một vực : cùng làm một công việc ngang nhau, người dân Tây Âu hưởng thụ gấp mười lần hay mười lăm lần người dân Trung-Hoa, Ấn-Độ.

Sự phát triển của kỹ nghệ đến cuối thế kỷ thứ 19 đã đưa Tây Âu lên tới cực điểm của vinh quang, phồn thịnh. Họ làm chúa tể hoàn cầu. Quốc gia đầu tiên biết lợi dụng khoa học để bành trướng sức mạnh một cách ghê gớm ở Tây Âu là nước Anh, một đảo quốc giữa biển (cũng như sau này quốc gia dẫn đầu phong trào canh tân ở Á đông cũng là một đảo quốc : Nhật bản). Vào thời kỳ cực thịnh của mình, nước Anh đã cai trị một khối thuộc địa mênh mông mà diện tích rộng

bằng 140 lần diện tích chính quốc. Ngoài ra các nước khác ở Âu châu, như nước Bỉ cũng chiếm những miền đất rộng bằng 80 lần mẫu quốc, nước Hòa Lan cũng có thuộc địa rộng bằng 60 lần, nước Pháp rộng bằng 20 lần chính quốc. Kể riêng ba đế quốc Anh, Pháp và Nga hoàng nhập lại đã bằng quá nửa thế giới.

Vào những năm cuối cùng của thế kỷ thứ 19, người ta có chú ý đôi chút tới sự phát triển lạ lùng của một quốc gia mới mẻ ở bên kia Đại tây dương là Hoa Kỳ, và của vài quốc gia nhỏ khác là Đức và Nhật. Tuy vậy những đế quốc kỳ cựu như Anh, Pháp chưa có mấy may lo ngại. Và quả thực họ có những lý lẽ để tin tưởng : vào năm 1900 mức xuất cảng của Anh quốc tính theo từng đầu người dân là 7 đồng Sterling, của Pháp là 4 đồng rưỡi, mà của Hoa kỳ hãy còn chỉ có ba đồng rưỡi. Riêng về máy móc, số xuất cảng của nước Anh bằng 2 lần rưỡi số xuất cảng của Pháp và Hoa kỳ. Về phương diện giao thông chuyển tải, nước Anh lúc đó có 10 triệu tấn tàu, Đức có được 2 triệu tấn, Pháp có 1 triệu tấn, còn Hoa kỳ thì hầu

như chưa có gì cả. Vì vậy sự chuyển chở hàng hải gần hết đều trông cậy vào tàu Anh.

Vừa giàu vừa mạnh, có máy móc tinh xảo, có súng ống tối tân, Âu tây, tự coi mình là bất khả xâm phạm và đối với những dân tộc khác họ toàn dùng những tiếng : trừng phạt, nghiêm trị, chinh phục v.v... Khi người Trung-Hoa ái quốc gây ra loạn Quyền phi, làm thiệt mạng một số người Âu, tờ báo Anh *The Times* số ra ngày 5 - 11 - 1900 đòi trừng trị thực nặng những người cao cấp nhất trong chính phủ Tàu « để cho tất cả nước Tàu hiểu rằng không có thể lực nào trong nước có thể cứu nổi những kẻ phạm tội với người Âu-châu thoát khỏi sự trừng phạt ».

Cách đây nửa thế kỷ Âu châu là vô địch, là trung tâm của thế giới. Cố nhiên họ dễ có cảm tưởng rằng cục diện sẽ mãi mãi như thế, họ không tiên liệu được cái ngày thay bậc đổi ngôi, vì vậy đâu đó khắp châu Phi, châu Á, nơi nào họ có đặt chân tới để tìm nguyên liệu cung cấp cho nền kỹ nghệ của họ, họ đều có phạm vào những hành động tàn bạo, kiêu hãnh, tội lỗi.

HIỆN NAY

RỦI cho Tây Âu, họ không thể giữ thời kỳ oanh liệt ấy được lâu dài. Chỉ trong vòng 5, 6 mươi năm từ đầu thế kỷ đến nay nhiều yếu tố đã thúc đẩy một sự biến đổi nhanh chóng bộ mặt thế giới. Chỉ trong khoảng thời gian một đời người như thế mà đã xảy ra hai trận đại chiến khốc liệt nhất từ xưa tới nay, đã diễn ra hai cuộc cách mạng quan trọng vào bậc nhất trong lịch sử hiện đại, đã thành hình hai quốc gia khổng lồ có lẽ lớn nhất từ cổ chí kim, đã thành công những phát minh khoa học lạ lùng nhất, cho phép loài người sử dụng được những khả năng mạnh mẽ nhất từ trước đến giờ.

Trong khoảng thời gian ấy hoạt động kinh tế càng ngày càng to lớn. Năm 1903 ở Hoa-kỳ có 181 công ty lam xe du lịch; đến năm 1930 thì 90% số xe sản xuất chỉ dồn vào có 6 công ty. Những công ty như thế qui mô dị thường: con số những người mà đời sống có liên quan với hãng U.S. Steel Corporation có thể ngang với dân số cả nước Na-uy; và một ông John D. Rockefeller đã tiêu

phí riêng về công việc từ thiện một số bạc là 300 triệu mỹ kim. Nếu mỗi người thợ ở Ấn độ chẳng hạn lãnh lương mỗi tháng chừng 30 mỹ kim thì 1.000 người thợ ấy phải để dành tất cả lương bổng trong suốt 833 năm trời mới góp được số tiền tiêu vào việc từ thiện kia.

Và cũng trong khoảng thời gian nửa thế kỷ ấy phương tiện giao thông đã tiến bộ đến nỗi những người Ấn độ nọ và ông D. Rockefeller kia không còn cách xa nhau nữa, mức sống cách biệt của họ như thể là được đem đến gần bên cạnh nhau để đối chiếu. Và lại ngay nay những phương tiện truyền tin như báo chí, như vô tuyến truyền thanh... đem đến cho mọi người trên thế giới những tin tức nhanh chóng và đầy đủ bằng nhau, không còn có điều gì dân tộc này dấu diếm dân tộc kia được nữa.

Cũng trong vòng nửa thế kỷ ấy dân số trên hoàn cầu tăng lên gấp đôi mà đa số lại là hạng nghèo khó. Năm 1900 nhân loại có 1 tỷ 300 triệu người; tính ra cứ 13 người thì có 4 người Âu, 8 người Á, tất cả các miền khác

chừng 1 người. Ngày nay dân số trên quả đất ước chừng 2 tỷ rưỡi; mà tính ra cứ trong 25 người thì vẫn chỉ có 4 người Âu, và đến 12 người Á châu, 2 người Phi châu, lại thêm 2 người dân Nga xô, 1 người rưỡi Hoa kỳ v.v. Trong tỉ lệ trưởng thành ấy, người Âu châu thiệt thòi nhất.

Sau nửa thế kỷ biến thiên như thế, bây giờ kiểm điểm lại tình hình, người ta nhận thấy rằng vinh quang thịnh vượng không còn ở Âu châu nữa. Nó đã vượt Đại tây dương mà sang bên phía một quốc gia mới :

1—*Hoa kỳ* : Nước này đem áp dụng tất cả cái kỹ thuật kinh tế, kỹ nghệ đã giúp cho Âu châu thành công trước kia, áp dụng vào một nước rộng lớn, có một chính thể dân chủ, có khí hậu tốt, có rất nhiều nguyên liệu. Rốt cuộc họ thực hiện một tiến bộ kỷ lục hiện thời, như ta đã thấy trong số 100 người dân trên giới chỉ có 6 người Hoa kỳ, thế mà họ sản xuất ra 40% sản vật của hoàn cầu ! Chưa bao giờ trong lịch sử có một hiện tượng như thế.

Trong khoảng 40 năm đầu thế

kỷ này, lợi tức quốc gia của Hoa kỳ tăng lên gấp 3 lần trong khi dân số tăng lên không đầy gấp 2. Vì vậy mà mức sống của họ lên cao hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Trong một ngôi nhà của người Mỹ trung bình hiện thời ít ra cũng có chừng 6, 7 cái máy làm cho họ tất cả những công việc mà cha ông họ xưa kia phải làm bằng tay. Hiện thời 160 triệu dân Mỹ có hơn 15.000 rạp chiếu bóng, trong lúc 450 triệu dân Tàu có không đầy 14.000 cái giường nằm ở các bệnh viện. Trên một chiếc tàu Mỹ vào hạng tối tân có phòng lạnh trang bị đủ mọi tiện nghi cho hành khách, trong lúc ấy thì trong thành phố Bombay ở Ấn - độ có chừng 250 nghìn người không nhà, đêm đêm phải ngủ ở các ngã đường.

Có thể nói chắc rằng đến ngày nay dân Hoa kỳ sản xuất ra đã vượt trên mức nhu cầu của người dân trong nước họ : từ năm 1950 người ta đã ước lượng có đến phân nửa số tiêu thụ của người Hoa kỳ xét ra không cần thiết cho sức khỏe và sự tiện nghi của một mức sống bình thường. Bởi vậy thị trường trong nước của họ đã tới lúc không thể tiêu thụ nổi hết hàng hóa sản xuất của họ

nữa. Mà Hoa kỳ từ trước tới nay vẫn lại là một nước ít bán sản phẩm ra ngoài (trái với nước Anh trong thời kỳ bá chủ trước đây) ; hàng hóa Hoa kỳ bán trong nước 100 mỹ kim thì chỉ bán ra ngoài chừng 4 mỹ kim thôi. Do đó mà có thể xảy ra một tình trạng nguy nan cho nền kinh tế thế giới một khi hàng hóa của Hoa kỳ bị ứ đọng.

Lúc ấy hoặc Mỹ phải hãm lại sự sản xuất và kéo theo sự ngưng trệ sụp đổ của bao nhiêu guồng máy kinh tế các quốc gia khác, bởi vì trong thế giới ngày nay sự liên hệ giữa các nước với nhau — nhất là với Mỹ — đã đến mức vô cùng chặt chẽ. Hoặc là Mỹ phải tung vốn ra nước ngoài, đầu tư vào công cuộc mở mang kỹ nghệ ở các nước hậu tiến, để cho những nước này phát triển lên có khả năng tiêu thụ hàng hóa do Mỹ sản xuất. (Trường hợp này đã có kết quả ở Gia nã đại : vào năm 1935 Gia nã Đại chưa được mở mang, và hàng năm số xuất cảng của Mỹ sang nước này chỉ lên đến 300 triệu Mỹ kim. Thế nhưng từ đó Mỹ tăng gia số đầu tư vào Gia nã Đại lên đến 8 tỷ Mỹ kim, khiến nước này từ một nước nông

ngiệp biến thành một xứ kỹ nghệ quan trọng, và mãi lực của Gia nã đại cũng tăng cao rất nhiều. Năm 1950 họ mua của Mỹ một số hàng hóa gấp 7 lần năm 1935. Và đến năm 1952 thì không có nước nào trên thế giới tiêu thụ hàng Mỹ nhiều bằng Gia nã đại).

Sự phát triển kỹ nghệ của Mỹ còn đặt ra một vấn đề khác nữa là vấn đề nguyên liệu. Hồi năm 1900 số nguyên liệu khai thác trong nước đem ra dùng vào kỹ nghệ còn dư lại 15%. Nhưng sức hoạt động chế biến của cả nhà máy mỗi ngày một tăng gia, nên đến năm 1950 thì nguyên liệu đã thiếu đi 10%, cần phải nhập cảng. Rồi thì dân số Hoa kỳ càng ngày càng nhiều, máy móc càng ngày càng tinh, Hoa kỳ sẽ tìm đâu ra số nguyên liệu cần thiết? — Người ta nghĩ ngay đến các Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ La Tinh. Muốn dùng được nguyên liệu của những miền đất mệnh mông ấy, nước Hoa kỳ dĩ nhiên phải tạo ra một quan hệ chính trị thân hữu với các dân tộc ở đó; mà muốn gây thân thiện, muốn gây cảm tình và tín nhiệm nơi họ, điều cốt yếu là giúp họ thoát khỏi tình trạng nghèo đói

chậm tiến, nếu không, họ có thể ngã về khối cộng sản và dồn hết cả nguyên liệu họ về phía ấy.

Sự phát triển chớp nhoáng của nền kinh tế Mỹ đã đặt cả nước này trước một chọn lựa : hoặc sự bế tắc đen tối cho toàn khối Âu Mỹ, hoặc một hứa hẹn thịnh vượng chung cho cả nhân loại. Vấn đề then chốt của thời kỳ này tùy thuộc ở thái độ kinh tế và chính trị của Hoa kỳ đối với những quốc gia chậm tiến.

2— *Tây Âu* : Bên cạnh nước Mỹ trẻ trung đầy sinh lực, đang đóng vai trò quyết định trên sân khấu thế giới, *Tây Âu* hóa thành một ông già bất lực mà hoang phí. Trong nửa thế kỷ vừa qua, những nước Tây Âu đã bỏ ra ngót mười năm trời để đánh nhau chí tử, sự thiệt hại về nhân mạng cũng như về sản vật thật là lớn lao. Chiến tranh chấm dứt, châu Âu kiệt quệ lại không biết lượng tài lực sức, tiếp tục một cuộc sống xa hoa, tiêu xài quá khả năng sản xuất của mình. Các nước Âu châu giống như là những vị anh hùng đã nắm vận mệnh thế giới một thời, bây giờ thành ra những kẻ tàn phế què quặt, phải dùng

cấp nạng viện trợ Mỹ chống đỡ để lè mình lếch thếch theo đoàn. Thực vậy, từ sau cuộc đại chiến thứ hai đến 1950, mỗi người dân Âu châu đã phải nhận của Hoa kỳ 250 Mỹ kim. Nếu không thế Tây Âu biết làm thế nào? Kỹ thuật chế tạo máy móc của họ không còn thuộc vào hạng tinh xảo nhất nữa; các thuộc địa vốn là kho nguyên liệu của họ, ngày nay dần dà đã thoát ly, độc lập hoặc mất về tay kẻ khác, có nước lại bị mất về tay Cộng sản; để giữ các thuộc địa ấy có khi họ lại gây ra những cuộc chiến tranh địa phương mà kết quả là càng làm cho họ tiêu hao mau chóng thêm... Trên thương trường họ cạnh tranh không nổi với các quốc gia mới như Hoa kỳ, Nhật, Đức; vì sử dụng máy móc thua sút, nhân công của họ sản xuất không bằng nhân công Mỹ, mà lương bổng thì cao hơn nhân công Nhật. (Một người thợ Anh lương cao gấp 6 lần một người thợ Nhật). Số vốn Tây Âu đầu tư ở các nước sút giảm lần lần. Hạm đội của họ suy nhược nên thuyền bè của họ không còn giữ độc quyền chuyên tải hàng hóa và nguyên liệu trên thế giới như xưa kia nữa.

Cuối thế kỷ trước, trong lúc người Âu châu ngự trên xe hơi sang trọng giữa các kinh thành lộng lẫy thì người Mỹ hãy còn cặm cụi khai thác miền cực tây của họ. Giữa thế kỷ này mức sống của người Mỹ cao gấp 3 lần mức sống của người Âu, và sở dĩ người Âu còn giữ được cái mức sống thấp thời ấy chính lại là vì nhờ có sự viện trợ của Mỹ.

Đã vậy mà trước mặt Âu châu còn hiện ra vài mối đe dọa trầm trọng nữa: thứ nhất là dân số hoàn cầu tăng gia nhanh hơn số thực phẩm có thể sản xuất, thứ hai là máy móc và sản phẩm kỹ nghệ chế hóa ra nhanh hơn số nguyên liệu được khai thác. Âu châu từ thế kỷ trước đến nay vẫn còn quen sống bằng cách bán sản phẩm chế hóa ra các châu khác để đổi lấy thức ăn đem về bởi vì đa số các nước Tây Âu đều chuyên về kỹ nghệ mà chênh mắng về canh nông, và càng ngày càng đi sâu vào con đường tai hại ấy. So sánh tỷ số người làm nghề nông, trước và sau cuộc đại chiến thứ nhì mươi năm, người ta thấy một sự sụt giảm từ 1/3 xuống 1/5 ở Thụy điển, từ 17% xuống 12% ở Bỉ. Mặt khác Âu châu từ thế kỷ

trước đến nay lại cũng chuyên bán máy móc và sản phẩm chế hóa ra ngoài để mua nguyên liệu đem về. Ngày nay sản phẩm chế ra càng nhanh càng nhiều mà nguyên liệu thì khai thác càng ít bởi vậy máy móc mỗi ngày mỗi hạ giá mà nguyên liệu mỗi ngày một lên giá. Số máy móc Âu tây bán ra phải nhiều thêm mà nguyên liệu cùng thực phẩm đòi được để thu về thì ít đi. Tây Âu lâm vào một tình trạng bối rối khó gỡ. (Nga sô và Hoa kỳ thì không đến nỗi thế, hai nước ấy tự sản xuất lấy một phần lớn thực phẩm và tự khai thác lấy một phần lớn nguyên liệu cần dùng trong nước mình, sự buôn bán với nước ngoài chỉ đem lại 5% trong lợi tức quốc gia). Tây Âu phải làm sao trước thế bí ấy? Có lẽ họ phải bỏ cái khẩu hiệu cổ truyền là : « Xuất cảng càng nhiều càng hay » của họ, mà dùng một khẩu hiệu mới : « nhập cảng càng ít càng tốt ». Có lẽ họ phải sửa đổi tận gốc cả cơ cấu kinh tế của họ : phải chuyển hướng mạnh về canh nông, tận dụng các phát kiến khoa học để cải tiến ngành canh nông, một mặt khác họ lại phải duyệt lại các ngành kỹ nghệ, chỉ chọn lựa ngành nào cần ít nguyên liệu

mà bán hàng ra được nhất (chẳng hạn như kỹ nghệ đồng hồ ở Thụy sĩ, máy chụp hình và được phẩm ở Đức, máy bay phản lực chở hành khách ở Anh...)

Cố nhiên không phải những biện pháp ấy có thể khiến Âu châu trở lại được thời oanh liệt đã qua. May ra họ giữ được một mức sống tuy có tương đối thấp mà ít bấp bênh, và nhất là khỏi phải nương dựa vào ngoại viện như ngày nay.

3— *Nga sô* : Kiểm điểm tình hình vào giữa thế kỷ này, người ta lại phải kể ngay đến một lực lượng khổng lồ nữa : *Nga sô và khối cộng sản*. Hồi đầu thế kỷ, nữ văn hào Pearl Buck đã có một lần đi ngay qua nước Nga bằng xe lửa, và bà đã thuật lại trong quyển « *Những thế giới của tôi* » như thế này : « Tôi đã thấy cảnh nghèo khổ ở Trung - hoa, sự túng thiếu trong thời đói kém, và sau này tôi cũng đã chứng kiến cảnh nghèo ở quê hương tôi tại các khu vực nhà ổ chuột hoặc tại các tỉnh miền nam, nhưng từ trước tới nay và từ lúc này trở đi tôi chưa bao giờ thấy cảnh nghèo đói nào như ở Nga, hồi tiền cách mạng... Trước hết

tôi cho rằng tất cả dân Nga đều giống những dân man rợ nghèo đói trong xứ, tất cả nông dân đều mặc áo bằng da súc vật mà mặt lông lộn vào bên trong, bụi đất đóng thành bánh. Sự dốt nát từ nghìn đời xuất hiện trên khuôn mặt lớp người đáng thương đó là một nỗi thất vọng chua cay dường như vượt ngoài ký ức và tưởng tượng của họ là không ai sẵn sóc đến họ, không ai đoái hoài đến họ, vì thế, họ chỉ còn nghĩ đến có mỗi chút lương thực làm thương đồ vào những chiếc dạ dày trống rỗng». Thế mà ngày nay họ vượt hẳn các nước Tây Âu về lực lượng kinh tế và quân sự. Cổ nhiên dân Nga đã trả giá sự tiến bộ ấy quá đắt, họ đã chịu đựng một chính sách độc tài bất nhân có thể nói là dã man có một không hai trong lịch sử; tuy nhiên kết quả mà họ đạt được vẫn cứ gọi sự thềm muốn của nhiều nước chậm tiến tự thấy hoàn cảnh khốn khổ của mình cũng giống hoàn cảnh họ trước kia và cũng muốn tiến nhanh gấp như họ.

Hồi năm 1903 tất cả lực lượng sản xuất kỹ nghệ của Nga số chỉ bằng 1/8 của Đức hay 1/15 của Anh. Ngày nay về phương diện kỹ nghệ Nga số chỉ còn

thua Hoa kỳ mà thôi. Số thép của Nga sản xuất ra bằng của nước Anh và nước Đức cộng lại (nhưng số thép ấy vẫn chỉ bằng 1/3 sức sản xuất của Hoa kỳ); số than của Nga khai thác được bằng của cả nước Anh, nước Pháp, và nước Bỉ cộng lại (nhưng số than ấy chỉ bằng 1/2 sức sản xuất của Hoa kỳ); số điện năng của Nga số bằng của cả nước Anh và nước Pháp cộng lại (nhưng vẫn chỉ bằng 1/5 của Hoa kỳ).

Một hiện tượng đáng chú ý nhất trong công cuộc canh tân nước Nga là việc dời các cơ sở kỹ nghệ của họ qua phía Đông dãy núi Ourals. Miền đất mênh mông của châu Á này trước kia nghèo nàn, thưa thớt, hoang vu. Khi chiến tranh xảy ra giữa Nga số và Đức quốc xã, để tránh sự tàn phá của Đức, người Nga phải dời các nhà máy của họ từ bên này sang bên kia núi Ourals. Cuộc di chuyển ấy thoát tiên đã lôi cuốn theo 15 triệu người sống vì kỹ nghệ. Tiếp theo đó mỗi ngày miền này càng phát triển thêm, và hiện thời có lẽ đến 50 triệu dân, tức là 1/4 dân số của Nga số, đến sống ở đây. Như vậy phần đất thuộc về châu Á của Nga số càng ngày càng tăng giá trị;

trước đại chiến, 2/3 số than của Nga là thuộc về bên này dãy Ourals, đến 1950 thì bên kia dãy Ourals đã sản xuất tới hơn 1/2 tổng số than trong nước; cũng từ năm 1950 người ta biết rằng số dầu hỏa khai thác ở bên kia núi Ourals được 16 triệu tấn, còn dầu hỏa ở bên này núi chỉ có 6 triệu tấn. Ta có thể ước lượng rằng hiện nay hơn một nửa lực lượng kỹ nghệ của Nga số là thuộc về phía châu Á.

Đối với các nước Âu châu, sự tiến bộ nhanh chóng về mặt kinh tế của Nga số không phải là tấm gương hấp dẫn. Ở Âu châu người ta biết sự tiến bộ ấy đã thực hiện bằng cưỡng bách, bằng cách bắt con người hy sinh tất cả tự do, cả nhân phẩm, và thường khi cả nhân mạng nữa. Một nhân vật Tây phương đã dự phần vào công cuộc xây dựng nhà máy Magui-togorsk đã viết rằng: «...hàng triệu người đàn ông và đàn bà cùng chịu chết đói và chết rét, chịu đựng những điều kiện sinh sống và lao động bất nhân kinh khủng. Tôi sẵn sàng nói quyết rằng cuộc chiến đấu của người Nga để sản xuất thép còn gây ra nhiều tổn thất hơn là trận chiến tranh ở La Marne ! »

Thế nhưng trong hiện tình thế giới, địa vị của Nga số rất

là quan trọng. Trước hết là vì họ cầm đầu một khối lớn gồm 800 triệu người tức là 1/3 tổng số nhân loại; chỉ nói đến sự bất hợp tác của một số người như thế đã đủ gây ra nhiều trở ngại trầm trọng trong đời sống quốc tế, chưa nói đến sự chống đối phá phách của họ. Hơn nữa, việc kỹ nghệ hóa miền đông Ourals gieo một mối hy vọng đột ngột vào các dân tộc chậm tiến ở châu Á: Những dân tộc này thấy rằng từ một miền đất nghèo nàn cần cỗi như thế, phương pháp của Nga số đã biến thành một vùng kỹ nghệ phồn thịnh, thì họ vẫn có thể trông mong ở phương pháp này. Bởi vì mỗi mơ ước thường xuyên của các dân tộc chậm tiến Á Phi hiện nay là kỹ nghệ hóa.

Chính vì lẽ đó mà Nga số thành ra nguy hiểm, nó càng tìm cách kích thích sự ước muốn, thèm thuồng, nó quyến rũ các nước chậm tiến bất mãn với Tây Âu.

4— *Châu Á* với cả khối dân số 1 tỷ 3 trăm triệu người là đối tượng quan trọng nhất của nó ngày nay. Ngày xưa, khi Marco Polo lạc bước tới châu Á, ông ta lóa mắt vì sự giàu có thịnh vượng của những trung

tâm thương mãi ở đây ; nhưng trong một thế kỷ oanh liệt của người Âu Tây, nhờ được kỹ thuật tân tiến, họ đã áp bức, bóc lột, hèn hạ người Á châu đủ điều, đến nỗi bây giờ cả châu Á thức tỉnh dậy, tự thấy mình vừa tiêu điều kiệt quệ, vừa nhục nhã ê chề.

Trước cuộc chiếm quyền của Mao-trạch-Đông số dụng cụ mà một người thợ Trung - Hoa được sử dụng chỉ bằng 1/15 của một người thợ nước Pháp; người thợ Ấn-độ thì khá hơn, nhưng cũng chỉ dùng được số dụng cụ bằng 1/5 của người thợ Pháp mà thôi. Do đó họ sản xuất kém cỏi, mức sống thấp, ăn uống thiếu thốn, thuốc men thiếu thốn v. v. . . Hơn nữa Châu Á lại sinh đẻ nhanh chóng hơn dân Âu tây, vì vậy mà tình trạng đói kém lại càng ngày càng thêm trầm trọng khó giải quyết. Trước hiện tình như thế, lãnh tụ Ấn độ đã nêu ra mấy nét đặc điểm chung của các dân tộc Á-châu như sau : « Phản ứng chống lại các chế độ thực dân, phục hồi tinh thần ái quốc, mong mỗi cải cách điền địa, ước mong thoát khỏi tình trạng lạc hậu kinh tế để bắt kịp Âu châu, và say mê tự do ».

Về mặt kinh tế thì ngoại trừ miền Tây Bá-lợi-Á của Nga-sô, cả Châu Á chỉ có nước Nhật là có một nền kỹ nghệ tân tiến, hàng năm đem lại 3/4 lợi tức quốc gia. Ngoài ra ở Ấn-Độ, Trung-Hoa mới bắt đầu một ít cơ sở kỹ nghệ. Ở Mãn châu trong thời kỳ Nhật thuộc có một nền kỹ nghệ nặng khá quan trọng, về sau bị tan hoang vì chiến tranh, và mới bắt đầu xây dựng lại gần đây.

Cải mới mơ thoát khỏi tình trạng lạc hậu kinh tế, Á-châu thực hiện bằng cách nào ? — Trông chờ vào sự viện trợ kinh tế của Âu châu và đường lối kinh tế tự do của Âu châu chẳng ? Chưa có chứng cứ gì tỏ rằng người Âu chịu viện trợ cho đầy đủ, rộng rãi ; cũng lại không chắc gì đường lối kinh tế tự do của người Âu có thể đưa đến một hiệu quả mau chóng (mà Á châu lúc này thì lại đòi hỏi hiệu quả tức thời). Rất có thể rằng ngàng mặt trông thấy những nhà máy mọc ở bên Tây-bá-lợi-Á, rồi nhìn xuống xứ sở trợ trụ của mình, một số người Á châu sẽ nóng lòng, nghĩ đến biện pháp tàn bạo mà cấp tốc của Nga-sô. Họ sẽ cho rằng nguyên do sự chậm chạp của

xử sở họ vào lúc này là chế độ tự do dân chủ : ngay ở nước Anh cũng chỉ áp dụng phổ thông đầu phiếu từ 1929 về sau, còn ở Ấn-độ, dân chúng mù chữ đến 85% mà vừa được lập được 3 năm toàn dân đã được đầu phiếu ; có phải sự tự do rộng rãi hưởng quá sớm ấy làm trở ngại cuộc xây dựng kinh tế chăng ? Phải chăng trong giai đoạn cấp thiết này cần phải chấp nhận một chính sách độc tài, một kỷ luật nghiêm khắc, một chính quyền thất nhân tâm mà có đủ khả năng bắt buộc mọi người thất lưng buộc bụng, dầm sương dãi nắng, hy sinh trong một thời gian, mới có thể bắt kịp những nước tiền tiến ? Họ nghĩ tới những lời tuyên bố của Staline trước kia đòi đi ngược lại đường lối kinh tế tư bản không đi từ kỹ nghệ nhẹ đến kỹ nghệ nặng, mà lại bắt đầu xây dựng trước tiên những công trình kỹ nghệ nặng thực qui mô tốn kém. « Phương pháp ấy rất khổ nhọc, nhưng không phải không làm nổi ».

Một thế kỷ nhục nhả dưới ách thống trị của Âu châu khiến phần đông dân chúng châu Á lúc này nóng nảy, quyết tâm « làm nổi » mọi điều khó nhọc, Vì vậy mà nếu Tây Âu không

khôn khéo, không sáng suốt đem đến cho họ một sự cứu giúp tận tình và đầy đủ để họ có thể xây dựng những quốc gia thịnh vượng trong tự do thì tình trạng này dễ đưa họ vào vòng cộng sản Á châu mà ngả về khối cộng sản thì cả Âu Tây sẽ lâm vào cảnh hiểm nghèo không phương cứu gỡ.

5 — Nam bán cầu từ trước đến nay đóng một vai trò thụ động, cũng bắt đầu thành một lực lượng đáng chú ý, đóng một vai trò càng ngày càng quan trọng trong cuộc tranh chấp đang diễn ra giữa các lực lượng ở Bắc bán cầu.

Thực vậy, không biết gì những lý do gì — vì dân quá ít ỏi, thưa thớt ? vì khí hậu không được tốt lành ? — Nam bán cầu chưa từng bao giờ được ngọn đuốc văn minh nhân loại soi sáng bằng các châu khác ở miền Bắc. Ngọn đuốc văn minh thuở sơ khởi bùng sáng lên ở châu Á, đi qua miền Lưỡng hà, đi dọc bờ Địa trung hải, đi lên ven biển Đại tây dương, rồi vượt bể sang bên châu Mỹ, xong bây giờ nó lại sắp muốn vượt Thái bình dương mà quay về Á châu. Trong cuộc hành trình chu du khắp địa cầu ấy, nó chưa bao giờ ghé xuống ba

miền lục địa ở phía Nam xích đạo.

Vào thế kỷ trước các lục địa Nam bán cầu thành những miếng mồi ngon cho các đế quốc trắng tranh nhau phân chia. Phản ứng của các dân tộc bản xứ không đáng kể. Cho mãi tới cuộc thế chiến thứ hai, Nam bán cầu vẫn còn đứng ngoài, làm những kẻ bàng quan vô hại.

Được sớm hưởng một tình trạng khả quan nhất ở Nam bán cầu là ở xứ Nam Mỹ : đã từ lâu họ thoát khỏi ách đô hộ của ngoại bang, họ cũng đã xây dựng được một nền kỹ nghệ khá tiến bộ ở các xứ Argentine, Chili v.v..., nhưng họ chưa có hy vọng tự sánh với Bắc Mỹ vì thiếu chuyên viên, thiếu vốn liếng.

Ngoài ra Úc châu bắt đầu từ bồi đại chiến, cũng đã được giúp đỡ để thiết lập gấp rút một số cơ sở kỹ nghệ hiện đang phát triển. Còn Phi châu thì gần đây được đặc biệt chú ý khai thác một số nguyên liệu quý báu như uranium, dầu hỏa.

Trong khi Âu Mỹ đồ xò đến những tài nguyên ấy và lăm le mang tư bản đồ ra để khai thác thì các dân tộc Nam bán cầu cũng vừa bắt đầu đứng lên

giành lại quyền độc lập.

Giữa các lực lượng trên thế giới hiện nay, Nam bán cầu không còn là một lực lượng thụ động, bàng quan nữa, nó bắt đầu « tham gia », và cố nhiên cũng đã đang mang trong tâm trí rất nhiều thành kiến về thái độ phũ phàng của Âu Châu đối với họ trong thời kỳ vừa qua.

Lại một bất lợi nữa đối với các dân tộc Tây Âu.

VÀ NGÀY MAI

CỤC diện thế giới được phát họa như trên xem ra có vẻ rắc rối hơn trước kia nhiều. Hồi cuối thế kỷ trước người Âu châu có thể yên trí rằng trung tâm vũ trụ là ở chỗ mình, ở Tây Âu, từ đó người ta chỉ huy, khống chế toàn thế giới. Ngày nay trung tâm ấy hiện ở tại Hoa Kỳ chẳng ? — Về phương diện kỹ thuật, khoa học, kinh tế thịnh vượng thì quả thực Hoa Kỳ vượt trên mọi nước khác. Nhưng uy thế của Hoa Kỳ không có gì là tuyệt đối : cả một khối cộng cả tám trăm triệu người do Nga sô cầm đầu đang quyết giành cái uy thế ấy, và kết quả sự tranh chấp ra thế nào một phần lớn là tùy thuộc vào thái độ của cả

những miền Á Phi và Nam Mỹ mệnh mong kia. Đám người uất ức, bất bình vì những sự bất công vừa diễn ra bây giờ nóng nảy muốn tiến gấp: các cơ sở kỹ nghệ đã mọc ở Trung Hoa, Ấn Độ, Việt-Nam, Phi Luật Tân, lần xuống phía Úc Châu, Brésil v.v... Cái hiện tượng một phần lớn nhân loại bị thiệt thòi ngược đãi quyết đòi hỏi một sự phân chia tài sản cho công bình hơn, đó là hiện tượng rất đáng quan tâm lúc này. Cường quốc nào muốn thắng thế trong cuộc tranh chấp hiện nay không thể chỉ trông cậy vào lực lượng quân sự và kinh tế của mình mà được, cường quốc ấy cần phải tỏ ra có khả năng hơn cả trong cách giải quyết sự đòi hỏi nói trên. Muốn tự mình thắng tiến khỏi bị đào thải như Tây Âu trong giai đoạn vừa qua, điều cốt yếu đối với một cường quốc lúc này là phải biết cách đồng thời làm cho cả phần nhân loại thiệt thòi cùng thắng tiến với mình.

Trước đây Tây Âu đã từng gây dựng nên tài sản của cải mình bằng cách vơ vét nguyên liệu ở các thuộc địa, làm cho thuộc địa nghèo đi, cho dân thuộc địa đói rét, đến giai

đoạn này các cường quốc lại cần hiểu rằng họ chỉ có thể giữ lấy tài sản của cải họ bằng cách xử dụng nó để cho các thuộc địa hết nghèo, các dân tộc kia hết đói rét, được học hành, được chăm sóc.

Hiện thời các nước Tây Âu, để chống lại sự bành trướng của khối cộng sản độc tài, tất nhiên phải tự xếp hàng về phía Hoa Kỳ, buộc liên vận mệnh mình vào vận mệnh Hoa Kỳ. Tây Âu cần phải can đảm gạt bỏ những tham vọng ích kỷ, bớt những đòi hỏi vô lý cho mình mà giúp đỡ Hoa Kỳ trong nhiệm vụ nâng đỡ Á, Phi và châu Mỹ La tinh.

Một ủy ban chuyên môn do Liên Hiệp Quốc cử ra để điều tra về các nước kém mở mang đã kết luận rằng muốn cho 1 tỷ rưỡi dân số ở các nước ấy, trong bước đầu, có thể tăng gia sản xuất lên chừng 2% thì cần phải có sự viện trợ hằng năm độ 14 tỷ mỹ kim. Sự ước lượng rất khiêm tốn, vì rằng dân số mỗi năm tăng lên 1,25% mà sản xuất tăng 2% thì không có gì là nhiều, đó là mức tiến tối cần, nếu không có thế, các dân tộc này sẽ lụn bại mất. Ấy vậy mà mức viện trợ 14 tỷ mỹ

kim chưa bao giờ đạt tới, may ra chỉ được 1/10 số ấy, mà phần lớn lại hướng về châu Mỹ La tinh.

Ủy ban chuyên môn nói trên lại khuyên rằng trước khi tung số vốn quan trọng để đầu tư vào việc xây dựng kỹ nghệ các vùng này, trước tiên nên có một sự chuẩn bị : đào tạo chuyên viên có khả năng, mở mang đường sá giao thông, kiến thiết hương thôn, mở mang cơ sở y tế v.v... Tồn phí về sự chuẩn bị đó độ chừng 3 tỷ mỹ kim mỗi năm, tồn phí mà các nước Tây Âu vẫn làm lơ không thấy nhắc đến tuy nó chỉ đáng là một món tiền nhỏ mà họ xài vào các việc xa xỉ như hút thuốc, điếm trang, và tuy nó chỉ đáng một phần nhỏ trong khoản viện trợ theo chương trình Marshall cho một dân số ít hơn 5 lần đề dùng vào những công việc ít cần thiết hơn.

Tây Âu, đứng trước sự lụn bại, không nên trơ mắt nhìn cơ nghiệp của mình sụp đổ mà trở nên chán nản, trời kệ, rồi phát sinh ra tâm lý ích kỷ, đòi hưởng thụ, tranh giành với các dân tộc Á, Phi sự giúp đỡ của Hoa kỳ. Muốn tự tồn và phục hưng, Tây Âu phải tin vào một

lý tưởng, đặt một cái đích cho sự cố gắng của mình. Trong lịch sử, rất ít khi một nền văn minh đến lúc sa đọa bệnh hoạn mà có dịp tìm lại được một mục đích mới mẻ và đầy hứa hẹn, có thể gây điềm lại niềm tin tưởng ở tương lai như trường hợp của Tây Âu hiện nay : mục đích ấy là sự giải phóng thẳng tiến toàn thể nhân loại. Tây Âu hãy cố gắng đạt mục đích ấy, để cứu lấy nền văn minh của chính mình.

Cố nhiên muốn thế Tây Âu nhất thời phải có can đảm chịu nhiều sự hi sinh : họ phải tăng cường sức mạnh quân sự của mình, mà lại phải tức thì từ chối ngoại viện, đừng làm thêm gánh nặng cho Hoa kỳ, để nhường sự giúp đỡ ấy cho các dân tộc nghèo đói hơn, đang cần đến hơn, như vậy họ phải hạ thấp mức sống xuống hơn nữa. Dần dà Tây Âu phục hưng lại, đóng góp thành thực vào việc xây dựng cho các nước kém mở mang một nền kỹ nghệ xứng đáng, san phẳng tình trạng bất công trên thế giới hiện nay. Được thế Tây Âu sẽ xóa hết thành kiến xấu xa ở Á Phi, sẽ lấy lại tin nhiệm của số đông nhân loại, sẽ lấy lại uy tín và giữ lại vai trò

quan trọng trên việc xây dựng tương lai của thế giới.

Nếu quyết tâm như thế, việc đầu tiên cần phải làm là thiết lập một tổ chức thống nhất chung cho tất cả các quốc gia tự do, rồi mỗi quốc gia hội viên tùy theo lợi tức mà đóng góp vào tổ chức ấy một khoản « thuế » để làm quỹ viện trợ cho các dân tộc chậm tiến. Thứ « thuế quốc tế đánh trên lợi tức » ấy lúc đầu sẽ làm cho người ta khó chịu, nhưng rồi sau ai nấy cũng sẽ quen đi, nó cũng như thuế lợi tức mà mỗi công dân vẫn đóng vào ngân sách quốc gia, đảng này các quốc gia đóng vào ngân sách quốc tế để phụng sự hòa bình và thịnh vượng. Tổ chức thống nhất các quốc gia này sẽ nghiên cứu nhu cầu của các dân tộc để phân phối sự viện trợ làm sao cho công bình, cho đúng lúc và đúng nơi.

Một chương trình như thế có vẻ không tưởng quá chăng ? Một sự hợp tác như thế khó bề thực hiện chăng ? Cũng không nên quá bi quan. Người ta từng thấy khi có một chứng bệnh truyền nhiễm tai hại ở vùng nào, nhiều nước vẫn có thể phối hợp để chống lại với

nguy hiểm bệnh tật. Kỳ thật bệnh tật chưa nguy hiểm bằng sự đe dọa trước mặt Tây phương hiện thời : đối với bệnh tật còn hy vọng có người vương bệnh có người thoát khỏi, chứ còn trong tình trạng này nếu Tây phương không tích cực giải quyết thì tất cả đều sụp đổ. Tại sao ta lại không hợp tác được lúc này như ta đã từng chung nhau cứu bệnh ?

Thái độ của Nga xô và khối cộng sản 800 triệu người khi ấy sẽ ra sao ? — Cổ nhiên không có ai hy vọng rằng họ sẽ ghi tên vào danh sách các quốc gia đóng góp khoản thuế cứu trợ kia. Họ muốn duy trì sự bất công bất bình đẳng, để lợi dụng nó mà kích thích sự bất mãn của các nước nhược tiểu. Nhưng trước tiên nếu Tây phương không làm ngay việc này thì một đôi trăm triệu người nữa sẽ có thể bị lọt vào vòng cộng sản. Còn nếu Tây phương tổ chức được việc phân chia của cải trên thế giới công bình thì khối người đang theo đường lối cộng sản sẽ từ chối ngay những biện pháp độc tài tàn nhẫn của đường lối này mà quay về với Tây phương. Và một khi các quốc gia chậm tiến được mở mang, tiến lên

tương lai rực rỡ với tất cả sự tự tin, khi cả khối tự do đã đạt tới sự thịnh vượng đồng đều thì tự nhiên là Nga sẽ phải tỏ ý muốn cộng tác vào công việc chung. Bởi vì trong một thế giới không còn có sự áp bức bóc lột không còn sự bất công giữa các quốc gia nữa thì chủ nghĩa cộng sản sẽ mất hết lợi thế đề bành trướng.

« Tòa án lịch sử đang xét xử Tây phương không còn dành cho rộng rãi thì giờ để sửa chữa các lỗi lầm ». Họ nên quyết định gấp rút.

Trong thế giới ngày nay nhân loại sống ràng rịt trong những mối tương quan rất chặt chẽ, số phận của một nhóm người có ảnh hưởng ngay đến toàn thể. Trong cái thế giới ấy 1/10 dân số lại giành quyền thụ hưởng 80% tổng số lợi tức trên mặt địa cầu, một tình trạng như thế không thể duy trì mãi được mà không gây ra nguy hiểm. Và lại 1/10 dân số được ưu đãi ấy lại chỉ sản xuất ra máy móc mà thôi, còn những thực phẩm để nuôi sống họ thì

phần nhiều, lại nằm trong tay những dân tộc bị bạc đãi kia, cho nên có thể nói sinh mạng họ lại tùy thuộc vào thành phần bạc đãi kia vốn sống bằng nghề canh nông.



TÓM lại, trong giai đoạn giao thời này, những cường quốc đã hưởng thụ nhiều cần có nhân nại, can đảm, sáng suốt và không ích kỷ. Nếu họ khu xử được khôn khéo thì ngày mai nhân loại sẽ bình đẳng nhau trong sự phong phú. Nếu không thế, mạnh ai nấy tranh giành về phần mình, sự chia rẽ mỗi lúc một sâu xa, sức phá hoại của cộng sản mỗi lúc mỗi trầm trọng, cuối cùng người ta đến phải giải quyết cuộc xung đột ấy bằng chiến tranh thì rốt cuộc loài người cũng sẽ sống trong sự bình đẳng tuyệt đối, nghĩa là... trong cảnh hoang tàn vì sức hủy diệt của bom nguyên tử !

Trong hai con đường đi đến bình đẳng, khối Tây Âu chọn lựa một.

BÙI THANH HẢI

(Lược thuật theo Tibor Mende)

CÓ LIÊU

Cần cò xúy một nền văn minh mới

THẨM kịch thế giới ngày nay không phải chỉ là hậu quả của cuộc tranh chấp giữa hai khối và cả hai mặt : quyền lợi kinh tế và tư tưởng nhân sinh quan. Tiền bán thế kỷ 20 này là thời kỳ thực thi những hệ thống tư tưởng dân chủ tự do thai nghén từ những năm trước sau 1900.

Sau khi biết những sự thắng trầm của những thế kỷ thực thi hệ thống giá trị trong các xã hội dẫn đầu nhân loại được thành hình và tỏa xuống các xã hội khác. Chính vì hệ thống giá trị thiếu yếu tố phổ biến để vượt không gian, đoàn kết nhân loại dưới một ý thức cộng đồng phổ biến như các tôn giáo đã làm được trên phương diện tinh thần, nên mới xuất hiện ra thẩm kịch

thời đại. Các dân tộc tiền tiến theo rắc tư tưởng dân chủ hầu như không lưu ý tới sự kiện ấy, nên vẫn theo đuổi những quan điểm đã bị thực tế vượt qua rồi. Những cải thiện chi tiết không thay đổi gì được toàn thể nội dung thiếu sót, những mâu thuẫn liên tiếp gây ra cho đời sống nhân loại khiến dư luận quần chúng đã bộc lộ một thứ thoái bộ đáng lo ngại : thế giới đã đi đến một giai đoạn mà chỉ có những lâu đài tư tưởng không tưởng là đáng tin cậy, tin cậy vì không dám đem thực hiện.

Nhiều nhà tư tưởng phân tích và phê bình hiện tình thế giới đã đi đến kết luận : một nền văn minh mới đặt trên những giá trị mới rất cần để giải quyết những mâu thuẫn

trầm trọng của thế giới ngày nay.

HIỆN TÌNH THẾ GIỚI

NHỮNG tài liệu về con người và hoàn cảnh sống của con người chưa được đa số nhân loại biết rõ tường tận, bởi vậy người ta không thể linh cảm được mối đe dọa gây ra bởi tình trạng bấp bênh và mâu thuẫn của đời sống nhân loại, chiến tranh nguyên tử — choán cả tâm trí con người thời đại — chỉ là một cạnh khía của vấn đề.

Những tài liệu của Liên hiệp Quốc cho ta biết nhiều chi tiết về đời sống xã hội đáng làm mọi người phải suy nghĩ.

Từ ba thế kỷ nay nhân số thế giới tăng gia với mức độ kinh khủng mặc dầu có chiến tranh. Năm 1957 con số tổng cộng là 2795 triệu. Theo Roland Pressat thì con số ấy sẽ tăng lên 3920 triệu vào năm 1980, 5150 vào năm 2005. Nếu so sánh với năm 1650 thì thấy dân số thế giới ngày nay đã đông gấp 5 lần.

Như vậy nhân loại phải giải quyết một vấn đề kinh tế vĩ đại chưa từng đặt ra trước kia, liên hệ đến vấn đề chủ yếu ấy là các vấn đề xã hội, chính trị,

cương thường. Điều đáng tiếc là không phải người ta không biết có vấn đề, mà lại các người trách nhiệm thần nhiên hay thụ động trước tầm quan trọng của vấn đề.

Hơn một nửa nhân loại sống ở Á châu. Sự tiến triển nhanh chóng của một khối dân có tiềm lực lớn lao sẽ thay đổi tương quan binh bị và kinh tế mà trước đây dồn cân vẫn nghiêng về Tây phương.



NGƯỜI ta nhận thấy nguồn lợi của thế giới phân chia một cách quá thiên lệch giữa số dân gần 3000 triệu vì nhiều lý do, khiến cho các dân tộc không được hưởng những may mắn đồng đều để phát triển.

Trước hết, diện tích đất trồng trọt ở nhiều nước không tương xứng với số dân cư phải nuôi, như Trung Hoa Lục Địa, với số dân 600 triệu chỉ có 88 triệu mẫu, trong khi Hoa-Kỳ với số dân chưa bằng 1 phần 3 lại có 148 triệu mẫu. Sự phân chia đất đai lại càng chênh lệch, như ở Nam Rhodesie một triệu rưỡi người da đen chỉ sống bằng 115.000 cây sô vuông đất trong khi 60.000

người da trắng chiếm 185.000 cây số vuông.

Mức độ dân số trong các vùng trồng trọt cũng chênh lệch quá. Tại Á châu, mỗi cây số có trồng trọt phải nuôi 266 người trong khi ở Hoa-Kỳ và Gia-nã-Đại chỉ phải nuôi 15 người.

Kỹ thuật trồng trọt tăng tiến mạnh ở các nước tiền tiến từ sau hồi đại chiến, nhưng vẫn ngưng trệ ở các nước thiếu mở mang; tuy nhiên cải tiến kỹ thuật canh tác cổ truyền tại các nước kém mở mang theo kỹ thuật lân tiến còn đem lại những đảo lộn xã hội không thể không kể đến trong một chương trình đồng tiến nhân loại sau này sẽ nói đến.



CÁC dân tộc không được hưởng những may mắn đồng đều để phát triển.

Tuy rằng ngày nay vệ sinh và y tế đã làm giảm nhiều bệnh tật, tăng tuổi thọ khắp nơi, nhưng tuổi thọ trung bình của một đời người vẫn khác xa từ một nước chậm tiến đến một nước tiền tiến. Những nước tiến đến trình độ khá cao như Hoa Kỳ, Anh, Úc Đại Lợi, Thụy Điển, tuổi thọ trung

binh là 70, rồi đến các nước Pháp, Gia Nã Đại, Đức, Bỉ (65). Các dân tộc chậm tiến chỉ được hưởng tuổi thọ trung bình là 40, nước Ấn Độ chỉ có 32.

Các dân tộc tiến bộ có nhiều hy vọng sống khoẻ mạnh và chịu đựng hơn các dân tộc chậm tiến vì không biết đến những bệnh gây nên vì ăn uống thiếu thốn, những bệnh thời khí, những bệnh làm tiêu mòn sinh lực như sốt rét, ho lao, phong cùi.

Sự cố gắng của thế giới y tế tuy rằng đáng khen ngợi nhưng chưa đạt được mức yêu cầu. Tại một nước chậm tiến như Việt Nam chỉ có một thầy thuốc cho 61.000 người và một giường bệnh viện cho 2500 người, trong khi ở một nước tiền tiến như nước Anh đã có 1 thầy thuốc cho 1200 người và 1 giường bệnh cho 85 người, ấy là chưa nói đến sự kiện không mấy tốt đẹp ở các nước chậm tiến, thầy thuốc thường quy tụ ở các đô thị quan trọng thành con số trung bình như nói trên không nói lên hết sự thật.

Người dân bệnh hoạn trong một nước hậu tiến kém hẳn sức

lực và khả năng sản xuất, đó cũng là một trong những nguyên nhân kém sút huê lợi quốc gia.

Hơn một nửa nhân loại ăn không đủ no, mà tình trạng ấy một ngày một bi đát hơn. Thống kê Liên Hiệp Quốc cho biết người dân một nước tiền tiến được nuôi dưỡng đầy đủ gấp 4 lần người dân một nước nghèo đói. Sự chênh lệch về lượng ấy chưa nói lên hết sự thật, vì nếu kể đến phẩm thì sự kém sút còn quan trọng hơn. Chất protéine động vật có tính cách bảo vệ cho cơ thể người ta khỏi bệnh tật. Chất ấy thiếu nhiều trong đồ ăn dân nghèo phần nhiều chỉ có rau cỏ ngũ cốc. (Người dân Pháp ăn thịt gấp 8 lần người dân Ấn Độ).

Gần 70 phần trăm nhân loại buộc lòng nhận một chế độ nuôi dưỡng dưới mức trung bình về phẩm và lượng thiếu protéine, thiếu nhiệt lượng, chất vôi, sinh tố. Vả chăng ở các nước thiếu mở mang nguồn lợi phân chia rất thiên lệch, chỉ có một thiểu số sống đầy đủ thành thử con số tương trưng cho trung bình che đậy một sự cùng khổ vô cùng thâm.

Theo Herbert Broadhy, thì muốn cho dân số thế giới, năm 1960 được ăn đủ mức tối thiểu cần có phải tăng huê lợi hồi tiền chiến theo tỷ số sau đây :

Ngũ cốc các loại	21 %
Đường	27 —
Mỡ	34 —
Rau	80 —
Hoa quả	163 —
Thịt	46 —
Sữa	100 —

Một công việc vĩ đại phải làm nếu muốn giải quyết những mâu thuẫn thế giới từ gốc rễ.

ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT KHÓ KHĂN TẠI CÁC NƯỚC CHẬM TIỀN

SỨC làm việc và sản xuất kém cỏi của người dân nước nghèo chỉ là phản ảnh của sự kém nuôi dưỡng. Họ nghèo vì sản xuất ít, và vì nghèo không phương thể sản xuất nhiều. Họ lại yếu sức vì họ nghèo, vì đau yếu lại nghèo thêm. Những vòng lẩn quẩn ấy người dân nước nghèo không sao thoát ra ngoài được, vì vậy có một sự phân tách tình trạng sản xuất các nước hậu tiến để tìm những nguyên do cản trở sự phát triển nông nghiệp và kỹ nghệ.

Mức sản xuất của Bắc Mỹ tăng nhanh chóng gấp bội mức tăng dân số, trong khi ở Viễn-Đông dân số tăng gấp mà mức sản xuất kém hơn tiền chiến.

Tại nhiều nước chậm tiến sự trồng trọt thiếu phương pháp đã làm mất màu đất, dân cư không biết dùng phân bón hoặc dùng không đúng cách thành ra huê lợi không đạt được mức trung bình đáng ra phải có.

Nguyên liệu để làm phân bón không thiếu, nhưng nhiều nơi không thể làm lấy phân bón mà dùng vì thiếu vốn để mua nguyên liệu và máy móc tối tân. Các chính phủ và các cơ quan quốc tế phải hợp sức lại để làm công việc ấy đồng thời nghiên cứu đất đai từng vùng để biết loại phân bón thích hợp và chỉ bảo nhà nông cách dùng. Một đường lối chính trị bền vững cách và cho hưởng dễ dàng tín dụng rất cần để nâng đỡ nông nghiệp.

Thiếu cơ khí hóa là dấu hiệu chậm tiến tất nhiên, nhưng nếu áp dụng cho một khoảng đất xộp và bỏ quá sẽ phá hoại đất rất nhanh chóng.

Ông Maurice Lengellé đã viết : « Nếu các nước chậm

tiến muốn thỏa mãn được nhu cầu khẩn thiết của dân cư thì có cách lập đủ xưởng máy nông cụ, phân bón và nhiên liệu ».

Nhưng họ thiếu hẳn hạ tầng cơ sở sơ yếu cho nên vấn đề thành nan giải.

Đã vậy sự khai thác đất đai lại không có quy củ như trồng thứ cây không thích hợp, không tận dụng đất màu, hoặc phá hoại màu đất.



MỘT sự điều động vốn liếng trong nước rất cần để thực hiện những công cuộc canh tác lớn có lợi hơn.

Trong những nước tiền tiến, số vốn cần dùng để mở mang chương trình nông nghiệp phần lớn để dành của tư nhân và sự vay mượn của ngân hàng. Còn các cơ quan công quyền giữ trách nhiệm xây dựng hạ tầng cơ sở. Nhưng tình trạng các nước chậm tiến khác hẳn. Lấy hai nước Đan-Mạch và Ấn-Độ làm tỉ dụ :

Đan-mạch có 4 triệu dân đã đầu tư 600 triệu mỹ kim vào nông nghiệp từ 1946 đến 1954. Ấn-Độ với gần 400 triệu dân chỉ đầu tư có 200 triệu mỹ kim

vào nông nghiệp trong 3 năm đầu chương trình ngũ niên (1951 — 53) và 1 tỷ rưỡi vào các công cuộc hạ tầng cơ sở như dẫn thủy, giao thông v.v...

Tại các nước chậm tiến, tình trạng nông dân thật là khốn khổ, phần nhiều phải đi vay cường hào với số lãi quá nặng, rồi sớm muộn cũng phải đem ruộng thế nợ. Hợp tác xã và cơ quan nông tín nghiên cứu cho thích hợp và phổ cập sẽ là phương thuốc bài trừ nạn cho vay nặng lãi thích nghi.

Ngoài ra còn những trở ngại khác làm cho đời sống người nông dân thêm bấp bênh như hạn hán, ngập lụt, nạn sâu bọ.

Một vài sản phẩm nông nghiệp dự vào thị trường quốc tế khiến cho nông dân cũng chịu ảnh hưởng thăng trầm giá cả — sự thăng trầm ấy ác liệt hơn các sản phẩm kỹ nghệ.

Từng ấy điều kiện giam hãm các nước chậm tiến trong cảnh sống thiếu thốn cơ cực, trung bình người dân xoay xỏa với số lợi tức đồng niên không quá 41 mỹ kim, trong khi ở các nước khá mở mang người ta hưởng 154 mỹ kim, và các nước tiền tiến 461 mỹ kim, nghĩa là hơn 10 lần.

NHỮNG TRỞ NGẠI TRÊN ĐƯỜNG KỸ NGHỆ HÓA

SỰ mở mang nông nghiệp đã khó khăn, vấn đề kỹ nghệ hóa còn khó khăn gấp bội.

Những sự khó khăn về kinh tế có thể chia làm 3 loại :

1) *Khuếch trương kinh tế không thuận lợi :*

— Thiếu phương tiện giao thông không thể thiết lập xưởng xa đô thị, dân cư sẽ tụ tập tại các đô thị khiến cho đời sống đắt đỏ và khó khăn.

— Thiếu điện lực cho nên thiết lập xưởng rất tốn, vì phải bỏ ra một số vốn lớn để sản xuất điện với giá cao.

— Thiếu một nền kỹ nghệ biến chế các sản phẩm phụ thành ra lập một ngành kỹ nghệ căn bản rất bấp bênh.

— Thiếu trường huấn luyện chuyên viên và cơ quan huy động vốn liếng.

— Sự cung cấp nguyên liệu không điều hòa, xí nghiệp lại còn phải xây cất kho dự trữ và sắm sẵn nhiều bộ phận phụ tùng máy móc làm kẹt rất nhiều vốn.

2) *Tình hình xã hội cũng*

không thuận lợi, vì những quan niệm cổ truyền, hình thức sản xuất gia đình, trình độ học vấn. Người ta chỉ có chung một hoài bão là làm sao tiến lên được giai cấp trên để được trọng vọng. Người kinh doanh chỉ lựa chọn những nghiệp vụ thương mại hay đầu cơ.

Một thiếu sót có chút vốn liếng nghĩ đến sắm nhà cửa, để dành, đầu cơ, hay gửi tiền ra ngoại quốc cho chắc chắn hơn.

Chánh quyền phần nhiều không hữu hiệu đối với công cuộc mở mang cần thiết.

4) *Tình hình quốc tế* cũng hạn chế sự phát triển kỹ nghệ các nước kém mở mang phải tùy thuộc nước tiến triển về dụng cụ trang bị. Nếu thiếu ngoại tệ, hay nước tiền tiến vì có chiến tranh phải kiến thiết xứ sở thì nước kém mở mang cũng bị ảnh hưởng. Kỹ thuật ngày nay tiến rất nhanh nên đôi khi dụng cụ sản xuất không thích hợp với giai đoạn kỹ nghệ sơ khai của nước hậu tiến. Các nước tiền tiến gây áp lực thương mại, tài chính, chuyên chở hay phá giá để nước hậu tiến khó thành lập kỹ nghệ bản

xứ hay không cạnh tranh được với họ. Cũng có khi họ hạn chế sự xuất vốn để nước hậu tiến không nhận được vốn đầu tư của nước ngoài.

NHỮNG TRỞ NGẠI TRÊN ĐƯỜNG TĂNG TIẾN KỸ THUẬT

Sự tiến bộ kỹ thuật không thể thực hiện nếu không có sự tiến bộ song song về văn hóa, mục tiêu chỉ có thể đạt được bằng một nền giáo dục thích ứng phổ biến và toàn diện. Riêng đối với Việt Nam, chúng ta cần xét lại quan niệm cho rằng Tây phương chỉ chú trọng đến văn minh vật chất, máy móc, còn văn hóa Á Đông mới cao siêu. Nếu người dân trung bình của ta thấm nhuần những giá trị nhân luân hơn người Tây Phương, thì những khuyết điểm về văn hóa đã hường dân tộc Á Đông đi vào một con đường eo hẹp, phát lộ ra bằng những thiếu thốn vật chất và nghèo nàn tư tưởng, điều đó cũng không đáng để ta mặc cảm tự tôn.

Sự liên lạc mật thiết giữa văn hóa và kỹ thuật, giữa tinh thần và vật chất, là một thực tại hiển nhiên; luận điệu cho rằng

có thể tiến bộ vật chất trong sự thấp kém tinh thần chỉ là cái nhìn sự vật giản lược quá đáng mà thôi,

Hiện tượng chậm tiến kỹ thuật là hiện tượng chậm tiến về giáo dục, thiếu khả năng chuyên môn và kinh nghiệm điều khiển xí nghiệp.

Nhân viên giáo giới thiếu thốn chương trình giáo dục không căn cứ vào thực trạng quốc gia mà phỏng theo chương trình của các nước tiền tiến kết quả là phần lớn nhân công dù có khéo tay, tinh mắt, cũng không tiến bộ mấy, còn như chuyên viên lãnh nghề thì thật hiếm có.

Thiếu người có khả năng điều khiển một xí nghiệp, chính phủ thường phải thay thế tư nhân đảm đương cùng việc thiết lập các cơ xưởng kỹ nghệ then chốt và chẳng nếu có người thiện chí kinh doanh, thì họ lại thiếu tài trí để theo kịp đà tiến triển kỹ thuật và thương mại.

Tiến gấp trên đường kỹ thuật có điểm khả thủ về một vài phương diện, nhưng gây ra nhiều mâu thuẫn xã hội và tăng thêm thảm họa cho con người. Cảnh khuya đáng lo ngại nhất là kỹ nghệ phải tập trung vào các

đô thị lớn vì chỉ có ở đô thị lớn mới kiếm được nhân công và chuyên viên có khả năng. Các đô thị sẽ bành trướng quá nhanh chóng, đặt ra những vấn đề trật tự không tài nào giải quyết kịp. Sự tiến triển ấy cần phải tuân tự qua thời gian hàng thế kỷ như ở Âu châu mới không vấp vấp.

NHỮNG TRỞ NGẠI VỀ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

Thị trường quốc tế và kinh tế quốc nội. — Nền kinh tế một nước hậu tiến thiếu vững vàng nên giá thị trường quốc tế cao hạ ảnh hưởng đến nội xứ, có khuynh hướng làm xáo trộn thị trường trong nước.

Trong sự mâu dịch với một cường quốc, bao giờ nước thiếu mở mang cũng bất lợi. Họ phải mua nhiều loại sản phẩm mà chỉ bán được rất ít loại nông phẩm và nguyên liệu. Giá cả một loại bán ra ngoài thay đổi làm đảo lộn toàn thể nền kinh tế nên không thể dự tính những công cuộc kinh doanh dài hạn. Nước thiếu mở mang phải nhập cảng hầu hết thức cần dùng và dụng cụ kỹ thuật, họ tùy thuộc nguồn lợi thâu hồi bằng sản phẩm xuất cảng.

Không bán được hay bán mất giá mấy thứ sản phẩm chính xuất cảng đủ làm cho kinh tế khốn quẫn. Nền kinh tế của họ tùy thuộc kẻ mua sản phẩm của họ vậy. Kinh nghiệm cho biết sau một thời hạn mậu dịch lâu dài, trong nước chậm tiến giá hàng xuất cảng sẽ sụt xuống mà giá hàng nhập cảng sẽ tăng lên nghĩa là dù họ có tăng sản xuất cũng không bán được đủ tiền mua hàng nhập cảng.

— *Tình hình kinh tế quốc nội.*— Vì những nguyên do nói trên, nước chậm tiến hay lâm vào cảnh lạm phát tiền tệ. Trong thời kỳ xuất cảng thịnh vượng người ta có khuynh hướng nhập cảng nhiều sản phẩm tiêu thụ và xa xỉ phẩm. Rất khó lòng xử dụng khoản thặng thu ấy một cách có lợi cho kinh tế quốc gia. Có khi 1 phần quan trọng tiền thu vào lại được gửi ra ngoại quốc. Mặc dầu có thành lập những công cuộc kinh doanh lâu dài và đại quy mô, cũng không thể giữ được mức hoạt động khi xuất cảng bất thần sụt xuống — sự thăng trầm là mức đặc biệt của nền kinh tế các nước kém mở mang.

Trong thời kỳ xuất cảng suy

kém, cán cân chi phí thiếu hụt người ta phải dùng đến biện pháp phá giá tiền tệ hay hạn chế nhập cảng. Phần lớn công quỹ là thuế nhập cảng, nên giảm bớt nhập cảng tức là mất thuế thu vào công quỹ, vòng lẩn quẩn làm trở ngại chương trình phát triển của các nước chậm tiến.

— *Những khó khăn về tài chánh.*— Nước thiếu mở mang thiếu vốn đầu tư. Người ta tính ra nếu muốn nâng nền kinh tế Á-châu đến mức khả quan phải có một số kinh phí gấp 2 lần lợi tức quốc gia của nước Hoa-Kỳ.

Các nước chậm tiến không đề dành được bao nhiêu (5%), trong khi nước tiền tiến có thể đề dành được 15% lợi tức, tính ra tiền thì mỗi người dân hậu tiến chỉ đề dành được 2,5 mỹ kim so với 75 mỹ kim của người dân tiền tiến, một sự chênh lệch quá phũ phàng. Tiền đề dành lại không được xử dụng vào lợi ích cho quốc gia, phần thì gửi ra ngoại quốc hay tích trữ không sinh lợi, phần thì dùng vào sự đầu cơ dưới đủ mọi hình thức.

Sự đầu cơ vào các ngành kỹ nghệ then chốt không thực

hiện được vì thiếu hạ tầng cơ sở, mà nếu dùng hết khả năng đầu tư để thành lập hạ tầng cơ sở thì không còn đủ vốn để trang bị những ngành kỹ nghệ sản xuất ngay đồ dùng.

CÁC KHÓ KHĂN VỀ PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI

TRÌNH độ hiểu biết thấp kém của người dân, một nền dân chủ giả tạo che đậy nhiều sự lẩn át và lợi dụng, sự thống trị của cường hào, sự tranh chấp võ trang đảng phái, sự xuất hiện những đảng phái không chủ trương đứng đắn, đều là những trở ngại lớn lao cho sự tiến bộ.

Ở đâu người ta cũng gặp những khó khăn gây ra vì tình trạng dân cư bỏ thôn quê ra thành thị quá đông đảo, thất nghiệp, sống buông thả không theo một nền nếp nông nghiệp hay kỹ nghệ.

Các đô thị nở rộng một cách vội vàng để thu nhận số di cư ồ ồ đến nên thường gặp những cảnh tượng bất ngờ : đi giữa một phố đẹp để nhà cửa, nguy nga, chỉ rẽ vào một hẻm là một cảnh nhà hang chuột bùn lầy nước đọng phơi bày cảnh sống nghèo nàn.

Bước tiến vào nếp văn minh kỹ nghệ và đời sống quốc tế tạo cho các dân tộc chậm tiến những giá trị vật chất mới mẻ nhưng cũng phá hoại nhiều giá trị văn hóa cổ truyền. Ta phải công nhận rằng Tây Phương bận tâm thỏa mãn nhu cầu mỗi ngày một tăng, và Á Phi buộc phải gấp rút theo kịp sự chậm trễ vài thế kỷ, chưa ai tìm ra một công thức tiến hóa nhịp nhàng.

Các dân tộc tiền tiến nhờ khả năng sản xuất có thể tăng tiến tổ chức xã hội, nhưng các dân tộc chậm tiến đành thủ thủ. Khi mỗi người dân mỗi năm có thể bỏ được 50 Mỹ kim vào các công cuộc xã hội, thì bộ mặt xã hội khác hẳn xã hội của người dân chỉ có thể bỏ 4 Mỹ kim vào các công cuộc ấy.

Tại các nước thiếu mở mang số trẻ em lại đông hơn ở các nước tiền tiến, trường học ở đây coi thật thâm đạm. Công cuộc y tế còn thâm đạm hơn. Nếu người ta dành tài nguyên cho một khu vực thì hết tiền để mở mang khu vực khác.

Người lãnh đạo không đủ tầm mắt sâu rộng thường thiên về cái đồ sộ huy hoàng hơn là cái hữu ích thiết thực và phổ

cập quần chúng. Điện lực của một trung tâm tối lân không có người tiêu thụ Khai phá một khu rừng không được giải tỏa bằng đường giao thông, lập một xưởng làm xe hơi phải mua đến chín phần mười bộ phận phụ ở ngoại quốc, đó là những lỗi lầm của nhiều nước muốn tiến quá mau nên mất thăng bằng.



TÓM lại, sự phân tích trên đây cho ta biết các nước hậu tiến lâm vào một cảnh ngạt nghèo, nhiều yếu tố làm ngăn cản bước tiến, họ không thể tự mình phát triển kinh tế tới mức khả quan.

Bảy mươi phần trăm nhân loại ăn uống không đủ chất bổ dưỡng, mức sống thấp kém, thiếu tiện nghi, bên cạnh một số ít khác sống dư dật. Tổ chức kinh tế thế giới ngày nay thuận tiện cho tài nguyên ít ỏi các nước nhược tiểu chuyển dần sang tay các nước cường thịnh, trong khi họ không phương thể quân bình cán cân chi phối với khả năng sản xuất của họ, và cũng không phương thể gia tăng sản xuất. Mức sống của họ chỉ có

phần hạ thấp dần.

Ngày nay mức sống của một người dân hậu tiến chỉ bằng một phần 40 mức sống người dân tiền tiến, rồi đây mức sống ấy hạ xuống 1 phần 100.

Thế giới sẽ đi đến một tình trạng mâu thuẫn nan giải, các cơ quan quốc tế, các nước dẫn đầu văn minh cũng sẽ bó tay thúc thủ.

Niềm hy vọng thoát cảnh nghèo đói của dân tộc nhược tiểu tiêu tan, thiên đường bánh vẽ cộng sản sẽ thu hút họ mạnh hơn, nhưng cộng sản bất lực không thể đem trật tự lại cho một guồng máy xã hội bại liệt. Ta thử tưởng tượng xem sự can qua sẽ ác liệt đến bậc nào!

Cách nhìn yếm thế trên đây không còn là dự đoán nếu thế giới giữ mãi những cách nhìn thiên lệch, lỗi thời.

Nhưng may thay, một tia hy vọng đã nhen nhúm ở chân trời và nhiều dấu hiệu tỏ ra người ta bắt đầu có thiện chí nhận định thực trạng bi đát ấy.

Sự nhận định của người ta còn sơ sài thiếu sót cho nên những mâu thuẫn xã hội chưa hiện diện đủ tầm quan trọng để

bách thúc người ta phải tích cực hoạt động với tất cả thành tâm thiện chí cần phải có.

Vậy ta hãy kiểm soát lại biện pháp đã thi hành để nâng đỡ các nước hậu tiến, nhờ sự phanh phui những ưu khuyết điểm, ta có hy vọng thu lượm yếu tố làm nền tảng cho một nền văn minh mới.

LỖI LẦM QUÁ KHỨ

TÌNH trạng kinh tế thế giới ngày nay chỉ có thể tồn tại nếu người ta chịu thay đổi hẳn cách nhìn của quá khứ. Vì vô tư hơn vì ác tâm, văn minh Tây Phương tỏa khắp thế giới đã làm tan rã những nếp văn minh khác. Tuy nhiên sự đổ vỡ ấy cũng có cạnh khía hay cho các dân tộc ngưng đọng trong những quan niệm căn cốt về nhân sinh, là bách thúc họ chấn chỉnh lại những giá trị cũ nếu không muốn bị đào thải.

Lỗi lầm của chính sách thuộc địa là lỗi lầm về chế độ hơn là lỗi lầm của người cầm quyền. Chúng ta không cần nhắc lại tội trạng của thực dân với sự khai thác trực tiếp các thuộc địa, đây chỉ nói qua vài hình thức mới của đế quốc

trong các công cuộc đầu tư.

Ý nghĩa nhất là các công ty dầu hỏa ở Cận Đông. 70% tư bản của các nước tiên tiến đầu tư ra ngoại quốc sau cuộc đại chiến thứ 2 dùng để khai thác dầu hỏa. Năm 1955 lợi tức của các mỏ dầu tượng trưng cho 10% hoa lợi toàn quốc nước Iran và Syrie, cho 33% hoa lợi của Irak, 60% của Ả-Rập (Séoudite), 90% của Koweit và Katar (Những vụ tranh chấp ở Koweit mới đây đều sực mức mùi dầu hỏa). Từ 1950 đến 1955 những chính phủ sở quan thu về những nguồn lợi khổng lồ, gấp 340% số lợi trước kia. Những món tiền khổng lồ ấy vào tay các nhà đương cuộc đã biến thành xe hơi, lầu đài tráng lệ và các món xa xỉ làm tối mắt người dân cực khổ, chứ không giúp gì cho công tác mở mang xứ sở. Không thể trách cứ các công ty dầu hỏa làm phương tiện cho một quan niệm khai thác tư bản vì đó là mục đích duy nhất của các công ty kinh doanh. Nhưng lỗi lầm là lỗi lầm của một chế độ không đặt tiêu chuẩn phục vụ con người nên đã dùng tài lợi gây ra những mâu thuẫn trầm trọng cho xã hội.

Đầu tư ngoại quốc có thể

đem lại cho nước hậu tiến một sự phồn thịnh giả tạo, giắt đến sự suy sụp hơn là sự phát triển thực sự. Việc đầu tư ấy sẽ từ khước những công cuộc kỹ nghệ hóa, có thể cạnh tranh với nước xuất vốn. Đầu tư ngoại quốc vào Phi-châu chỉ nhằm nông nghiệp và hầm mỏ. Trong địa hạt nông nghiệp người ta gạt ra ngoài ngũ cốc và rau củ cần cho dân chúng mà chỉ chú trọng đến nông phẩm dùng vào kỹ nghệ như cà phê, bông gòn, đậu phụng, thầu dầu đề xuất cảng. Đất đai chóng kiệt màu, thức ăn thiếu thốn, nông dân vì thế bệnh hoạn. Họ cũng không được khai hóa cho kịp đà tiến triển của nhân loại vì thiếu phương tiện. Một chính sách như thế vừa tai hại cho vốn đất đai vừa tai hại cho vốn nhân công, đã không ứng đáp được nhu cầu thực sự của dân tộc nhược tiểu.

Trong khi ấy công cuộc tái vũ trang của hai khối đã nuốt mất những số tiền khổng lồ, tổng số lớn hơn lợi tức tổng cộng của tất cả các nước nhược tiểu. Nếu lực lượng kinh tế ấy hướng về công cuộc xây dựng hòa bình để mở mang các dân tộc nhược

tiểu, hẳn là không có tình trạng căng thẳng của thế giới ngày nay. Biện chứng pháp chiến tranh chỉ nhằm chinh phục một con ma vì không thể tiếp tục chính sách khai thác như xưa, sự cạnh tranh của hai khối đã làm nảy ra chân lý: sự chinh phục chỉ có thể thực hiện bằng chân tình muốn hợp tác để tiến bộ.

VIỆN TRỢ BẤT CẬP

GIAI đoạn « hợp tác » đã bắt đầu nhen nhúm với vài tia sáng vàng vọt. Người ta đã nhận thấy phải giúp đỡ các nước chậm tiến bằng hình thức viện trợ cho vay, đầu tư hay kỹ thuật.

Phi châu đã nhận được những phần giúp quan trọng. Trong khuôn khổ kế hoạch Colombo, các nước Viễn Đông đã nhận được mỗi năm 140 triệu Mỹ kim của Liên Hiệp Anh, và 170 triệu Mỹ kim của Hoa Kỳ.

Tổng cộng viện trợ Hoa Kỳ từ 1950 đến 1956 là 36.187 triệu Mỹ kim. Tuy nhiên phần tiền dành cho sự phát triển nông nghiệp rất ít ỏi.

Sự viện trợ kỹ thuật hiện nay còn ít ỏi quá, người ta tính

ra phải có một số chuyên gia gặp trăm lần số người đã gửi sang 70 nước chậm tiến bây giờ mới có thể thỏa mãn được nhu cầu.

Hiệu năng của các chuyên gia không đồng đều, có người không biết thích ứng với hoàn cảnh, vì không quen được bởi cảnh Tây Phương. Bởi vậy chuyên gia muốn thành công trong nhiệm vụ khai hóa phải biết vượt khỏi quan niệm văn minh của mình để tìm hiểu những giá trị chính thống của nền văn minh của nước mình sang phục vụ.

Việc các nước tiền tiến trợ giúp các dân tộc hậu tiến chưa thoát khỏi thành kiến nghi ngờ tính cách thân hữu, vô tư, thường cho rằng viện trợ là một phương tiện hay một phương diện chiến tranh lạnh không có mục đích thực hiện sự phát triển của nước nhận viện trợ mà chỉ có mục đích tạo một vòng đai tự vệ.

Sự việc xảy ra rất thuận tiện cho người ta đi đến kết luận ấy: Nga Sô đã tăng cường viện trợ để thi đua với khối tự do làm thiện chí của khối này sớm hiện ra ý nghĩa phóng tải hóa

thu nhân tâm để khỏi mất vảy cánh, hoặc gây một ảnh hưởng chính trị mà giữ lấy thị trường thương mại. Tính cách nhân đạo của viện trợ bị lảng chìm.

Nếu chỉ đứng trong lãnh vực kinh tế mà nói thì tổng số viện trợ cho các dân tộc thiểu mở mang ở dưới mức nhu cầu quá xa. Mức nhu cầu tối thiểu là 10 tỷ Mỹ kim mỗi năm (sự viện trợ trung bình là 3 tỷ). Con số ấy không phải là quá đáng vì các nước tiền tiến chỉ cần trích ra từ 2 đến 10% số lợi tức thặng dư là có đủ. Dĩ nhiên họ vẫn sống mức sống cao tốt độ có thể thực hiện ngày nay. Lấy nước Mỹ làm tỷ dụ : Năm 1957 Mỹ viện trợ cho các nước kém mở mang 1 tỷ mỹ kim, con số ấy mới tương trưng cho 1/300 lợi tức toàn quốc nước Mỹ.

Chính vì vậy mà ông François Perroux nặng lời tố cáo các nước tiền tiến keo kiệt.

PHẢN ỨNG Á - PHI

VĂN minh Tây Phương và giai đoạn khởi đầu kỹ nghệ hóa đã gây nhiều cuộc đảo lộn trong nếp sống cổ truyền của các dân tộc thiểu mở mang.

Sự phân chia công việc và tăng tiến sản xuất những sản phẩm tiêu chuẩn hóa phá vỡ hệ thống sản xuất gia đình và khung cảnh sinh hoạt trước kia người dân vẫn sống yên ổn.

Sự thương mại hóa lan rộng khắp các khu vực hoạt động của đời sống, quan niệm cá nhân xuất hiện, sự tụ tập những khối dân cư lớn về đô thị, làm tan rã ý thức cộng đồng hương thôn trước kia và không thay thế bằng những giá trị mới, con người mất sự bảo vệ, sự an toàn ngày trước. Những phong tục, lễ thói, kỷ cương cổ truyền cũng biến mất.

Cuộc sống nhung nhúc và thiếu thốn ở xung quanh đô thị thiếu tổ chức chặt chẽ như ở thôn ô làm phát sinh tội lỗi, hoang dâm, bóc lột nhân công v.v... Đại gia đình đông đảo trước kia phân tán thành hình thức gia đình nhỏ hẹp làm cho sự đoàn kết xã hội thêm lỏng lẻo.

Để giảm bớt phần nào thảm cảnh xã hội người ta đã nghĩ cách « nhập cảng » những tổ chức của các nước tiền tiến, nhưng khó lòng áp dụng một cách hiệu quả, phần vì không thích hợp với hoàn cảnh và

phong tục, phần vì tài chính eo hẹp khi mức sản xuất quốc gia còn thấp kém.

Như vậy, công cuộc cố gắng canh tân có một mặt trái là làm đảo lộn cơ cấu xã hội và hạ thấp phẩm giá con người. Nhiều mâu thuẫn của sự tiến hóa hầu như được ít người chú trọng, thí dụ như phát triển y tế làm giảm số tử và tăng dân số rất nhanh trong lúc sự lãng cường sản xuất nông súc không được thực hiện tương xứng, kết quả tất nhiên là tạo ra sự đói kém, khiếm dụng nhân công với tất cả sa đọa mà tình trạng xã hội ấy gây nên.

Biện pháp miễn cưỡng hạn chế sinh sản và phá thai từ Tây phương mang lại khác nào đem tội lỗi để chuộc lỗi lầm.

Những thảm trạng xã hội ấy không phải là do văn minh Tây Phương tạo ra. Văn minh Tây Phương, nếu được phổ biến tuần tự đề các nước thấy và tự nhiên bắt chước thì có lẽ sự đảo lộn xã hội còn có phương đối phó kịp thời. Chính vì chế độ thuộc địa và đế quốc bách thúc các dân tộc khác phải theo gáp rút cho nên không đủ chuẩn bị, mâu thuẫn

này nổi tiếp mâu thuẫn khác làm tê liệt guồng máy xã hội.

Xe hơi, điện lực, tàu bay, dân chủ và tự do đưa vào các xã hội ngu mị hàng ngàn năm trong những nền nếp không thay đổi, đã phá hoại hết giá trị cũ tạo ra một thứ trống rỗng tinh thần chưa có gì lấp cho đầy.

Trước những thảm trạng xã hội, trước sự suy sụp tinh thần, các dân tộc Á Phi không khỏi nghi ngờ thực chất của văn minh Tây Phương còn có gì khác ngoài mục đích khuyến khích con người thành đạt và hưởng thụ? Họ muốn quay về với những giá trị cổ truyền rất khó hồi sinh nếu không phải là không thể được.

Tây Phương không chịu nhận chân những thảm trạng ấy. Sự giúp đỡ của họ không thấm thía vào đâu so với sự cố gắng chung phải thực hiện để cứu vãn nhân loại. Nếu quá nửa phần nhân loại sụp đổ tất nhiên họ cũng sụp đổ theo vì cơ cấu kinh tế của họ dựng trên một nền tảng chung với phần nửa nhân loại dói rét cơ cực. Phần nửa chậm tiến đã đem lại tinh lực, nguyên liệu và nhân công cần thiết cho tổ

chức kinh tế của họ đứng vững. Một chút suy nghĩ tối thiểu cho ta thấy bảo vệ những yếu tố ấy cũng cần như bảo vệ cơ khí và thị trường. Sự keo kiệt của Tây phương ngày nay tai hại cho họ là như thế.

Mặt khác, văn minh Tây phương đóng vai trò dẫn đạo thế giới, nếu không cố gắng làm hiển hiện những tiêu chuẩn nhân đạo, tự do, công bình khả dĩ thay thế được những giá trị của các nền văn minh bị phá vỡ, cũng không thu hút được các dân tộc ấy, mâu thuẫn tinh thần thêm vào mâu thuẫn kinh tế in sâu quan niệm chống đối của các dân tộc hậu tiến đã thức tỉnh và hiểu biết, không lợi cho sự hợp tác.

KHÔNG THỂ CÓ MỘT GIẢI PHÁP CHUNG CHO CÁC NƯỚC CHẬM TIẾN

VẤN đề không phải là hãm bớt hay đẩy mạnh đà tiến hóa, nhưng nghiên cứu xem phải tiến hóa với điều kiện nào cho được khả quan nhất.

Không thể có một giải pháp phổ biến áp dụng chung cho các dân tộc trong đủ mọi trường hợp.

Loài người tụ hợp vào từng phần đất chứ không ở rải rác đồng đều trên trái đất và không muốn rời quê cha đất tổ, đặt vấn đề san sẻ cho hợp lý theo tiêu chuẩn địa lý không có câu giải đáp thỏa đáng. Mỗi dân tộc có quan niệm riêng về hạnh phúc, về mức sống thích hợp, về giá trị văn hóa, đạo đức. Tiêu chuẩn của nếp sống Tây Phương không thỏa mãn được những đòi hỏi của Đông Phương, đem những tiêu chuẩn ấy ra làm mực thước cho cuộc tiến hóa của Đông Phương sẽ đi đến thất bại.

Vấn đề đặt ra là sự đồng tiến nhân loại trong nguyên tắc kính trọng quan niệm sống của mỗi người, không tìm cách đốt giai đoạn, cũng không tìm những bước vượt huy hoàng nhưng bất lợi. Tuy vấn đề phải giải quyết trên bình diện quốc tế, nhưng tùy ngưỡng vọng sâu xa, quan niệm sống và điều kiện thiên nhiên của mỗi dân tộc mà giải pháp có nhiều hình thức địa phương. Mặc dầu đứng về phương diện chính trị, kinh tế hay xã hội, không có một tổ chức xã hội nào có thể đưa ra làm kiểu mẫu, cũng như không có một lược đồ hạ tầng cơ sở

nào thích hợp cho tất cả mọi địa phương. Chỉ có một sự nghiên cứu tại chỗ nhu cầu và khả năng, điều kiện thuận tiện và bất lợi, thời gian gấp hay hoãn của mỗi biện pháp, và nhất là sự thành tâm cộng tác với dân tộc chậm tiến hướng về quyền lợi thiết thực của dân tộc ấy, là có thể thực hiện những bước tiến chậm nhưng chắc chắn và nhịp nhàng.

SỰ PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC CHẠM TIẾN CÓ THỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC VÀ RẤT CẦN THỰC HIỆN

SỰ hợp tác ấy có thể làm được. Theo các chuyên viên Liên-hiệp-Quốc thì các nước tiền tiến có thể trợ giúp các nước thiếu mở mang mỗi năm hơn 13 tỷ mỹ kim mà không phải giảm mức sinh hoạt ngày nay họ đã đạt được.

Tây-Âu, Hoa-Kỳ, Gia-nã-Đại và Úc-đại-Lợi có thể trích ra 2% tổng số lợi tức đồng niên (350 tỷ mỹ kim) nghĩa là từ 7 đến 8 tỷ, nếu trích ra 7% thì có thể được 25 tỷ. Bài tính không có gì quá đáng vì Hoa-Kỳ hiện nay vẫn trích ra 3% lợi tức toàn quốc để viện trợ hay cho vay.

Nếu công cuộc võ trang thế giới đình lại thì có thể làm hơn thế nhiều. Mỗi năm thế giới sẵn có 100 tỷ mỹ kim về khoản chi tiêu vẫn quen gọi là quốc phòng. Ta thấy số tiền ấy gấp 7 hay 8 lần số tiền cần có để giúp đỡ các nước chậm tiến.

Sự hợp tác ấy rất cần vì Tây Phương không thể quay về tự túc mà sống, khi họ đã thất bại vì chính sách đế quốc cũ và đã không được người ta tiếp đón viện trợ với tất cả hào hứng phải có.

Như vậy một cuộc cách mạng sâu rộng và toàn thể thế giới rất cần, trước hết phải là cách mạng tinh thần, lấy sự tác thành cho người làm kẻ xây dựng cho ta. Cuộc cách mạng kinh tế và chính trị chỉ có thể thành tựu trong tinh thần xây dựng ấy.

VĂN MINH HIỆN ĐẠI THIỂU TÍNH CHẤT PHỔ BIẾN

KHÔNG một lực lượng hùng cường nào trên thế giới ngày nay có đủ điều kiện khai quang một nền văn minh mới.

Nhân loại đã tiến đến trình độ suy tưởng cao xa trong các

lĩnh vực toán lý hóa, sinh vật và kỹ thuật. Trong các lãnh vực xã hội học người ta có thể xây dựng một hệ thống tư tưởng và hành động để làm chủ được tình hình thế giới và hướng dẫn sự tiến hóa không?

Văn minh hiện đại đủ cho các dân tộc nhược tiểu hiểu một cách thấm thía rằng tài lợi là động cơ thúc đẩy mọi hoạt động ở thời này. Cái gì cũng có thể thương mại hóa, biết bao giá trị tinh thần, nghệ thuật, nhân luân đã có thể ước lượng bằng tiền trong cuộc tranh chấp lý tưởng với chủ nghĩa duy vật, sự tranh đấu cho tự do sẽ trở thành vô nghĩa nếu giá trị tự do ấy có thể quy thành tiền, và dùng tiền để làm cho cả một dân tộc không có phương tiện sử dụng hai chữ tự do.

Con người của thế hệ này hình như đã tìm thấy lẽ sống trong sự hưởng thụ và thành đạt. Triết lý duy thực tiến đề cao sự thành công vật chất lên trên hết, hẳn là kém hấp dẫn đối với Đông Phương. Nhiều hình thức tiến bộ ở Mỹ còn không thể áp dụng được ở Âu-châu huống hồ ở các nước phương Đông.

Sự tiến bộ về khoa học và kỹ

thuật chưa phải lời cuối cùng của văn hóa. Văn hóa chân chính phải là giá trị kiến thức quay về sự tìm hiểu nhân loại để phục vụ nhân loại, để dạy người ta biết yêu và biết cho. Văn hóa Á-Đông cũng như văn hóa Thiên chúa giáo, với mô kiến thức thô sơ của xã hội mấy ngàn năm trước đã tìm ra chân lý ấy.

Như vậy những phát kiến huy hoàng về kinh tế học và xã hội học ngày nay không thể trở nên những giá trị văn hóa phổ biến nếu không bao hàm yếu tố nhân đạo.

Triết lý Mác xít không biết đến giá trị con người, và hy sinh con người cho chủ nghĩa, không thể dẫn đạo một nền văn minh có giá trị nhân đạo chính thống, nhất là khi những giá trị ấy chỉ bắt nguồn từ những liên lạc sản xuất.

Vả chăng Cộng sản bóp méo Mác xít thành kỹ thuật cướp chính quyền và bách thúc sự sản xuất chỉ nhằm mục đích sản xuất, đã giết chết phần linh thiêng trong con người và ý nghĩa của đời sống. Kỹ thuật cướp chánh quyền và chinh phục lòng người đã biết sử dụng sự mua chuộc khéo léo và biết chờ đợi cho mỗi thật

chín mùi. Vì vậy Tây phương chần chờ trong công cuộc phát triển các nước chậm tiến là giúp cộng sản phương tiện thôn tính chắc chắn và ít tốn kém. Chúng ta đã nói nhiều về cộng sản và những mâu thuẫn đấu tranh giai cấp. Khi xóa bỏ giai cấp, đề cao vô sản và san bằng lợi tức, hoàn cầu cho rằng cộng sản sẽ đi đến sự thống trị của vô sản, nhưng tiếc rằng Lê-nin chết sớm quá không được chứng kiến kết quả lộn ngược của cuộc đấu tranh 40 năm về sau. Xã hội Nga Sô đã thành hình một giai cấp cán bộ giàu có và hóm hỉnh thay thế cho giai cấp trưởng giả sống trên lưng vô sản. Tư sản chỉ đòi chủ mà thôi.

Những nước « không tham gia » nếu kể cả Nam Mỹ hơn trội hai khối về dân số nhưng là những lực lượng tàn mạt, bất nhất, vô cùng khác biệt về tin tưởng và quan niệm sống. Những giá trị kết tinh của các văn minh cổ không ứng đáp được nhu cầu của thời đại.

PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA ĐÔNG PHƯƠNG

TRIẾT lý Á-Đông quan niệm rằng không thể có kiến

thức ở ngoài « Đạo » và « Nhân », nên đã lấy chữ Đạo làm cứu cánh của học vấn, lấy Nhân làm gốc lớn của vạn sự vạn vật, làm « tôn chỉ duy nhất trong tôn giáo, chính trị và học thuật của thiên hạ » (1).

Trật tự cần thiết cho thể giới tiến triển không thể cấu tạo ngoài quan niệm đạo đức. Giá trị tri thức của thời đại đã tiến đến tột độ nhưng muốn trở thành một giá trị tinh thần cao siêu tri thức phải tự đặt cho mình những tiêu chuẩn đạo đức thể nào để nhận lãnh trách nhiệm đối với vận mệnh nhân loại.

Ta thấy tôn chỉ « Nhân » và « Đạo » có thể đem lại yếu tố bồi bổ những khuyết điểm của

lý thuyết kinh tế đề cao sự thành công về phương diện thái lợi, của quan niệm sống lấy hưởng thụ và thành đạt làm lý tưởng, của khuynh hướng thương mại hóa quá đáng nghệ thuật, giáo dục, văn hóa, tình cảm.

Đường lối chính trị của những lực lượng chi phối hoàn cầu ngày nay, với chính sách trợ giúp các nước hậu tiến, đã phản chiếu phần nào tinh thần Nhân và Đạo. Nhưng một nền văn minh mới đòi hỏi một quan niệm Nhân và Đạo đầy đủ hơn. Như đã nói trên muốn thực hiện lòng nhân, các dân tộc tiền tiến không phải hy sinh quá nhiều.

(1) Nho giáo Trần-trọng-Kim.

CÔ LIÊU

(Theo tài liệu của LEBRET:
LE DRAME DU SIÈCLE)

Phần thứ hai

Phần thứ hai của Văn Hũu số 15 này được hoàn thành với sự cộng tác sáng tạo của các bạn : Sơn-Nam — Lưu-Kiểm — Đức-Quang — Nguyễn-Đình-Ngang — Đỗ-Tấn — Tường-Linh — Dạ-Tích — Huy-Lực — Minh-Đức...

Người Thanh-Hóa ở Hậu giang

HẬU-GIANG là kho lúa của người Việt-Nam. Điều ấy dĩ nhiên, không ai chối cãi vì đã có những con số thống kê hoặc bức địa đồ Việt-Nam kinh tế làm bằng chứng.

Nhưng nói miền Hậu giang là một viên gạch nhỏ đã đắp xây lâu dài văn hóa, ắt nhiều người hoài nghi : tác giả Lục-vân-Tiên, tác giả Lương-Khé thi thảo đều ở miền Tiền Giang ; bấy lâu nay, bên kia sông Hậu chỉ sản xuất được mười bài Hà-Tiên Thập Vịnh của Mạc-Thiên-Tử ; bốn tuồng hát bội của cụ Thủ khoa Nghĩa chỉ được truyền tụng nhờ sự công bình của các nhà chuyên khảo cứu văn học sử và sự cố gắng của hội Khuyến Lẽ Cổ Ca mà thôi !

Người hoài nghi thường dựa vào hai lý do. Lý do thứ nhất cho miền Hậu Giang là phần đất mới, âm thấp, không thơ mộng bằng chốn Cổ Đô, Huế Đô, 99 ngọn Hồng Lĩnh... Thật ra, miền Hậu Giang nào quá u tịch, ở đây có biển rộng sông to, đồi núi Hậu Giang không ít oi như nhiều người đã lầm tưởng, đó là chưa kể đến hơn 90 hải đảo rải rác khắp vịnh Thái-Lan, Mũi Hòn Chông và duyên hải phụ cận đẹp hơn Vũng Tàu, Long Hải về mọi mặt. Dãy đồi Thất Sơn nổi danh là phì nhiêu, được khai thác khéo léo so với các đồi núi miền Đông Nam Phần.

Vả lại những yếu tố thuần túy về địa lý nào đã đóng vai quyết định trong việc phát triển văn hóa.

Lý do thứ nhì xem ra vững chắc hơn : Miền Hậu Giang mới sáp nhập vào Việt-Nam, xưa kia gồm đa số là lưu dân, tội nhân đến quần cư, lần lần trở nên « lai căn », mất gốc.

Mới sáp nhập vào Việt-Nam ? Chưa ắt. Không cần tra cứu quá kỹ lưỡng về niên biểu, ta thấy người Việt-Nam từng đến Hà-Tiên lập nghiệp đồng thời hoặc có thể trước hơn khi họ đến vùng Đồng Nai, Bến Nghé. Cuộc Nam Tiến của ta không tuân tự nhiên tiến theo kiểu đi lần lần từ Bà Rịa, vượt Tiền Giang, Hậu Giang rồi đến vịnh Thái Lan. Mấy tiếng « lưu dân », dân « tứ chiếng » thường gọi lại hình ảnh những đoàn người lười biếng, bất lương, phá hại văn hóa hoặc thuộc vào trình độ văn hóa thấp. Thành kiến ấy cần được xét lại. Gần đây, vài nhà xã hội học ở Trung bộ Mỹ châu, Nam bộ Mỹ châu đã minh xác khả năng kiến tạo, tinh thần đạo đức của những lưu dân Âu châu sang lập quốc tận Mễ Tây Cơ, Ba Tây. Đa số chỉ là nạn nhân, lắm khi là tội nhân bị xử rất oan ức bởi luật lệ phong kiến. Ở nước ta, các vùng Quảng-Bình, Quảng-Trị, Thừa Thiên, Quảng-Nam há chẳng phải do các tội nhân bị lưu hình : lưu cận chu, lưu viễn chu, lưu ngoại chu... đến khai thác (do hình luật tiền Lê) ? Thực tế chứng minh rằng bản thân họ và các thế hệ sau đã góp công xây dựng văn hóa, phát triển thuần phong mỹ tục cho dân tộc.

Được như thế, nhờ chúng ta gặp nhiều thuận lợi.

Về địa lý, người lưu dân khỏi phải vượt trùng dương, đến một lục địa mới, xa cách đất tổ bằng một khoảng trời bề quá mênh mông, hạn chế sự giao dịch.

Cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh — tuy làm tổn thương sinh lực dân tộc — đã thúc đẩy các chúa ở Đàng Trong nới rộng địa bàn, củng cố cơ sở kinh tế nhanh chóng, vượt qua khỏi vùng đồng bằng eo hẹp (nơi mà văn hóa Chiêm Thành không sống nổi) để tìm một chỗ đứng vững chắc, nhiều hứa hẹn lâu dài : đồng bằng sông Đồng Nai và Cửu Long.

Các sử gia đều đồng ý nhau ở điểm : Năm 1558, Nguyễn-Hoàng vào đất Thuận-Hóa. Cùng đi với người, có tất cả quan

lại ở huyện Tống-Sơn (Thanh-Hóa) và chừng 1.000 quân sĩ. Lần hồi, dân chúng và một số quan lại vùng Thanh-Nghệ cũng đi theo.

Vùng đất của Nguyễn-Hoàng thuở ấy gồm 2 phủ : Tân-Bình và Triệu-Phong. Phủ Tân-Bình chia làm 2 huyện : Lệ Thủy và Khang-Lộc.

Số người từ Tống-Sơn đến ở rải rác tại những tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị, Thừa-Thiên (theo ranh giới ngày nay). Thời chúa Nguyễn, những người « Tống-Sơn » này rất được tin nhiệm hưởng vài đặc ân mà họ lấy làm hãnh diện. Sau khi giải ngũ, họ lập nhiều làng ở theo sông Nhứt-Lệ (Quảng-Bình).

Hơn thế kỷ sau (1698) Hiền-Tông Hiến-Minh Đại quan Chương Cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh, lấy xứ Sài-Côn (Đồng-Nai) làm huyện Tân-Bình, đồng thời mộ lưu dân từ Quảng Bình trở vào, đến lập nghiệp.

Thành tích của Chương Cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh chưa dirt, Ngài đã đem binh đi bình định đất Cao-Miên. Đạo quân ấy theo lộ trình nào, chúng tôi chưa được biết. Điều chắc chắn là khi trở về Ngài cho trú quân tại vài địa điểm ở Hậu Giang.

Đại Nam Nhứt Thống Chí (An-giang tỉnh, mục Sơn Xuyên) ghi rõ :

— *LỄ CÔNG CHÂU* (Bài Lễ Công) (...) « Khi xưa, Chương cơ Lễ thành hầu Nguyễn-hữu-Cảnh đánh thắng trận ở Cao-Miên, về cho đình trú ở đây, sau khi ngài mất, người trong Châu lập đền thờ, cũng gọi là đền Lễ Công ».

— *LỄ CÔNG TỪ* (Đền thờ Lễ Công) (...) « Cự trấn thủ Nguyễn-văn-Thụy dựng đền này phụng tự Tiên thống suất Chương Cơ Lễ thành hầu Nguyễn-hữu-Cảnh ».

— *LỄ CÔNG GIANG* (...) « Phía trước có bãi cát nhỏ gọi là bãi Lễ Công..., chảy qua hướng Nam 60 dặm rưỡi... Phía Tây thượng khẩu sông này có đền thờ Lễ thành hầu Nguyễn-hữu-Cảnh, nhân đó dùng gọi tên sông ».

Chúng ta xác nhận :

— *LỄ CÔNG TỪ* nay hãy còn, tức là đền thờ ông Nguyễn-hữu-Cảnh ở tại chợ Châu-Phú (Châu-Đốc).

— *LỄ CÔNG GIANG*, gọi nôm na là rạch ông Chưởng, lòng ông Chưởng, (Chưởng: Chưởng cơ Nguyễn-hữu-Cảnh, lòng: con rạch nối liền 2 sơn sông).

— *LỄ CÔNG CHÂU* tức là Cù lao ông Chưởng, đối diện với chợ Long-Xuyên... « *Ba phen qua nhẩn với điều, Cù lao ông Chưởng có nhiều cá tôm* ».



MÃI đến nay, những bô lão cố cư ở vùng Cù lao ông Chưởng, rạch ông Chưởng thường tự hào rằng họ là *dân Hai Huyện*, tổ tiên của họ xưa kia từ Hai Huyện đến lập nghiệp.

Ở Cần-thơ, Rạch-giá, Cà-mau hãy còn rất nhiều kiến họ thuộc thành phần: dân Hai Huyện.

Mặc dầu chịu ảnh hưởng văn hóa Tây phương, « dân Hai Huyện » có nhiều nét đặc biệt so với người chung quanh: họ biết chữ nho, hiểu rành rẽ việc quan, hôn, tang, tế đúng theo nghi thức của ông bà « ngoài Huế ».

Không riêng gì Hậu Giang ở vùng Đồng Nai Bến Nghé vẫn còn nhiều người tự nhận: tổ tiên của họ là dân Hai Huyện.

Hai Huyện là gì ?

Chúng tôi ước đoán: Là những Huyện đầu tiên do những người từ huyện Tống-Sơn (Thanh-Hóa) đến thành lập tại Quảng Bình, đời của Nguyễn-Hoàng. Phải chăng đó là huyện Lệ-Thủy và huyện Khang-Lộc thuộc phủ Tân-Bình như ta đã thấy ở đoạn trên ? Và địa danh Tân-Bình (ở Quảng-Bình) được đặt trở lại cho vùng Sài-Côn, Bến-Nghé như chuyển di dân lịch sử do quan Chưởng cơ Nguyễn-hữu-Cảnh đảm trách, để kỷ niệm cố quán của họ.

Dân Hai Huyện đã đi theo cánh quân viễn chinh của Nguyễn-hữu-Cảnh, định trú tại Cù lao ông Chưởng (Long-Xuyên) như

sử đã chép rõ. Chúng ta không rõ họ đồn trú bao lâu. Nhưng chắc rằng một tướng lĩnh có tài kinh bang tế thế như Chuởng Cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh bao giờ cũng đủ sáng suốt đề khuếch trương chiến quả : cho giải ngũ một một số quân sĩ, khiến họ định cư ở con rạch chiến lược. — Lòng ông Chuởng, Lễ công giang — nổi Tiền Giang qua Hậu Giang.



VÙNG đồng bằng Thanh-Hóa là nơi chôn nhau cắt rún của dân tộc Việt, của văn hóa Việt.

Người dân Thanh-Hóa đến Quãng-Bình, Quãng-Trị... theo chân Nguyễn-Hoàng. Con cháu của họ lại theo chân Chuởng cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh đến Đồng-Nai, đến Hậu-Giang, định cư ở đấy. Tất nhiên, họ giữ một vai trò quan trọng trong việc khai hóa các lưu dân.

Chúa Nguyễn-Ánh thành công, phục quốc được chính là nhờ cơ sở kinh tế và nhất là cơ sở chính trị do Nguyễn-hữu-Cảnh đặt nền móng từ Bến-Nghé đến Hậu Giang. Xem qua các nhân vật ghi trong Đại Nam Nhứt Thống Chí, chúng ta thấy số con cháu của Tống-Sơn nhân — người Hai Huyện — đã tích cực ủng hộ chúa (thí dụ như Tống-Phước-Thiêm ở An-Giang).

Sự có mặt của dân Hai Huyện đã cắt nghĩa sức chịu đựng dẻo dai của người Việt miền Nam trước dã tâm chia rẽ thâm độc do thực dân Pháp gây ra. Đồng thời, nó giúp chúng ta hiểu tại sao dân tộc Việt được thuần nhứt về ngôn ngữ, phong tục trên con đường Nam Tiến đến tận mũi Cà-Mau mặc dầu núi sông ngăn cách, phương tiện giao thông thô sơ.

Thừa hưởng trực tiếp nền văn hóa truyền thống Việt, miền Hậu Giang đã cống hiến cụ thể những gì ?

Nhóm Chiêu-Anh-Các với Hà-Tiên thập vịnh chỉ là sự cố gắng của thiêu số quý tộc ở tháp ngà. Nó kém xa mấy áng thi mà Lê-Thánh-Tôn đã sáng tác trước đó rất lâu, kém về kỹ thuật, kém cả về sinh lực.

Kho tàng ca dao miền Hậu Giang đáng cho chúng ta ca ngợi hơn.

Ở Long-Xuyên, Cần Thơ, Rạch Giá, chúng ta sưu tầm rất dễ dàng hàng ngàn câu hát đưa em, hò cấy, hò ghe thương hò, vè... mà cụ Nguyễn-văn-Ngọc (ở miền Bắc) và cụ Trọng-Toàn (ở miền Nam) chưa ghi chép.

Phong trào hò, hát đối ở Hậu Giang đạt mức cực thịnh vào những năm 1926-1927, qua cơn khủng hoảng kinh tế, nó trở lại rầm rộ mãi đến 1935-1936 để được tiếp tục bằng bản vọng Cổ Bạc Liêu.

Từ hát đối đến đờn ca Vọng Cổ, người Hậu Giang đều chứng tỏ một trình độ say mê nghệ thuật đến quá mức, ít nơi nào bì kịp.

Giá trị văn nghệ, giá trị kinh tế của bản Vọng Cổ ra sao?

Tầm quan trọng của bản Vọng Cổ trong đời sống hằng ngày của người dân ở thôn quê; ở đô thị đã hiện rõ rệt trước mắt những ai vô tư nhứt. Cùng với Nam Ai, Vọng Cổ đã diễn đạt, kết tinh nỗi u buồn thầm kín của người dân Việt khi tách rời cố thổ để đi lần về phương Nam đầy ánh sáng.

Miền Hậu Giang đã và đang cung cấp cho cổ nhạc nhiều ca sĩ Vọng Cổ thuộc vào hạng thượng thặng.

Ban sơ, nhiều người « trư thời mẫn thế » tỏ vẻ e ngại cho hậu quả tai hại mà bản nhạc « ngoại lai » đó sẽ gieo rắc.

Nhưng chúng ta hãy lạc quan và yên tâm. Từ 2 thế kỷ qua, người Thanh-Hóa — người Hai Huyện — đã đến Hậu Giang và trở thành người Hậu Giang.

HUY LỰC

Những buổi chiều đi trong tôi...

GIỮA cuộc đời
Những buổi chiều đi trong tôi
Sao âm thầm man mác...

Những buổi chiều quê
Khói lam ôm làng mạc
Nắng vương vấn hàng cau
Tiếng hát buồn
Cô thôn nữ hái dâu
Nghe thồn thức trong nắng chiều tàn tạ...

Những buổi chiều thành đô
Lạc loài nơi xứ lạ
Tà áo bay
Theo gió bụi phố phường
Bóng đồ dài
Nghiêng tâm sự tha phương
Cô đơn quá, trong nắng chiều le lói..

Những buổi chiều cao nguyên
Giữa núi đồi trơ trọi

Chiều êm êm
Như lá rụng mơ hồ
Tiếng chuông chùa nước nở cảnh hư vô
Lòng lữ khách theo nắng chiều dịu lại...

Những buổi chiều xa xôi
Trên miền duyên hải
Bề mênh mông
Chiều lạc mắt xanh rờn
Sóng bập bùng
Tim vũ trụ đập nhanh hơn
Gió hiu mát, hơi thở chiều hấp hối...

Những buổi chiều dâng trong tôi
Sau giấc trưa dài nhàn rỗi
Tôi ngân nga
Như lạc giữa chợ đời
Năm tháng lụn tàn
Cho những buổi chiều rơi...

HUY LỰC



NGUYÊN TÁC CỦA : IVO ANDRITCH

BẢN DỊCH CỦA : ĐỨC - QUANG

Câu sông Jépa

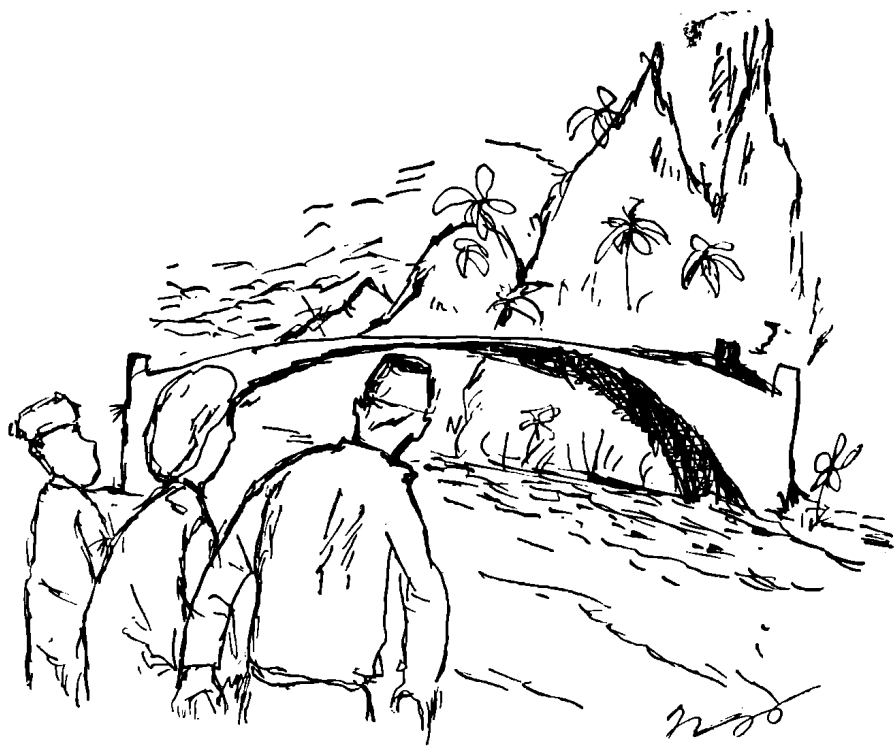
*I*VO ANDRITCH, nhà văn Nam Tư vừa được trao tặng giải Nobel 1961.

Ông sinh năm 1892 tại Bosnie và đã từng làm Đại sứ Nam Tư tại Hà Nội 1938 — 1941. Nhưng sau thời gian này, ông lui về đề phụng sự văn nghiệp.

Chúng tôi xin giới thiệu một trong những tác phẩm của ông dưới đây.

VỀ A bốn năm tại chức, Ông Quốc-Lão Yousouf — nạn nhân của một cuộc âm mưu nguy hiểm—bỗng nhiên thất sủng. Cuộc vật lộn kéo dài suốt mùa đông rồi cả mùa xuân, một mùa xuân đen tối không một dấu hiệu báo điềm tốt mùa hè. Nhưng rồi tháng 5 tới, ông Yousouf cũng được ưu tiên xét xử và ra khỏi nhà giam. Dù vậy, trong những tháng mùa Đông ấy, giữa thời gian mà khoảng cách của cái sống và cái chết, của thành công và thất bại còn mỏng hơn lưỡi dao, ông Quốc-Lão cũng đã rút ra được vài điều suy nghĩ. Cái chuyện thăm kín này những người đầy kinh nghiệm và thử thách thường dấu diếm như một bảo vật, thẳng hoặc chỉ để lộ ra trong đôi lúc bằng một tia nhìn, một cử chỉ, một lời nói.

Trong sự thất sủng và trong cái cô quạnh của nhà giam, ông Quốc-Lão đã nhớ lại một cách nồng nhiệt giòng giời và xứ sở ông, bởi vì thất bại đau khổ thường kéo người ta trở về dĩ vãng. Ông nhớ tới thân phụ và thân mẫu ông mất từ hồi ông còn là người phụ lực cho viên quản-dưỡng súc vật của hoàng gia và trên mộ song thân, ông đã dựng tấm bia trắng. Ông nhớ tới miền Bosnie và làng Jépa của ông, nơi người ta đã bắt ông phải rời xa khi ông mới được 9 tuổi.



Cũng mùa hè năm ấy, ông có dịp gặp lại những người từ miền Bosnie tới. Ông hỏi han họ. Sau bao tao loạn và chiến tranh miền Bosnie đương lâm cảnh hỗn độn, cơ cực, đói khát và bệnh tật. Ông Quốc-Lão vội vàng mang những đồ cứu trợ đáng kể phân phát cho bà con họ hàng ông còn sống ở Jépa. Ông cũng được biết rằng bốn gia đình trong giòng họ Chetkitch vẫn đứng vững và những người trong họ ấy là những người

sống thung dung trong làng giữa lúc làng mạc và tất cả miền đã trở nên nghèo khổ, giữa lúc nhà thờ đổ nát sau cơn hỏa hoạn, giếng nước thối ủng; điều khổ hơn nữa là không có cầu qua sông Jépa.

Thực vậy, làng ở trên một ngọn đồi giữa khoảng giao lưu của sông Jépa và sông Drina và chỉ có con đường độc đạo đi qua sông Jépa tới tỉnh Vishegrad, cách cửa sông chừng 50 thước. Cây cầu nhỏ, mặc dù bắc cách nào đi nữa, cũng bị nước cuốn đi mất. Hoặc giả, nước sông Jépa đột nhiên dâng lên ào ào như muôn ngàn thác đổ, xoáy luồng chân cầu và cuốn đi những cây đà gỗ. Hoặc sông Drina chảy ngăn chặn cửa sông Jépa làm cho sông này ứ lại nước tràn ngập cả cầu, cuốn băng đi không còn dấu vết. Mặt khác, về mùa đông, tuyết phủ kín cầu khiến cho người và vật qua lại thường bị ngã trật xương. Ai bắc được cây cầu nơi này cho chắc chắn thực đã làm được một việc vĩ đại vậy.

Ở Constantinople có một kỹ sư người Ý nổi tiếng về công trình xây dựng vài cây cầu trong tỉnh. Chính ông ta đã được người nhà thầu của ông Quốc-Lão chọn và gửi đến Bosnie đi theo hai vị triều thần.

Khi họ đến Visgherad, trời vẫn còn đổ tuyết. Ngày này sang ngày khác người dân trong miền ngổ ngàng nhìn ngó ông kỹ sư lưng hơi gù, tóc trắng nhưng mặt còn trẻ, thơ thẩn trên cây cầu lớn xây bằng đá; ông ta gỏ thử lớp vữa của những mối ráp, nghiền nát mẫu vữa trong hai ngón tay, đưa lên miệng nếm và bước soạc chân đo chiều dài của thân cầu. Rồi ông ta rời đi Bagna ít lâu. Nơi đây ông tìm thấy chỗ đã lấy đá để xây cầu Vishegrad. Hầm đá bị gai góc phủ kín. Cùng với một người lao công thuê ở địa phương, ông luôn tay thu dọn tìm kiếm cho tới khi tìm thấy một mạch đá sâu rộng có thứ đá còn trắng hơn đá đã dùng xây cầu Vishegrad. Ông liền đáp thuyền theo giòng Drina xuống tới Jépa và quyết định nơi bỏ kê đá. Rồi, một trong hai phái viên của ông Quốc Lão trở lại Constantinople mang theo bản dự trù chi phí và họa đồ kiến trúc.

Ông kỹ sư vẫn ở lại chờ đợi nhưng ông không muốn lưu trú tại thành phố Vishégrad hay trọ một nhà đạo hữu Công-giáo nào ở ven sông Jépa. Trên ngọn đồi nhỏ, nằm ngay khoảng tiếp giáp của sông Drina và sông Jépa, ông tự tay dựng một căn lều để ở. Công việc thông dịch, liên lạc ông nhờ phái viên của ông Quốc-Lão và một người thư ký giúp. Ông nấu ăn lấy, mua trứng, mỡ, tỏi, trái cây khô của những người nhà quê ; người ta đồn rằng không bao giờ ông mua thịt. Suốt ngày ông dẻo gọt, kẻ vẽ, tìm tòi những loại đá hay đứng ngấm giòng sông Jépa. Tình hình kéo dài như thế cho tới khi người phái viên từ Constanti-nople trở lại báo tin sự chấp thuận của ông Quốc-Lão và mang tới một phần ba số tiền dự trù. Công việc bắt đầu.

Đám người chung quanh vẫn chưa hết ngạc nhiên. Cái mà ông kỹ sư làm không có vẻ gì là một cây cầu cả. Trước hết những khúc gỗ thông to lớn được cắm ngang qua sông thành hai hàng rồi những cành cây gài từ cọc này sang cọc khác kết thành tấm phên y như lối rào dầu chung quanh nhà. Sau đó một thứ đất nhuyễn được đổ làm nòng như kiểu đắp chiến lũy. Với cách này người ta ngăn chặn hẳn giòng sông làm cho một bên sông khô cạn. Nhưng công việc vừa mới xong thì mưa trên nguồn mưa bão. Giòng Jépa lại dâng lên bất thình lình, và, trong đêm tối, đã phá vỡ khoảng giữa của con đập. Rạng ngày nước rút nhưng những bó cành cây đã bị hư hao, hàng cọc bị nhổ lên nghiêng ngả. Trong đám công nhân và trong dân chúng người ta đã thì thầm bàn tán rằng sông Jépa không muốn có cầu. Nhưng tới ngày thứ ba, ông kỹ sư lại ra lệnh ken lại phên đóng lại cọc cho sâu hơn. Và, lại một lần nữa từ dưới lòng sông chai sạn, người ta nghe dội lại tiếng búa nện, tiếng hò hét của phu thợ gắng sức làm việc.

Khi mọi thứ đã sẵn sàng, đá ở Bagna vừa mang về thì cũng vừa lúc Herzégovisie và Dalmatie, hai người thợ đá tới. Trước cửa căn nhà gỗ người ta dựng lên cho họ ở, bọn thợ đá ra công dẻo gọt; lúc nào mình mẩy chân tay họ cũng trắng những bụi đá trông giống như những người xay bột. Ông kỹ sư luôn lui tới gặp họ, lom khom

do tính công việc của họ bằng một cái thước tam giác bằng kẽm màu vàng và sợi giây đầu có buộc cục chì xanh. Khi hai bên bờ sông, kè đá vừa xây đắp xong thì tiền cũng vừa hết. Đám phu thợ tỏ nỗi bất bình dân chúng hăm hực cho rằng công việc sẽ thất bại. Mặt khác, một vài người ở Constantinople tới kể chuyện rằng không thấy ông Quốc Lão đâu, Ông ta lâm bệnh ? Có chuyện gì buồn phiền ? không ai biết được rõ ràng. Dù sao mặc lòng như thế là ông ta đã trở nên chệnh mảng, bỏ bê trễ công việc rồi. Nhưng, người phái viên của ông Quốc - Lão đã trở lại sau hai ngày về tỉnh, mang theo số tiền còn thiếu. Việc xây cất lại tiếp tục.

Mười lăm ngày trước lễ Saint Mitar, những ai đi qua sông Jépa đều nhận ra rằng lần đầu tiên ở hai bên bờ sông một bức tường đá trắng muốt đẻo ngọt nổi bật trên một lớp nền đá xám; chung quanh tường những hàng róng bắc chằng chịt như tơ nhện. Từ đấy cho tới những ngày bắt đầu băng giá, bức tường được xây thêm mãi. Rồi công việc tạm ngưng. Thợ hồ trở về quê để nghỉ qua mùa đông trong khi ông kỹ sư vẫn ở lại căn lều, suốt ngày cặm cụi trên bản họa đồ, tính toán tiền nông và chỉ ra ngoài để kiểm soát thường xuyên hàng róng bắc và con đập. Đầu mùa xuân, khi lần băng giá bắt đầu tan, ông lại càng chăm chỉ hơn, thường khi ban đêm cũng cầm đuốc đi thăm đập.

Gần tới lễ Saint Georges, thợ hồ trở lại và công việc tiếp tục; Cho đến giữa mùa hè, công trình xây cất mới xong. Đám phu thợ reo mừng dõ róng và, cây cầu được tháo bỏ những cột, những ván gỗ bao bọc, hiện ra thướt tha, trắng nõn, thẳng vút một nhịp từ mỏm đá bên này sang mỏm đá bên kia.

Dân những làng chung quanh kéo nhau đi xem khăm lượt. Những người tại tỉnh lỵ Vishégrad và Rogatica tới, đứng ngắm nghía và lấy làm tiếc rằng cây cầu đẹp như thế tại sao lại xây ở miền quê hoang vu căn cõi này mà không xây ngay ở thành phố của họ.

— Các ông các bà hãy cố tìm lấy một vị Quốc Lão đi, người làng Jépa trả lời khách như thế.

Và trong lúc nói chuyện họ vỗ nhẹ lòng bàn tay trên bao lơn cầu thang muốt có bờ góc chuốt nổi tướng chừng nặn bằng sáp chứ không phải chạm trổ trên đá.



Khi những người bộ hành đầu tiên đi qua cầu không còn lấy làm ngạc nhiên nữa, thì ông kỹ sư cũng đã thanh toán xong



tiền công thợ, thu xếp dụng cụ, giấy tờ rồi cùng với đám thuộc hạ của ông Quốc - Lão trở về Constantinople. Chính vì vậy, câu chuyện về ông ta được truyền tụng khắp trong tỉnh và trong làng như những chuyện ngụ ngôn. Sélimé — anh chàng làng bạt kỳ hồ, thường cưỡi ngựa mang các thứ cần dùng từ Vishégrad về cho ông kỹ sư và là người duy nhất ra vào căn lều của ông ta — ngồi

lè la trong các tiệm tạp hóa, kể chuyện không biết bao nhiêu lần những gì hắn biết về ông khách lạ.

— Không đâu, đúng thực ra ông ta không phải là một người như những người khác. Mùa đông ấy khi mọi người nghỉ việc thì tôi cũng ở lý mười mười lăm ngày không tới thăm ông ta. Vậy mà khi tới, tôi thấy sự bề bộn trong nhà ông vẫn y nguyên như lần sau cùng tôi tới thăm kỳ trước. Ông ta ngồi trong gian lều giá lạnh, đầu đội chiếc mũ da gấu phủ

xuống tới nách ; tất cả người chỉ để lộ đôi bàn tay xanh lợt rét mướt; ông ta cầm cùi mài đưa những viên đá hoặc biền viết một vài thứ gì đó. Ông nhìn tôi với đôi mắt biếc và nếu ai trông thấy cặp lông mày to rậm của ông lúc ấy có thể bảo rằng ông sẽ nhai ngấu nghiến mình tức thời. Ông lặng thinh không nói. Chưa bao giờ tôi thấy như thế.

Ôi chà ! Các ông các bà ơi, một năm rưỡi trời cực nhọc. Và đây, khi vừa xong việc ông ta trở về ngay Constantinople. Chúng tôi đưa ông qua đò. Ông lên ngựa đi và không trở lại. Ông cũng không hề ngó lại chúng tôi một lần hay để mắt tới cây cầu nữa.

Những người bán hàng thường hỏi han anh chàng kể chuyện về tin tức ông kỹ sư. Lòng thần phục của họ càng gia tăng, họ càng tiếc đã không chịu chú ý đến ông khi ông đi qua phố Vishegrad.

Trong thời gian ấy, ông kỹ sư đương tiếp tục cuộc hành trình. Còn hai đêm nữa tới Constantinople, bỗng nhiên ông mắc bệnh dịch hạch. Ông lên cơn sốt và phải cực nhọc lắm mới cưỡi ngựa về được tới tỉnh. Ông được đưa ngay vào bệnh viện nhà giòng Francois d'Assise và ngày hôm sau, ông trút linh hồn trong tay một tu sỹ.

Cùng một buổi sáng, ông Quốc-Lão hay tin này giữa lúc người ta đưa trình ông những khoản tiền nong và họa đồ cây cầu. Ông kỹ sư chỉ mới nhận một phần tư số tiền công và khi mất đi không hề để lại tiền bạc, công nợ chúc thư hay người thừa kế. Ông Quốc-Lão suy nghĩ rồi ra lệnh đem phân phối số tiền công còn lại của ông kỹ sư, một phần giúp vào bệnh viện, hai phần giúp các người nghèo khổ.



KHI lệnh ấy đã thi hành thì vào một buổi sáng yên tĩnh một ngày cuối hè, người ta chuyển đến cho ông đơn thỉnh cầu của một nhà bác học Hồi-giáo, một nhà thơ quê ở Bosnie mà ông Quốc-Lão thỉnh thoảng vẫn gửi đồ tặng. Nhà bác học nghe

tin ông Quốc-Lão vừa cho cất cây cầu ở Bosnie nên muốn rằng người ta sẽ khắc vào cầu những hàng chữ ghi ngày tháng của công trình kiến thiết và tên người đã dựng lên nó. Theo thói quen trong lối cư xử, nhà bác học muốn nhân dịp tỏ lòng giúp ông Quốc Lão chút việc nên đã gửi cho ông một bản văn đề cầu. Bản văn ấy viết trên tờ giấy riêng đính kèm theo đơn, mang những hàng chữ viết nắn nót điểm thêm màu đỏ, vàng ở những chữ đầu câu,

*Khi chính quyền tận tâm và nghệ thuật cao cả
Cùng ra tay.*

Kết quả là cây cầu tốt đẹp này.

*Sung sướng cho người dân, vinh quang cho ngài Yousouf.
Ở cõi đời này và ở cả thế giới bên kia.*

Khoảng trên phác họa hình ấn tín bầu dục của ông Quốc Lão, chia ra hai phần không đều nhau. Một bên người ta đọc thấy những hàng chữ « Yousouf Ibrahim, bầy tôi của Chúa » và bên kia ghi câu châm ngôn của ông : « An ninh có giá trị như im lặng ».



Đã một lúc lâu, ông Quốc-Lão ngồi lặng thinh trước lá đơn; ông để yên hai tay chống ra hai bên, một tay tỳ lên bài thơ đề cầu, tay kia đặt trên bản kết toán và họa đồ xây cầu. Lúc này ông cần phải suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động.

Kể từ mùa hè ông bị thất sủng tới nay đã hai năm. Trong thời gian đầu trở lại quyền chức ông không thấy có gì thay đổi. Ông đã ở cái tuổi chín mùi, hiểu biết được tất cả giá trị cuộc sống. Thẳng được địch thủ, ông tự thấy quyền thế ông lúc này mạnh hơn lúc nào hết. Chiều sâu của sự thất bại càng làm cho ông đo được rõ ràng hơn bề cao của quyền hành. Những thời gian trôi qua, kỷ niệm của nhà tù, đáng lẽ phải phai mờ đi, lại trở thành ám ảnh. Đôi khi ông cố xua đuổi những ám ảnh ấy trong ý nghĩ nhưng ông không làm sao xua đuổi được nó trong

mộng寐. Trong giấc mơ, hình ảnh nhà tù lại hiện đến đề rồi gieo vào lòng ông nỗi buồn phiền vẩn vương trong cuộc sống ban ngày.

Ông cũng bắt đầu hoài nghi tất cả tuy kín đáo nhưng sâu xa. Nỗi đau khổ gặm nhấm, xâu xé ông đến nỗi ông không thể hiểu thấu được nó, không dám thú nhận nó hay đem kể lể cùng ai. Và, khi sự đau khổ ấy thôi hành hạ, khi nó ngoi ra bên ngoài thì không ai còn hiểu được nó là gì nữa ; người ta nói một cách dãn dị : cái chết. Bởi vì, người đời đâu có tưởng tượng được rằng đã có biết bao nhiêu người có danh vọng, quyền uy cũng im hơi lặng tiếng như thế và họ đã chết ngay khi còn sống, chết mau lẹ, âm thầm.

Sáng hôm nay không biết có phải ông Quốc-Lão mệt mỏi vì mất ngủ không những ông có vẻ trầm lặng và suy tư ; trong không khí mát dịu buổi sáng, ông cảm thấy mí mắt nặng trĩu, da mặt như se lại. Ông nghĩ tới người ngoại kiều ấy, người kỹ sư đã chết, và nghĩ tới những kẻ bạn cùng đã được hưởng thụ số tiền công của ông ta. Ông nghĩ tới xứ sở xa xôi, miền Bosnie đầy núi non buồn thảm (lúc nào nói tới Bosnie, ông cũng tưởng tượng rằng đương nói tới cái gì buồn thảm) cái miền Bosnie mà ánh sáng của triều đình chỉ có thể soi tới từng khoảng và là nơi mà cuộc sống thiếu văn minh không có gì thích thú, một cuộc sống nghèo nàn, khốn khổ. Còn biết bao nhiêu miền xa xôi hẻo lánh như thế trong thế giới này ? Biết bao nhiêu con sông chưa có cầu ? Bao nhiêu nơi không có nước sạch sẽ để dùng và bao nhiêu nhà thờ sụp sập không đồ trang trí ?

Ông nghĩ tới một thế giới thiếu thốn mọi điều và cực khổ trăm chiều.



MẶT trời dội nắng vào những hòn ngói nhỏ màu xanh trên mái tọa lầu ngoài vườn. Ông Quốc-Lão sức nhớ tới bài thơ đề cầu của nhà bác học Hồi-Giáo trẻ tuổi. Ông từ từ đưa tay lên và gạch bỏ bằng hai nét bút tất cả bài thơ.

Ngừng một lát, ông gạch lòn một nửa cái hình ấn tin có đề tên ông. Chỉ còn lại câu châm ngôn : « An ninh có giá trị như im lặng ». Ông nhìn ngắm một hồi lâu và rồi, bằng một nét gạch đậm, ông cũng gạch bỏ nốt,

Bởi vậy, cây cầu không mang tên ai, cũng không có giòng chữ lưu niệm nào cả.

Ở miền Bosnie xa xôi ấy, cây cầu vẫn lấp lánh dưới mặt trời, óng ả trong ánh trắng để cho người và vật qua lại.

Chỗ đất đào chân móng, những vật liệu vụn vặt tản mác chung quanh cầu — dấu hiệu của một công trình vừa mới xây cất — nay đã biến mất. Người dân quê nhặt nhanh thứ này thứ khác, nước cuốn đi những mảnh phen gầy đập và những đoạn róng. Những trận mưa đã rửa sạch dấu vết công việc của đám thợ đá. Nhưng sự cách biệt giữa cảnh vật trong miền và cây cầu vẫn còn rõ rệt. Vòm cầu trắng muốt hiện ngang hiện ra một cách độc đáo và đột nhiên làm cho kẻ bộ hành có một ý tưởng lạ lùng thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của núi non hoang dại.



NGƯỜI thuật chuyện này là người đầu tiên có ý nghĩ muốn tìm hiểu người ta xây cất cầu như thế nào. Vào một buổi chiều, gã từ trên đồi núi xuống; gã ngồi sát bên bức tường đá đáng mệt nhọc. Ở miền này về mùa hè ban ngày tuy nóng bức nhưng ban đêm hơi mát dịu. Khi gã tựa lưng vào tường đá gã cảm thấy đá còn nóng hổi vì sức hun đốt của ban ngày. Người gã đổ mồ hôi và từ phía sông Drina một cơn gió mát thổi lại; sự cọ xát với tường đá nóng vừa dễ chịu vừa kỳ quặc. Hình như có cái gì hòa hợp giữa những cảm giác ấy. Tức thì gã quyết định viết nó ra thành chuyện.

Niềm bí mật của đời nàng

SAO những ngón chân anh đẹp kỳ khôi
Sao da anh xanh, sao trán anh cao
Biết vì sao em mặc áo vàng
Mỗi lần mùa xuân hoa đại nở
Đố tìm ra em hỏi anh

Trong vùng núi non của rừng
Mà tiếng vọng theo đuôi mái
Tiếng vọng theo ôi tiếng vọng theo
Khu rừng tím cùng cây cùng lá

Cùng cuộc đời như một giòng sông
Chiếc lá lìa cành bắt đầu sống lại
Bắt đầu niềm bí mật của đời nàng
Bắt đầu cuộc phiêu du thứ nhất

Đêm của cơn trùng nỉ non của sóng bề của vách đá
Cùng tiếng hát của rừng
Nung nấu niềm đau khổ nỗi giận hờn
Đêm của mưa lũ của suối tóc đen
Hạnh phúc lớn khôn cùng
Tiếng thì thầm vào khuya

Cánh tay dài như chiếc võng đưa
Qua khuôn mặt anh đôi mắt cùng sao trời
Cùng tiếng ru như nước.
Giội suốt hồn chúng ta

Bắt đầu niềm bí mật của đời nàng
Bắt đầu cuộc phiêu du thứ nhất

BỮU KẾ

Ma

THANH đang chăm chú thêu chiếc khăn tay, bỗng nghe có tiếng động. Nàng ngẩng mặt nhìn lên. Một thanh niên to lớn, mặc âu phục, đầu chải bóng láng, nổi bật lên giữa khung cửa. Thanh bỏ chiếc khăn vào đồ may vội đứng dậy.

— Thưa ông muốn hỏi ai ?

Trong gian phòng ánh sáng không được đầy đủ của cây đèn bát đặt trên chiếc ghế đầu, người thanh niên nói với một vẻ ấp úng :

— Chúng tôi đi ngang qua đây, thấy ánh đèn sáng, nên ghé vào hầu thăm cụ và... cô.

— Chúng tôi tiếc chưa được hân hạnh quen biết ông.

Người thanh niên như không để ý đến câu đó, hỏi : Chắc cô biết nhà anh Hùng ?

— Vâng, ông Hùng ở cách chúng tôi một cái vườn của bác cả Bình.

— Chúng tôi là Vinh, bạn học một lớp của anh Hùng. Trước nghỉ hè ở Đalat anh cho chúng tôi biết anh có một ngôi nhà khi đi ở vùng quê...

— Chắc câu chuyện của ông còn dài, vậy mời ông hãy vào trong này đã...

Vinh đã lấy lại được cử chỉ tự nhiên, bước vào, ngồi xuống chiếc ghế thấp đối diện với Thanh.

Chàng nói tiếp : Anh Hùng ngờ ý muốn cho tôi mượn nhà trong vòng một tháng, nghĩa là đến lúc anh ở Đà-lạt về. Anh có cho biết quanh vùng này toàn người quê mùa cả, chỉ trừ cụ và cô là người trên tỉnh dọn về.

— Ông đến từ bao giờ ?

— Vào lúc năm giờ chiều nay, tôi theo các con đường mà anh Hùng đã vạch sẵn trên một tờ giấy. Vì đi xe máy dầu nên chỉ mất có tiếng rưỡi đồng hồ. Nhà của anh Hùng yên tĩnh lắm, giá chúng tôi kiếm được chỗ để ăn trọ thì thật hoàn toàn.

Thiếu nữ đôi mắt sáng lên, nhìn quanh phòng một lượt, rồi nhìn cái đồng hồ treo trên tường.

— Thế ông Hùng không bảo gì với ông về gia đình chúng tôi hay sao ?

— Dạ không. Anh chỉ kịp trao cho tôi chùm chìa khóa cửa, dặn dò mấy lời thì chiếc xe hơi đậu trước cửa thư viện đại học đã bóp còi inh ỏi, giục phải đi gấp.

Thanh thở dài một cái rồi hạ thấp giọng xuống : Thảo nào ông đến chơi nhà chúng tôi vào giờ này. Một việc mà ông cần phải tránh.

Vinh ngơ ngác :

— Cô bảo sao ? Thật tôi chưa rõ gì cả.

— Ông Hùng đã bao giờ thuật cho ông nghe cái chết bí ẩn của chị tôi chưa ?

— Chẳng qua chúng tôi muốn tránh cảnh ồn ào náo nhiệt nên về đây để ôn lại bài vở chứ ngoài ra được biết gì đâu ?

— Thế thì ông nên về nghỉ, đến sáng mai sẽ lại sang chơi.

Vinh mỉm cười :

— Nếu cô đuổi thì tôi xin về.

— Chúng tôi đâu dám vô lễ như thế, nhưng chính vì ông.

— Vì tôi ?

— Vâng, vì sợ có sự không hay sẽ xảy đến cho ông.

Vinh sửng sốt :

— Sao lại xảy đến cho tôi được ?

— Truyện nhà truyện cửa, đem thuật lại thì chẳng hay ho gì, nhất là đối với ông, một người chúng tôi chưa từng quen biết.

— Nhưng rồi sẽ quen.

Thanh làm như không nghe câu nói ồm ồm ở ấy, vẫn một giọng đều đều :

— Nếu không nói ra tránh sao cho khỏi ông hiểu lầm.

Nàng như lưỡng lự, một lúc cuối cùng tائن hần một tiếng nho nhỏ đoạn tiếp :

— Mẹ tôi chỉ sanh được hai chị em. Chị Thu lớn hơn tôi hai tuổi. Mẹ tôi thương yêu, chiều chuộng chị tôi hết sức.

Mấy tháng trước đây, chị kết duyên với bác sĩ Huỳnh. Hai vợ chồng đang yên vui đắm thắm hưởng tuần trăng mật, thì một hôm, bỗng nhiên anh Huỳnh lấy vé máy bay đi Saigon, để lại mảnh giấy nhỏ, chỉ vắn tắt hẹn trong nửa tháng sẽ trở lại. Thấy chồng ra đi một cách đột ngột như thế chị tôi sanh nghi, và sau hai ngày dọ hỏi chị tôi mới hay được một tin bất ngờ hết sức. Anh đã có vợ và hai con từ ngày còn du học bên Pháp. Hiện nay anh vào Saigon đón vợ con và có lẽ cũng đề sắp đặt chuyện gia đình cho được êm thắm. Thanh thở dài rồi kể tiếp : « Chắc ông cũng đoán được nỗi khổ tâm của một người con gái khi mối tình đầu bị tan vỡ ? Có kẻ xui đưa việc này nhờ pháp luật can thiệp, nhưng trong gia đình tôi không ai nghĩ đến điều đó cả. Chị tôi sửng sốt như người mất hồn. Mẹ tôi thấy con như vậy, không biết tìm cách nào để an ủi, nên đã lập tức gọi nhà nhờ người trông nom hộ về đây mua nhà để ở, mục đích

không muốn chị tôi còn thấy lại những kỷ niệm của những ngày êm ấm vừa qua.

Hai ngày đầu nét mặt chị tôi đã trở nên tươi tỉnh, ăn được vài chén cháo mỗi bữa. Qua ngày thứ ba, đã ra chợ mua vài thứ cần dùng lật vật, xem bọn trẻ bắt cá dưới cái hồ trước mặt nhà, thẽ rồi khuya hôm ấy, chờ cho cả nhà yên giấc, chị tôi treo cổ tự tử ».

Thanh lại thở dài. Vinh bất giác cũng thở dài theo. Mặt chàng trở nên u sầu như muốn chia buồn với hoàn cảnh của một gia đình bất hạnh.

Thanh đột ngột hỏi :

— Ông có tin rằng có ma không ?

Vinh suy nghĩ một chốc, không biết nên đáp thế nào để khỏi sai lạc ý kiến của người thiếu nữ đang ngồi trước mặt mình chàng liền trả lời nước đôi : « Theo tinh thần khoa học thì chúng ta không có quyền tin ma quỷ, nhưng theo như nhiều quyền sách và nhiều người đáng tin cậy thuật lại thì ta không thể bảo rằng không có ma.

Giọng nói của Thanh, bỗng trở nên hùng hồn rắn rỏi :

— Thưa ông, chúng ta không thể nhất nhất nhắm mắt tin theo khoa học được. Ai phủ nhận ma quỷ là người đó đã sai lầm. Tôi không nói đến những con ma trong Liễu trai chi di, trong Tử-bất-ngữ hay trong những truyện của Hoffmann, mà chính những con ma tôi đã được thấy, mẹ tôi đã được thấy và rồi ông cũng sẽ được thấy. Tôi xin hỏi thật, ông có can đảm không ?

Câu hỏi mới khó trả lời làm sao ? Không lẽ trước mặt một thiếu nữ kiều diễm, chàng lại thú thật nhược điểm của mình. Vinh cũng lại đáp cái lối nước đôi một lần nữa :

— Tôi không dám tự cho rằng mình can đảm, nhất gan cũng chưa hẳn đã nhất gan hơn ai. Còn ma thì quả thật tôi chưa bao giờ trông thấy.

Thanh lại nhìn lên chiếc đồng hồ và nói :

— Chỉ còn mười phút nữa !

— Cô bảo mười phút thì sao ?

— Thì chị tôi hiện về.

Vinh nét mặt đã lần lần biến sắc, nhưng không lẽ vì một câu nói ấy lại bỏ ngay ra về.

— Xin ông ngồi nán lại trong chốc lát nữa thế nào ông cũng sẽ thấy. Giờ tôi xin phép đi thắp hương.

Vinh đưa mắt nhìn theo thì thấy thiếu nữ đi lên gian phòng ở chái trên, vén màn đi vào bàn thờ. Một lát sau mùi hương nhẹ thoảng đưa ra. Gió giao động bức màn khiến Vinh thấy ba chấm đỏ trong khoảng tối mù mịt. Chàng có cảm giác rờn rợn. Thiếu nữ trở ra, ngồi xuống ghế, nói tiếp câu chuyện bỏ dở :

— Sau khi chị tôi mất, mẹ tôi đau đớn quá, khóc đến lòa cả hai mắt. Mẹ tôi nhất định chôn chị tôi ở trong vườn sau để khỏi có sự xa cách giữa người chết và người sống. Nàng vừa nói vừa đưa tay chỉ ra phía đằng sau. Nhưng vì khu vườn dày đặc bóng tối nên Vinh không trông thấy gì cả. Tầm mắt của chàng dừng lại ở ngôi nhà bếp nhờ có ánh sáng mờ mờ của cây đèn bóng đặt trên cái tủ đựng chén bát.

Một bà cụ già gầy ốm mà chàng đoán là mẹ của thiếu nữ ngồi trên chiếc ghế phản kê gần sát mặt đất, xây lưng lên nhà trên và day mặt ra khu vườn đen tối ấy.

Vinh hỏi giọng run run :

— Thế cô Thu có nói gì với bà cụ không ?

— Dạ không. Chị tôi đi với một người nữa, tay xách chiếc đèn lồng. Người ta bảo người ấy là kem. Ông có biết kem không ?

Vinh cố tự chủ nhưng vẫn không được. Hai hàm răng của chàng nhè nhẹ va chạm vào nhau như những hóm lên cơn rét :

— Kem là những con ma đi kèm theo những người trẻ tuổi mới chết.

— Ông nói đúng đấy. Vì thế nên lần nào cũng chị tôi, tôi cũng phải cúng thêm chén đĩa. Chị tôi mặc áo trắng, hiện lên

ngồi mộ ở vườn sau, đi vào nhà bếp, ngang qua chỗ mẹ tôi đang ngồi, ngang qua gian phòng này, lên chái trên, vào bàn thờ rồi biến mất.

Vinh thấy lạnh lạnh ở xương sống khi nghĩ đến chốc nữa đây, hai cái hồn ma ấy sẽ đi ngang trước mặt hoặc sau lưng mình.

— Hôm nào mẹ tôi cũng ngồi chờ như vậy. Mẹ tôi thường bảo : « Nó chết mà về được thì cũng chẳng khác gì còn sống. Mỗi ngày mẹ gặp được nó một dạo cũng đủ thỏa dạ rồi ». Chuyện này, chúng tôi vẫn giữ kín sợ người ngoài biết được không khỏi tiếng ra tiếng vào có hại cho linh hồn người quá cố. Tính đến nay — Thanh vừa nói vừa nhìn sang quyền lịch treo trên tường — đã tám mươi hai hôm rồi, hôm nào cũng vậy, cứ đúng chín giờ thì chị tôi lại hiện lên. Nhưng tháng trước, một chuyện không hay đã xảy đến, khiến chúng tôi ân hận mãi trong lòng. Ông có biết ông Lương bạn với ông Hùng không ?

— Dạ không.

— Ông Lương cũng sang chơi vào giờ này. Ông Lương trước kia có quen với chị tôi, biết cả việc chị tôi bị bác sĩ Huỳnh lừa gạt thất tình rồi tự vẫn. Tôi cố tránh không muốn ông Lương gặp chị tôi. Tôi đang đắn đo không biết nên nói thế nào cho khéo để khỏi mất lòng khách, thì chị tôi và bà kem đã từ nhà bếp bước lên.

Trông thấy chị tôi, ông Lương mở lớn cặp mắt, mồm há ra, vừa ngạc nhiên vừa khùng khiếp, hơi thở dồn dập. Chị tôi nhìn thẳng vào mặt ông Lương rồi bỗng nhiên lè ra một cái lưỡi máu đỏ huyết, dài xuống tận cằm. Ông Lương ngất đi. Mẹ tôi phải cho người qua gọi ông Hùng sang đưa bạn về. Từ đó ông Lương như người mất trí, mồm nói lảm nhảm nhưng không ai rõ nói gì. Nghe đâu người nhà đã đưa ông vào bệnh viện Saigon cứu chữa.

Vinh toát mồ hôi ra như tắm. Bao nhiêu can đảm còn sót lại đều tiêu tan mất cả. Sắc hồng ở đôi gò má đã biến đi để

nhường lại cho một màu tái nhạt. Chuông đồng hồ trên tường chậm rãi đánh chín tiếng.

Thanh nói một giọng nho nhỏ : Chị tôi !

Vinh nhìn ra vườn, xa xa, thấy hai người xách lồng đèn đi vào. Chàng hét lên một tiếng, vùng đứng dậy, đẩy mạnh cửa, lao mình chạy vụt ra sân, rồi tan đi trong đêm tối.



— Sao me chưa vào nằm ?

— Me ngồi chơi một lát nữa đã. Hương này nhờ gió ở ngoài vườn vào nên mát lắm. Đứa con gái của bác Phương đã bớt chưa ?

— Dạ đỡ rồi. Con lên nhà trên cất cây đèn rồi xuống đọc tiếp Tái sinh duyên cho mẹ nghe.

— Này Thanh, chị hẹn chín giờ, nhất định đúng 9 giờ là chị về. Thằng Mru con bác Phương nhờ chị giải đáp bài hình học nhưng chị bảo sáng mai sẽ hay. Chị thấy độ này nó học tẩn tưởi lắm. Nhờ có mang theo cây đèn chứ không thì Liễu và chị cũng đều hoảng hồn. Một tàu chuối đưa qua đưa lại mà hai chị cứ tưởng lầm là rắn. Hình như có người nào vừa ngồi nói chuyện với em trên này. Sao trông thấy chị lại vụt bỏ chạy ?

— Không, có người nào đâu ? Chị trông lầm đấy.

— Nào có phải gì một mình chị ! Chính Liễu cũng bảo : Có người nào đang ngồi nói chuyện với Thanh.

— Thôi cả hai chị lại đùa rồi ! Không cần nói chị cũng biết. Xưa nay có ai đến nhà mình trong lúc đêm tối như thế này đâu ? Mà người ấy lại ngồi nói chuyện với em nữa :

— Hay là ma ?

— Thôi chắc là ma rồi ! Em thường nghe nói khu vườn này nhiều ma lắm.

Thanh nói đoạn xây mặt vào tường để dấu một nụ cười tinh quái.

LƯU KIẾM

Một trận phục kích

« *Tưởng nhớ Phạm-thái-Hòa.*

Một chỉ nguyện quân dũng cảm ».

KHI vào đội võ trang, Đậu nhớ rất nhiều thứ. Trước hết giàn bí, khoảng nửa tháng, lá xanh đã lan gần hết sân. Nói cũng đáng tội, chiếc sân của Đậu cũng chẳng lấy gì lam lớn lắm, nên giàn bí mới che được chóng thối. Căn nhà lá hai gian một chái, cửa chính mở về hướng đông, buổi sáng hơi lạnh, hơi sương lùa vào trong nhà như khói. Trước và sau nhà, đất mới vỡ nên cỏ hoang mọc chóng lắm. Nếu bỏ lơ chừng tuần lễ, cỏ đã mọc đến sân. Cũng vì vậy diện tích mảnh sân của Đậu càng ngày càng nhỏ đi. Để bù lại cánh đồng bắp mỗi buổi một xanh, Đậu đã tính hết mùa bắp anh trồng đậu phụng, mảnh ruộng gần nước sẽ cấy lúa tám.

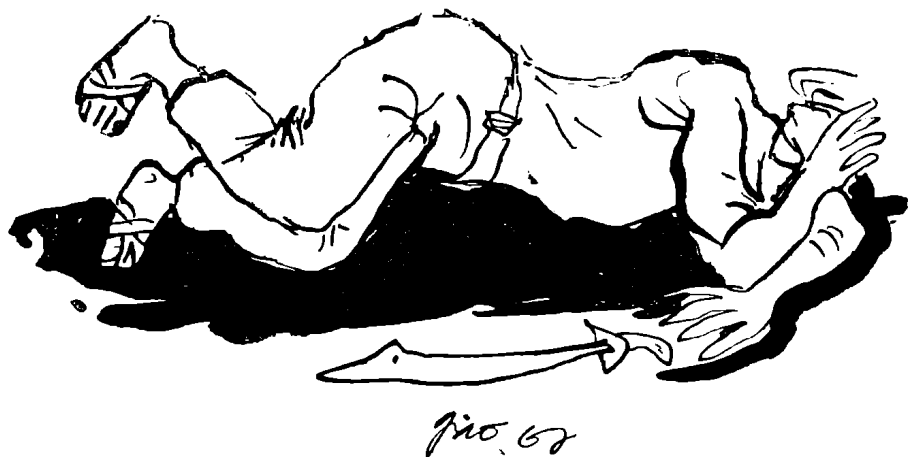
Đội võ trang lên đường vào giữa mùa mưa. Họ phải về một trại huấn luyện quân sự học tập trong hai tháng, đoạn mới được trả về địa phương. Nhưng trái với dự tính nói trên, vì những sự thay đổi bất chợt, đội của Đậu phải đi lưu động một thời gian, từ Ba-Xuyên xuống Cần-Thơ, xong ngược lên miền Đông.

Đóng quân ở Phong-Phú, nhìn cánh đồng lúa non trở trắng sát, Đậu lại nghĩ đến quê anh.

Miền ruộng Thái-Bình, mùa mưa nước sủa hết bờ ruộng. Đứng ở làng này trông sang làng khác chỉ thấy lũy tre xanh.

Dân đình nhiều, số ruộng có hạn, nhà nào có mười mười lăm mẫu đã vào bạc khá lắm. Tuy vậy riêng ông phủ, người làng Dầu, có cả trăm mẫu ruộng.

Cha Dầu làm nghề thợ cối, hồi nhỏ Dầu theo cha đi đóng cối. Làm nghề này, tiền công chẳng là bao, đóng xong mỗi cái cối, thợ cả và thợ phụ được chủ nhà mời chén một bữa hậu hỉ. Khi cha Dầu chết, ước vọng của ông, làm sao có được ít mẫu ruộng, vẫn chưa đạt. Thời cuộc biến đổi, ông phủ bị mất hết trăm mẫu ruộng, nhưng cả làng Dầu bị liệt vào loại phản động. Thậm chí đến Dầu là thợ cối, cũng bị lên án như vậy. Lẽ ra Dầu phải được xếp vào loại bắt xấu chuổi, vì hai đời là bần cố.



Lần này Dầu thực hiện được ước vọng của cha khi còn sống. Đất một màu nâu sộp chạy dài đến bìa rừng. Nhiều đất lắm, chỉ không đủ sức khai thác. Cả đời Dầu chưa hề nghĩ có ngày anh làm chủ được những năm mẫu đất. Bắp sắp ra hoa, rồi đơm bông kết trái. Sau mùa bắp đến mùa lúa. Không biết giờ này một mình ở nhà vợ anh mong đợi gì chẳng?

Trở lại câu chuyện đội võ trang. Cuộc khấn hoang của Dầu và dân thôn ấp đương tiến triển điều hòa, bỗng một tối bọn du kích trong rừng ra quấy nhiễu.

Chúng ở trong hang hốc nào không biết, chúng lần như đàn chuột, bọn chuột rừng thường phá phách hoa màu,

nhưng bọn du kích phá phách cả đến tinh thần những người nông dân cần cù.

Dậu chưa quên được nạn nhân đầu tiên của bọn du kích là ông trưởng ấp. Ông bị tử nạn, thi thể không toàn vẹn, vết thương như còn rỉ máu trước mắt Dậu, máu ông trưởng ấp đọng thành vũng trên đất, mảnh đất ông đã mất bao công lao khai thác.

Mấy bữa sau chúng rãi truyền đơn, lời lẽ huênh hoang. Tình trạng trở nên khốn trương. Những người đi khai khẩn, chiến đấu với rừng, nay thêm vấn đề phải chiến đấu chống sự cướp bóc của cộng phi. Dậu nhận thấy rằng bọn du kích thật sự chỉ là một bọn cướp. Chúng đón những người vào rừng lấy làm sẵn, lột hết tiền bạc, thậm chí người nghèo đi kiếm củi chúng cũng chẳng tha. Đường quốc lộ chạy lên miền thượng không xa nhà Dậu bao nhiêu có một quãng rừng, đã hai lần cộng phi chặn xe đồ cướp tiền.

Dân làng họp ở nhà hội đồng, họ bàn tính phải tổ chức thành một lực lượng tự vệ, như giáo dân ở châu thổ sông Hồng Hà đã làm những làng chiến đấu, du kích Việt Minh không vào lột.

Họ nhận thấy rằng, trước hết muốn chống du kích, cần diệt trừ hết tai mắt của du kích, triệt hết đường tiếp tế. Địa bàn hoạt động của du kích nhắm những nơi dân chúng còn lầm tưởng rằng cộng sản là một tổ chức yêu nước, du kích đánh xong thường trà trộn vào dân làng. Chúng đào hầm bí mật ẩn núp dưới đó, hoặc nhận là bà con thân nhân của dân làng. Quân đội tới, bọn du kích lần đi, quân đội tảo thanh nơi khác, du kích mới lộ mặt ra.

Với một làng như làng Dậu gồm nhiều di dân từ Chiêng, nói chắc rằng không có kẻ làm tai mắt cho du kích, nhưng phần đông đều căm giận sự cướp bóc và tàn sát của cộng phi.

Khi đội vũ trang lập lên, chỉ có năm cây súng. Nòng cốt của đội vũ trang là toàn dân vệ.

Đứng ở tiền đồn heo hút, nhìn sang khu rừng mênh mông trước mặt, có lần Dậu cũng cảm thấy cô độc. Không biết du kích tấn công khi nào, chúng di chuyển trong những đường ngang ngõ ngách của rừng, mỗi lá cây, mỗi bụi rậm đều như ẩn núp một cặp mắt soi mói nhìn về phía anh.

Họ gọi khu rừng ấy là chiến khu D, làng anh lại ở sát nách chiến khu D. Một vài gia đình di dân sợ hãi đã bỏ đi, nhưng nhiều gia đình khác cương quyết ở lại. Họ rút những căn nhà lẻ tẻ, tập trung thành một xóm, làm hàng rào, đặt vọng gác. Khi chưa có súng họ chiến đấu bằng dao, gậy, mã tấu. Nhưng Dậu hiểu, họ có một vũ khí mạnh mẽ nhất là sự đoàn kết và trí cảnh giác. Nếu một di dân làm tay sai cho cộng phi, vì muốn cầu an, hay vì một thứ chủ nghĩa mù quáng, sớm hay muộn cũng bị khám phá.

Đội vũ trang của Dậu về tỉnh học quân sự, nghe tin làng vẫn bình yên, nhưng tin chiến sự rồn rập, một tỉnh sát chiến khu D bị đột kích, những chuyến xe đồ bị cướp. Đội biệt động quân đóng ở làng Dậu lại mới di chuyển đi nơi khác. Anh nóng ruột trở về làng, thăm vợ con, xem ruộng nương, thứ nhất anh tiên đoán rằng sớm hay muộn địch cũng sẽ tấn công vào làng anh.



Mười năm trong rừng, hẩn nhìn ra đường nhựa với vẻ lo lắng.

Không phải vì hẩn bỏ ngõ với vùng này, nhưng từ khi vào du kích, hẩn bắt đầu một cuộc sống thất thường. Những đêm mưa lặn lội trong rừng, những buổi chạy trốn cuộc hành quân táo thanh. Một người đi kiếm củi, hẩn cũng nghi là biệt động quân cải trang. Hẩn như thứ chó hoang sợ cả từ tiếng lá rụng.

Mười vào du kích không phải vì chủ nghĩa, mà hẩn thích một cuộc sống phiêu lưu. Thực tế đã khiến hẩn chán nản. Ngoài những buổi đi rải truyền đơn hay đi trợ chiến cho đội

xung phong tán phát, hắn còn phải sinh hoạt tổ, học tập chính trị, kiểm thảo tư tưởng. Những buổi học tập nối tiếp những ngày đi làm công tác ngày và đêm tằm trí hắn không lúc nào được nghỉ ngơi.

Mười ghi một chuyến xe đồ chạy vào lúc 12 giờ trưa, hắn đổi gác cho một gã trong tiểu đội. Nhưng đồng thời tiểu đội của hắn cũng vừa hết phiên gác, đường nhựa lóa mắt dưới ánh nắng mặt trời, Mười vừa đói lại vừa mệt.

Tai hắn như còn dư âm tiếng van lơn của người đàn bà bị lột mất đôi bông tai vàng. Túi chị có sáu trăm bạc, một mớ quần áo cũ. Người tài xế xe đồ đứng quay mặt vào bia rừng, một hành khách bị bắn đẳng sau lưng, khoan áo dính vào thịt vẽ một vòng tròn chung quanh vết



đạn. Việc ấy xảy ra từ tuần trước. Nhưng tiếng nài nỉ của người đàn bà, tiếng kêu thét của mấy đứa trẻ khi súng nổ còn in sâu trong trí nhớ của Mười. Hắn bắt đầu chán rừng núi, chán cuộc lẩn lút. Mười chưa quên người đàn ông, một thương gia khi bị cướp mất chiếc cặp đựng mười ngàn bạc, đã nói lớn :

— Các anh khùng bỏ đàn bà con nít, giết người lương thiện, các anh không biết xấu hổ hay sao ? Tôi dám nói rằng các anh chỉ là đồ ăn cướp.

Người đàn ông bị dẫn đi, chiều hôm ấy xác anh ta treo trên một ngọn cây.

Mười hạ thấp mũi súng để chui vào một vòm cây rậm, mấy người vận đồng phục ngồi quây quần bên chiếc bàn bằng đá, đương bàn tán. Ban chỉ huy trung đội du kích cũng có mặt ở đó. Hình như Mười sắp dự một trận đánh, mục tiêu là đám dân khản hoang gần chiến khu D. Mấy người vận đồng phục thuộc đại đội quân chính quy.



DẬU tìm thấy lối đi quen thuộc. Chỗ ấy không xa nương bắp của anh. Một con thú rừng sột soạt trong đám lá. Hai mắt nó phát ra hai tia sáng xanh như lửa đom đóm. Gần đấy con suối vẫn lặng lẽ chảy như hồi trước mùa bắp, Đậu thường ngả lưng bên bờ suối mỗi buổi trưa. Anh thấy cảnh vật như không có gì thay đổi, ngoài chiếc chòi canh, được đắp cao thêm một chút. Hàng rào lồng dím chĩa những mũi nhọn về phía quốc lộ. Một người dân vệ cầm súng đứng gác, bóng in rõ rệt trên nền trời.

Vợ anh vẫn gầy thon. Đưa con bú no mút ngón tay, ngủ yên trên chiếc giường vừa dài vừa rộng, ngang mình nó phủ một tấm chăn cũ. Đội võ trang đi tuần tiễu vào buổi tối. Họ đi dọc theo đường nhựa rồi đi tắt qua bãi mía. Người đội trưởng đã nhận được những tin đặc biệt về tình hình địch.

Vợ bác hẩn dẹt xong mấy khỗ vải sắp xuống chuồng bò xem con bò cái đẻ, ông trùm mít, một giáo dân đã cầu xong buổi nguyện.

Tiếng tiêu liên nổ phá tan sự yên tĩnh của đêm tối. Người đi đầu của đội võ trang lọt vào ổ phục kích. Anh ta ngã xuống nhưng còn cố bóp cò, một viên đạn bay vu vơ vào không gian.

Lẹ như bầy sóc, tiểu đội Dậu tản ra hai bên đường. Người bắn súng máy mở chốt an toàn nhưng chưa bắn. Dậu quý một chân nghe ngóng. Phía bên mặt có tiếng hò, nhưng không thấy bóng người tiến lên.

Hai khẩu trung liên khai hỏa sau tiếng hò, đạn bay rào rào trên đầu anh. Dậu vội nằm xuống chờ lệnh của người đội trưởng.

Anh biết chắc rằng địch chỉ cách anh chừng hai chục thước. Từ chỗ anh đến chỗ khẩu trung liên đương bắn độ bốn mươi thước. Nếu đáp được một quả lựu đạn vào đó, hẩn địch sẽ phải chuyển khẩu trung liên đi nơi khác, với điều kiện là khẩu trung liên chưa vỡ.

Người đội trưởng đã cân nhắc được tình thế. Bác nói lớn :

— Địch phục kích hình chữ L. Súng máy bắn vào lực lượng « chuẩn ».

Ổ súng máy trả lời theo khẩu lệnh. Tia lửa màu hồng nhảy múa từ ổ miệng súng.

Dậu thấy bình tĩnh trở lại. Bên anh thêm một người ngã, nhưng toàn đội đã củng cố được vị trí chiến đấu.

Anh nhớ kinh nghiệm về phục kích. Ở quãng gần sông hay đồng lầy, địch thường phục kích hình chữ L. Lực lượng « chuẩn » đặt phía trước, lực lượng « xung » và « cản » đặt ở phía rừng để đánh đồn đối phương vào đồng lầy. Lúc hỏa lực ngừng bắn, bộ phận xung phong nhảy ra, bộ phận này phần nhiều dùng bạch binh tức là mã tấu và lưỡi lê, nếu đối phương hốt hoảng chạy lộn trở lại sẽ gặp lực lượng cản.

Nghĩ như vậy anh tin chắc bắn vào lực lượng chuẩn, rồi dùng tiểu liên và lựu đạn đột kích cánh quân xung phong sẽ phá vỡ được một phần bao vây.

Nhưng địch cũng biết gặp phải đội quân gan dạ và am hiểu chiến thuật. Cánh xung phong chỉ hò reo không nhảy ra, trong khi hỏa lực địch hoạt động mạnh hơn trước.

Dậu có cảm tưởng tai anh không nghe tiếng gì nữa, vì một trái lựu đạn nổ quá gần. Anh lặn đi một vòng, mừng thầm vì sau phút choáng váng, vẫn nhận rõ tiếng hò của người đội phó:

— Tiến về đằng trước, tiểu đội một cố chiếm lấy bìa rừng.

Biết rằng hò như vậy chỉ là một kế nghi binh và động viên. Cứ giữ vững vị trí cũng đủ làm địch hoảng sợ. Anh biết chắc rằng khi loạt tiểu liên nổ, chòi canh đã báo về quận, quận báo cho lực lượng tác chiến lưu động. Dù quân lưu động không tới, pháo binh cũng sẽ bắn yểm hộ.

Dậu nghĩ đến vợ con, nghĩ đến ruộng bắp.

Anh có lý do để chiến đấu tới viên đạn cuối cùng, nếu quân lưu động không tới và pháo binh không bắn tiếp sức. Để gì anh bỏ được năm mẫu đất. Anh quyết giữ hoa màu của anh khỏi bị địch cướp phá, vợ anh yên ấm nuôi con. Dậu lấp thêm một băng đạn và bắn một chập.

Trong khi ấy Mười nằm tại bộ phận « cản », Mười chỉ bắn hai viên đạn, hấn lẹ lù trước sức chống cự mãnh liệt của đối phương.

Trong đêm tối hấn cũng nhận rõ quân số địch chỉ bằng nửa quân số hấn. Viên chỉ huy trung đội vừa chửi thề vừa nhấp nhòm chờ toán quân bị phục kích chạy lộn trở lại. Mỗi phút trôi qua càng mang thêm cho hấn những lo lắng sâu đậm. Hấn nói:

— Tụi xung phong nhát quá, không xô ra làm thịt tụi nó còn chờ gì nữa.

Viên cán bộ chính qui đáp :

— Không đánh được thì rút, pháo binh sắp bắn bây giờ.

Pháo binh không bắn, nhưng phía đường quốc lộ có xe hơi rù máy. Những chiếc đèn pha soi trên mặt đường in bóng những hàng cao su chạy dài.

Đoàn xe vừa ngừng, đội quân tiếp viện đã dàn thành hàng ngang tiến vào.

Bị đánh phía sau, trung đội du kích bỏ chạy trước, viên chỉ huy đại đội chính qui trúng thương nằm bẹp ở ven rừng.

Mười vát súng, hắc không chạy theo gã trung đội trưởng. Hắc chạy về một phía khác. Hắc đã chán cảnh giết đàn bà con nít, chán những vụ cướp xe đồ; Hắc tìm về nhà hắc rồi sau này muốn ra sao thì ra. Lên lối được một quãng, hắc băng qua mặt đường nhựa, rồi tiếp tục chạy.

Đậu chống súng đứng lên. Có lẽ anh bị thương, vì anh thấy đau ở bắp chân. Miễn là anh còn hai tay. Với hai bàn tay vững chãi, anh vừa cày ruộng, vừa cầm súng. Có thể còn nhiều trận thủ lửa khác, nhưng hết mùa bắp này, anh phải trồng đậu phụng, rồi cấy lúa tám. Anh nghe tiếng cười nói, rồi vịn tay vào gã bắn súng máy anh đi về làng.

LUU KIỂM

Văn Hữu xin giới thiệu bạn đọc :

NGÀN THƯƠNG

Thi phẩm của **KIM-TUẤN** và **ĐÌNH-QUANG**.

NGUYỄN ĐÌNH NGUNG

Trăng xưa

Tôi có gì đâu để ước mơ.
Khò từ lên bốn sống bơ vơ.
Không cha đời tối hơn mấy xám.
Vất vả ngày xưa tự đến giờ.

Me chết hồi tôi mới lên năm.
Nhớ nhung tôi đâu biết khóc thầm.
Lại cười múa hát đêm trăng tỏ.
Giờ biết me tôi chết bữa rằm.

Mỗi độ trăng về nửa tháng hai.
Lớn lên càng nặng mối u hoài.
Me ơi ! Me xuống chi lòng đất.
Đề lại thằng con sống lạc loài.

Tôi biết chuyện xưa nhờ anh em.
— Cha đau thao thức suốt bao đêm,
— Đòi hôn cho được thằng con út.
— Trước lúc hồn đi xuống Cửu-Tuyền.

Cha cười : Thấy má, thấy mặt con.
Cha khuyên ! « Đừng khóc—Chết hao mồn.
Thay tôi cai quản gia đình ấy !
Dạy dỗ nên người mấy đứa con... »

Nay đã qua rồi tuổi ấu thơ.
Nhớ cha con ngỡ tự bao giờ...
Nhưng ngày nghỉ học, về thăm mộ.
Mùa nắng lòng khô cháy cỏ khô.

Cha mẹ giờ đây khuất nẻo xa.
Nhưng hình con mới gặp đêm qua.
Mừng vui xúc động con rơi lệ.
Chỉ bóng mờ thôi... con khóc òa !

MINH ĐỨC

Tát niên trong tù

TÔI không nhớ rõ câu chuyện đã bắt đầu như thế nào để có thể đi đến một đề tài thảo luận khá hào hứng, sôi nổi như hôm đó.

Sau khi bác bỏ ý kiến của tôi lần của cụ Nghè Đào, Trần hất mạnh đầu về phía phải, cổ lật ngược trở lên mái tóc dài đang lòa xòa đổ xuống trán, chực che khuất tầm mắt cận thị của anh ta. Trần đằng hắng lấy giọng, đoạn đưa cả hai tay ra trước vung vung đánh nhịp, đề trợ lực cho những lời biện luận trôi phăng phăng như dòng nước lũ. Trần lắc đầu lia lịa.

— Như thế cũng chưa được !

Trần nhìn tròn tròn, hết tôi đến cụ Nghè, như nhà ảo

thuật muốn thôi miên, rồi gập gù tiếp :

— Theo tôi, nếu anh mà bạc tình phụ nghĩa cùng em thì kiếp sau anh nguyện làm ... Một tên tử tù... Một con chó...

Hắn lặng im một chốc ra chiều suy nghĩ cho chín chắn, đoạn lên giọng tiếp tục biện luận mỗi lúc một hăng hái hơn.

— Kẻ khổ nhất đời chưa phải là tên tử tù. Thói thường, được làm vua thua làm giặc, ta còn lạ gì. Lắm khi thời cuộc biến chuyển, tử tù lại là người ăn trên ngồi trước, cầm cả vận mệnh của Quốc - gia, tha hồ dẫn dắt dân tộc vào con đường sở thích. Trường hợp các cụ Phan-sào-Nam, Phan-tây-Hồ..

tuy cuộc cờ chưa đến song người đời vẫn trọng vọng, sùng bái, bằng vàng bìa đá, sử sách ghi công...

Vừa lý luận, Trần vừa liếc nhìn chúng tôi qua cặp kính trắng với một vẻ thiết tha, chân thật đến lạ lùng. Đôi hàng chân mày rậm đen như con sâu róm của hắc nhướng lên, hạ xuống, thất thường theo nhịp điệu từng câu, như muốn chấm phết, dứt thành nhiều đoạn ngắn để giọng nói càng thêm linh hoạt, hấp dẫn. Hẳn tiếp tục :

— Giống vật cùng khốn chưa hẳn là giống chó. Chó tha hồ tự do rong chơi đây đó, vờn trắng giốn bóng, nhiều khi lại được bàn tay dịu hiền của bà chủ trẻ xinh ôm ấp, mơn trớn vuốt ve. Đó là chưa nói đến chú « béc-giê » tai vênh, lông mượt như nhung, chú « xiêm » lông trắng xóa, dài các dóm đáng như cô nàng Bạch-Tuyết trong chuyện bảy chàng lùn, của những nhà phong lưu quyền quý. Chúng ở biệt thự nguy nga, dạo chơi bằng xe hơi bóng lộn, ăn toàn thịt tươi cơm trắng...

Cụ Nghè nóng lòng, nheo nheo đôi mắt nhìn Trần gần

như muốn van lơn, đưa một tay ra hiệu chặn lại :

— Được rồi ! Thôi được rồi ! Chúng tao đồng ý với chủ mày. Thế theo chủ mày « nếu anh mà bạc tình phụ nghĩa cùng em thì anh nguyện »... làm gì ?

Trần chỉ thẳng ngón trỏ ra phía trước, ngược nhìn mảnh trời xa màu trắng đục qua một lỗ dột của mái tranh, lắc lắc cái đầu bồm xồm vốn đã to càng muốn to hơn, nhanh nhẩu đáp :

—Làm một giáo sư trung học.

Chúng tôi ngơ ngác chưa kịp hiểu như thế nào, Trần đã vội tiếp :

— Giáo sư trung học dạy một ngày tám giờ. Thỉnh thoảng phải đi họp phân đoàn, chịu kiểm thảo. Ngoài ra, một tháng mất hơn 20 đêm học tập với nhân dân, các giới, với cán bộ thôn xã. Nghỉ hè, ngày lễ phải tham gia lao động sản xuất, phục vụ công trường, vận lương, công tác thuế nông nghiệp, dự chính huấn lột xác... Lương tháng 30 cân, ăn toàn rau muốn luộc chấm tương, ngày đêm còn nơm nớp lo sợ chưa biết giờ phút nào đảng đoàn sẽ lôi đầu mình ra

cho bọn học sinh tổ khổ. Như thể thân phận một giáo sư trung học có phải kém xa một con chó không ?

Chúng tôi nhìn nhau rồi phá lên cười. Cụ Nghè gật gù :

— Lũ tao chịu thua chú mày rồi đấy ! Lập luận của chú mày thật đáng tuyên dương, đáng bồi dưỡng thêm mười hai tháng tù giam cứu nữa. Nhưng tao thử hỏi lại chú mày một câu :

— Thế kẻ sướng nhất đời là ai :

— Nhà vua.

— Nhà triệu phú.

— Đồng chí chủ tịch nông hội. Đồng chí trưởng đoàn cải cách.

Cụ nghè trề trề cái môi dưới xua tay ra hiệu rằng chưa đúng. Cụ nhíp từng hồi chiếc đuôi xương xẩu xuống cắn phần ngựa, rồi bất thành lình cụ chỉ thẳng ra một góc sân, bên kia luống cải tăng ô đơm hoa vàng chói, chầm rãi :

— Sai hết. Kiếp sau nếu có được đầu thai, hãy xin làm chú gà trống chuối kia kia. Nội trong một ngày cũng không biết bao nhiêu là vợ. Thích

mái nào « đập » mái ấy. Ắ nào không thuận, chịu khó đuổi quanh vài vòng, rĩa rĩa cái cánh sệ là « được » ngay. Tối lại ung dung đánh một giấc ngon lành khỏi ai quấy rầy đến. « Đầu rồng đuôi phụng cánh tiên, một ngày ba mươi sáu vợ tối ngủ riêng một mình » còn đòi gì nữa chứ ?

Nói xong, cụ Nghè vỗ mạnh vào đùi mình đánh độp một cái, cười ha hả tỏ vẻ khoái chí lắm. Trần giả bộ khúm núm, chấp tay vái dài cụ Nghè Đào, mồm méo xệch :

— Chúng cháu chỉ biết đầu hàng vô điều kiện « cụ già bí mật » thôi ... ời !

Ba chúng tôi lại cười âm lên, làm xáo động bầu không khí lặng ngắt, hăm hấp đến khó thở của một thời tiết trái mùa, muốn chuyển mình song còn ngập ngừng e lệ. Viên công an có nhiệm vụ canh giữ chúng tôi, đang ngái pho pho trên chiếc chõng ọp ẹp kê sát vách phía đầu hè, giật mình chồm dậy, hoảng hốt hỏi dồn :

— Cái gì ? cái gì vậy hở các anh ?

Bị giam cứu nhiều ngày, chúng tôi hầu như đã cạn chuyện, không biết nói gì với nhau hơn đề giết bớt thì giờ « nhất nhất tại tù, thiên thu tại ngoại » ấy. Vả lại đề tài câu chuyện phải hạn chế, nhất là phải tránh không được phạm « trường quy » : chính-trị, thời cuộc, lập trường .. Vì vậy, chuyện phổ thông ở đây là loại chuyện bâng quơ, chuyện trai gái, chuyện tiểu lâm đủ cỡ xưa và nay, tận bên Tây bên Tàu, nhiều lúc cũng gây được cho chúng tôi những cảm giác khoái trá, vui nhộn hồn nhiên, khuấy khuấy trong giấy lát nỗi niềm thương nhớ riêng tư canh cánh bên lòng.

Chúng tôi bị giải đến giam cứu tại nhà đồng bào ở đây đã ngót chín tháng. Tính đến cuối tháng chạp năm ấy riêng tôi đã ở được trôm trôm một năm, thế mà cuộc thẩm vấn chưa kết thúc. Ba lần dòi dòi địa điểm : từ Thiết-dính họ đẩy thẳng vào tận Mỹ-biệt, rồi mới đưa trở ra thôn Mỹ-phong này. Tuy là miền núi hẻo lánh quê mùa, xác xơ nghèo nàn với những ruộng lúa cấy cửi như cô may, nhưng hơn tuần nay đồng bào ở đây cũng đã bận rộn hẳn lên đề chuẩn bị đón

mừng năm mới. Thợ may và thợ cắt tóc đã bắt đầu đặc hàng. Họ phải làm việc suốt ngày thắm đêm mà cũng không kịp. Tiếng chày giã gạo thỉnh thoảng, tiếng cối xay nghiền bột rù rù, vang vọng và kéo dài từ mái tranh này sang mái tranh khác nghe rất vui tai. Lũ trẻ tùm năm tùm ba ở xó hè, gốc bưởi, hoặc bá cỗ nhau thành nhiều hàng ngang, nhảy nhót trên đường xóm, đã bắt đầu khoe nhau, bàn tán về những bộ quần áo Tết mà mẹ chúng vừa hứa sắm cho lúc đầu hôm. Bánh mứt ở đây không có gì đặc biệt. Vẫn những loại cổ điển của miền Trung : bánh tổ, bánh tét, bánh bầy lửa, bánh chè lam... Thịnh hành nhất của Bình-dịnh, thêm món gừng non và dừa già thái mỏng ngào đường cát trắng. Gia đình nghèo nhất ở đây cũng tạo được một vài thầu, trước đề cúng ông bà, sau đề phân phát cho trẻ em đến mừng tuổi trong mấy ngày xuân.

Năm hết Tết đến có khác. Viên công an canh giữ chúng tôi có phần dễ dãi hơn mọi ngày. Hẳn vừa cho phép chúng tôi cùng hẳn dự bữa cúng đưa ông Táo về trời với chủ nhà. Tiếng là mâm cỗ song chẳng

có gì vì lẽ người ta quá nghèo : Hai đĩa thịt heo luộc thái rất mỏng xếp thành hình hoa thị ; hai tô canh cá đồng nấu ngọt, nước trong vắt thả thêm một ít rau răm, hành ngò ; một đĩa nhộng kim vàng thơm phức, nhìn kỹ con nào con nấy đều teo riết như mặt cụ già một trăm tuổi ; hai đĩa rau sống, có cả rau diếp cá, chuối chát và khế chín xắt lát dưa duyên. Chính giữa mâm là một chén nước mắm ớt tỏi trong vàng óng đến rất ngon lành. Tuy đậm bột thể, đối với gia chủ cũng đã là một cố gắng vượt mức, phi thường. Riêng đối với bọn tù chúng tôi, có thể gọi đó là một bữa cơm thịnh soạn, tươi tắn, hiếm hoi, ngàn năm một thuở ! Chúng tôi không khách sáo, ăn rất ngon miệng, thật tình có lẽ nhà bếp đến phải bực mình.

Từ sau bữa cơm cúng 23 tháng chạp này, cụ Nghè-Đào trở nên ít nói. Cụ không còn pha trò hay nói chuyện tiểu lâm cho chúng tôi nghe. Thỉnh thoảng chúng tôi bắt chợt cụ thở dài hoặc đăm đăm nhìn vào cây sấu đồng trụ lá ở đầu ngõ vừa đăm lộc mới, cặp mắt uơn ướt mơ buồn. Hai đêm nay cụ thường trần qua trở lại, luôn tay phi phạch chiếc quạt

mo đuổi muỗi. Ý chừng cụ đang bận khoản nghĩ đến nhiệm vụ trưởng nam của mình trong những ngày Tết sắp đến.

Chúng tôi cũng không nghe cụ cầu nhàu về mấy khúc cá tràu kho rim bị đánh cắp nữa. Mấy hôm trước, cứ đến bữa ăn, hề cụ Nghè vờ tay xách trách cá xuống vừa gỡ vung ra là y như cụ đã lằm bằm :

— Quân tệ thật ! Chúng mình khổ như thế này, chẳng cho thì chớ, chúng còn ăn vụng của tụi mình thì tệ thật. Quân khốn nạn !

Nghe giọng chưởi đồng rền rền, lưng búng trong mồm của cụ Nghè-Đào, nhiều lúc cả tôi lẫn Trần không sao nhịn được, cũng phá lên cười rũ rượi, khiến cụ đỏ mặt, quắc mắt quát :

— Chúng khốn kiếp thế kia mà cũng cười được sao ?

Số là cách đây bốn hôm, ban Giám đốc có cho chúng tôi nhận lại mỗi người 500 đồng tín phiếu trong số tiền tịch thu để mua xà phòng thuốc hút vì xét riêng phần ba chúng tôi có thể kết luận rằng cuộc thâm vấn đã quá đầy đủ, không cần phải bóp ngạt sinh hoạt vật chất cho lắm nữa. Sau một hồi thảo luận

phân tách kỹ càng lợi hại chúng tôi đều đồng ý « công ty » số tiền kết sù này lại, mua tất cả cá đồng thứ cá rẽ mặt ở đây kho rim để dành ăn dặm. Ban cấp dưỡng lâu nay vẫn có thói quen tiếp tế cho chúng tôi món củ đậu kho lỏng lẻo, lạc thớt, không đủ sức đưa đầy nổi năm cơm vắt gạo hầm to bằng quả cam sành. Tôi và Trần lãnh phần chắt vi, đánh vẩy, cắt thành từng khúc một bằng hai ngón tay, cụ Nghè tỉnh nguyện đảm trách việc kho cá. Trần chống nạnh một tay, đứng nhìn đáng dấp lăm chằm của cụ Nghè Đào lui cui trong bếp, đảm hoài nghi cho khả năng đầu bếp của ông cụ. Hẳn hỏi gần mãi :

— Ông nội có kho được không thì nói ! Đừng bày đem đốt cháy hết, bày cháu có nước kêu trời.

Cụ Nghè giọng tự tin :

— Bây nà. Cụ Nghè rim cá thì khỏi phải chê !

Mà cụ Nghè Đào kho cá khéo thật. Vừa tiêu ớt, vừa muối đường nên khúc nào khúc nấy vàng quánh, thịt săn chắc nịch, trong một chất nước sệt sệt, đóng váng thơm phức, trông rõ giải.

— Nước cá này mà có dưa cải trường đề chấm thì không chê vào đâu được.

Trần bình phẩm một câu rất vô tư như thế, song cũng đủ khiến cho cụ Nghè cười toe toét, triu mến luôn hai đứa tôi.

Chúng tôi lấy làm phân vân, không biết lúc thì hương có môn kho cá hay không mà cụ Nghè rim khéo đến thế. Nếu có, chưa chừng lá cờ tú tài của cụ phất tắt ở đầu làng hôm vinh qui, một phần lớn đã phải nhờ môn này. Tối hôm đó, tài kho cá của cụ Nghè đã được một kẻ vô danh không biết mè, chuột hay người ta chiêu cố, chiêm ngưỡng. Sáng hôm sau, trách cá tự nhiên vơi đi non một nửa. Thế là cụ Nghè giận bầm gan tím ruột câu nhàu mãi về chuyện thưởng thức vô lối, thiếu hệ thống này.

★

— 27 tháng chạp rồi mà còn vào tù nữa à ?

Nghe giọng gắt gỏng của cụ Nghè-Đào, tôi nghiêng mình nhìn chột ra sân. Viên công an đã bước ra ngưỡng cổng. Theo sau là ba người mang túi dết, ăn mặc khác biệt :

Người đi đầu vận « short » trắng, người đi giữa mặc bà ba nâu, người đi sau cùng thụng thệnh bơi trong chiếc áo dài đen quá rộng.

Trần nhảy phắt ra khỏi chổng, tiến sát đến bức vách, nhìn qua khe cửa, rồi quay lại nói nhỏ với tôi :

—Ồ ! Tưởng ai xa lạ. Té ra ba ông tướng bị giam lâu nay bên nhà ông chủ tịch xã đó mà.

Trần dăm dăm nhìn tôi đáng suy tư, bất thình lình hắt vạt vào vai tôi đánh chách một cái nghe rất rạt :

—À ! Tôi hiểu ra rồi. Chắc là ba cậu này cũng kệ cũng đã xong xuôi như tụi mình, nên họ tập trung sang cả đây để cho ông chủ tịch dọn dẹp nhà cửa rước ông bà, đón tiếp cán bộ đến mừng tuổi trong mấy ngày Xuân chứ gì ?

Tôi chêm vào :

— Nếu thế càng hay. Đang tam sự nhảy lên lục sự, yên hùng đủ cỡ, tha hồ mà tán dốc trong mấy ngày Tết.

Hoàn cảnh trong tù chúng tôi dễ thân nhau lắm. Vừa cất đặt đồ đạc, phân chia chỗ ngủ

xong, mắt Trần đã sáng hẳn lên, nhướn nhướn đôi chân mày sâu róm nhìn hết người này đến người khác, sốt sắng :

— Tên gì ? tên gì ? sao bị bắt.

Cụ Nghè Đào nẩy giờ vẫn ngồi xếp bằng tròn trên căn phản giữa, trầm ngâm, không buồn nhúc nhích. Chốc chốc cụ đưa tay thoa qua thoa lại chòm râu thưa lún phún dưới cằm, với cả phong độ nhàn nhã cá biệt của con nhà nho phong khoa bảng. Trông qua đáng điệu lơ đãng trẻ trang, tưởng chừng cụ không mấy để ý đến câu chuyện giữa chúng tôi, thật ra, cụ Nghè đang chú tâm theo dõi không bỏ sót một câu nói của người nào.

Rút ra trong cuộc đàm thoại gần hai tiếng rưỡi đồng hồ, tôi có thể tổng kết đại khái về tiểu sử của ba nhân vật mới đến như thế này : Người bạn « short » trắng là « Chez Dzanh ». Tên thật là Nguyễn - Danh. Nguyễn - Danh nghiêm nhiên thành ông « Chez Dzanh » từ ngày hắt mở cái nhà hàng « Chez Dzanh » ở đường Jules Ferry tại Qui-Nhơn. Thời Pháp thuộc, không mấy ai ở thị xã này không biết đến Chez Dzanh.

Sở dĩ Chez Dzanb vào đây ngồi cũng chỉ vì lối kinh doanh « dễ quốc » ấy. Người ta lý luận rằng « phạm mở phòng ngủ, hàng cơm tây, tất phải quen nhiều với Tây, không trước thì sau, thế nào cũng sẽ trốn theo Tây ».

Người mặc bà ba nâu, nước da trắng xanh, dáng mảnh khảnh như muốn thiên hẳn về phái nữ, tên là Nguyễn-văn-Anh. Đồng bào quanh vùng quen gọi Nguyễn-văn-Anh là Cữu-Anh, bởi lẽ thời trước Nguyễn-văn-Anh có chân trong hội đồng kinh tế bản xứ, sau đó chánh phủ Nam triều mới ân thưởng Nguyễn-văn-Anh hàm tước Cữu phẩm văn giai. Cữu-Anh giàu có tiếng, nhiều ruộng muối, lại giữ chức ủy viên kinh tài của nhóm Nguyễn-hữu-Lộc. Vào tù gần một năm nay, Cữu-Anh vẫn chưa phân biệt nổi trái ớt nào già trái ớt nào non. Mỗi lần đến phiên mình rửa chén, Cữu-Anh dùng ngón trỏ và giữa, kẹp vào nhau, quấy quấy trong lòng bát đôi ba lượt, đoạn nhúng nước thế là xong, thành thử chẳng mấy khi sạch được bợn cơm. Anh em thường gọi đùa Nguyễn-văn-Anh là « địa chủ chính hiệu Con Nai Vàng ».

Người thụng thẹn bơi trong chiếc áo đen dài quá rộng là Võ-chánh-Đốc, thầy Phó tế chức Sáu hội Thừa sai. Ra khỏi Đại chủng Viện đã lâu, tiếc rằng liên khu 5 không có Đức Giám mục hầu đại diện Tòa Thánh La Mã phong chức Linh Mục cho thầy. Thầy Đốc đành tạm trở lại Lòng-sông làm giáo sư Tiểu chủng viện, chờ cơ hội thuận tiện trốn vào Nha-Trang để xin thụ phong với Đức Cha Piquet. Dịp may chưa kịp đến, thầy Phó tế chức Sáu Võ-chánh-Đốc đã phải vào đây tập hợp, làm mục tiêu giải buồn cho anh em tù.

Trong lúc chúng tôi đang mãi chuyện phiếm, viên công an khi nãy trở lại lúc nào chẳng hay Hẳn đứng ngoài sân gọi gióng vào, khiến tôi hơi giật mình :

— Có Dương-bá-Hùng trong đó không ?

Tôi vội vã đáp :

— Có tôi đây.

— Sửa soạn theo tôi lên ban Giám đốc.

Nói xong, hần đảo mắt theo mấy cánh bướm đang chờn vờn trên các chòm hoa cải màu

vàng tươi ở cuối sân, cảm hứng vừa nhịp chân thỉnh thỉnh vừa huyết sáo miệng bài « Đông phương hồng ». Một con ong vô vể từ đâu bay thốc đến, lẩn xả vào cổ hần. Hần né sang một bên, quơ quơ hai tay như con nhền nhện, đuổi đánh, chửi thề những gì ừng ục trong mồm không nghe rõ...

Cụ Nghè ngạc nhiên, trở mắt nhìn tôi ái ngại :

— Cung nữa à !

Tôi lắc đầu ra hiệu không biết. Trần cầu nhàu :

— Cung cái chó gì cung lạ thế ! Sắp hết năm đến nơi cũng còn lời con người ta ra hỏi cung !

Thay quần áo xong, chụp vội chiếc mũ cối kaki mất nùm chóp lên đầu, tôi vẫy tay chào mọi người. Anh em lắc đầu nhìn tôi thương hại...

Chiều hôm đó vừa về đến sân, tôi vội hét lên :

— Được về anh em ơi ! Phấn tỉnh lần chót, phê bình ban Giám Đốc xong xuôi cả rồi !

Anh em trong nhà lố nhố. Họ ủa cả ra ngoài thềm. Trần lay mạnh vai, nhìn chằm chặp vào mắt tôi hỏi dồn :

— Được phóng thích à ? Bao giờ về ? Mai à ? Sướng quá nhỉ ?

Nghẹn ngào vì cảm động, tôi không thốt nên lời. Tôi gật đầu lia lia, cắn chặt lấy răng, cố giữ cho nước mắt khỏi tuôn trào...

Cơm nước xong, sáu chúng tôi nằm thưởng thức sát vào nhau chưa hần cổ chuyện cho nhau hơi ấm, nhưng thật ra vì căn phẩn có hạn trong cái tối đông đặc của căn nhà đất ẩm thấp nghèo nàn. Chẳng một ai buồn gọi chuyện. Im lặng hoàn toàn. Một bầy muỗi từ hương bàn thờ đặt sát vách trong, ào ạt bay đến như một phi đội Thần - Phong, dững cắm lao mình vào vành tai chúng tôi kêu o o, đề dò xem loài người thức ngủ. Tiếng đập lộp bộp trời lên như tràng pháo Tết, kế tiếp nổ dồn. Đàn muỗi xa dần. Tiếng vo vo mất hút, trả lại cái vắng lặng độc đáo cho gian nhà. Nhiều tiếng thở dài âm vang đầy đó. Có tin ra đi đột ngột của tôi đã vô tình để lại trong lòng kẻ ở ít nhiều xót xa, xáo trộn. Mỗi người ý chừng đang mãi đuổi theo những tình cảm riêng biệt. Tôi xao xuyến với bao cảnh mừng tủi không xiết khi tưởng đến những hình ảnh thân yêu : Bóng mẹ già tôi

cồng lưng, mỗi mắt mong ngóng con về, kéo dài trên nương đồ lổm đổm hoa; dáng tung tăng của thằng bé đầu lông mủm mịn rột rẹt trong bộ cánh mới, với chiếc lồng đèn trái ấu, nhảy lò cò quanh vành nong bánh tổ, chập chờn trước mắt đã bức rứt cào cào lòng tôi không ít.

Tôi trở mình. Vật gì cồm cộm bên hông. À! tôi nhớ ra rồi. Khi chiều ban quản lý có cho tôi nhận lại số bạc 5.000\$ tín phiếu. Cả ba chục viên Kỳ ninh mà gia đình tôi gửi vào lâu nay, tôi chẳng hề hay biết, cũng được trả đủ không thiếu một viên. « Mấy hôm trước sốt li bì, chỉ còn nhờ vào nước võ dền, đợt khổ hoa dại, giá có một viên mà uống thì đỡ khổ bao nhiêu ». Tôi tự nhủ thầm thế. Bất giác tôi nghĩ đến anh em. Tôi rĩ tai Trần đang nằm kề cận :

— Trần à ! Tí nữa tao quên. Khi chiều tao có nhận được 5.000\$ và 30 viên Paludrine. Tao để cả lại cho anh em đây.

Vừa nói tôi vừa mò tìm tay Trần, nhét gói bạc và 30 viên thuốc. Đương miên man, như một chiếc lò xo, hần nhồm bật dậy. Trần thì thảo :

— Giàu to rồi anh em ơi! 5.000\$ với 30 viên thuốc !

Như những chiếc bánh xe trong một bộ máy đồng hồ, có liên quan mật thiết với nhau, tất cả đều ngồi nhồm dậy cùng một lúc. Họ quên hẳn những mối sầu riêng tư, hồi dờn dấp gần như hốt hoảng :

— Thật à ?

— Thật không Trần ?

— Tiền đâu nhiều thế ?

Tôi tưởng như có thể đọc được trong bóng tối vẻ mặt rạn rở, hân hoan sung sướng của từng người. Cuộc « Hội nghị bàn tròn » được thiết lập ngay tức khắc trên căn phản. Cụ Nghè-Đào lè nhè nhằm tính :

— Ngũ lục thập tam. Ba mươi viên chia cho 5, mỗi đứa nhận đi... vị chi 6 viên. Vừa chẵn !

Cụ lại lên giọng :

— Còn tiền tính sao đây anh em hè !

Chez Dzanh trịnh trọng đưa tay xin phát biểu ý kiến :

— Tôi đề nghị trích ra một số tổ chức bữa tiệc tất niên. Trước đề cùng nhau liên hoan... tổng khứ một năm sao hạn, sau đề tiền đưa anh hùng về với

gia đình yên ấm. Còn thừa bao nhiêu, ta giữ làm quỹ chung.

Mọi người lao nhao :

— Hay đấy !

— Phải lắm ! Ta nên tổ chức một bữa tiệc tất niên.

— Tôi xin cử « đồng chí » Chez Dzanh làm trưởng ban tổ chức kiêm Trưởng ban hỏa dầu quân.

Trần pha trò :

— Thế anh em dành đoạn bỏ rơi tài dầu bếp của cụ Nghè nhà tôi à ?

Cụ Nghè vui vẻ :

— Kề ra Nghè này cũng lỗi lạc lắm đấy, song xin nhượng bộ « maitre d'hôtel chez Dzanh » đây.

Các món Tây, Tàu như : cơm gà Hồng-kông, bifteck salade, cua bẻ xào phù dung, poulet à la crème, lòng nấu ngũ tạng... được đồng ý ghi vào « chương trình nghị sự ». Tác giả các món ăn trên được phép trình bày chi tiết hương vị đặc biệt của các món ăn mình đề hội nghị duyệt xét. Các hạch nước miếng của chúng tôi đã phải một phen « đấu tranh tư tưởng » gắt gao, gây căng. Sau một hồi thảo luận sôi nổi, linh động

thể theo hoàn cảnh địa phương, « hội nghị » quyết định chấp thuận bằng thực đơn sau đây :

1— *Rượu để pha sirop đường, nhắm với mực khô.*

2— *Poulet à la crème (crème thay bằng sữa cơm dừa)*

3— *Xôi đậu xanh hóng.*

4— *Đu đủ chín*

5— *Trà bình Mai hạc.*



Thức ăn bày la liệt trên nền nhà — vùng này có tập tục dọn ăn dưới đất — trông qua cũng khá đẹp mắt, thơm tất, ngon lành. (húng tôi ngồi xếp bằng thành hai hàng, mỗi bên ba người. Hai đầu dành cho gia chủ và viên công an canh giữ chúng tôi. Bữa tiệc đông đủ, vui vẻ làm sao ! Để khai mạc, anh em đồng thanh hát bài « Năng xuân đồng ruộng ». Sau khi nâng chén mừng tôi vừa dứt, Chez Dzanh mặt lạnh như tiền, đưa tay xin nói :

— Nhân danh Trưởng Ban tổ chức, tôi xin lỗi thầy Đốc, xin mời thầy lên phần ngồi chơi.

Anh em ngờ ngác. Hẳn tiếp :

— Xin vô phép với anh em. Hôm thầy Đốc đi tả đến 5 lần. Tôi điu thầy đi cả đêm. Sau phải nhỏ cỏ sửa sắc nước cho thầy uống đến ba bát, mãi gà gáy sáng mới cầm nôi. Do đó—hắn thẳng thẳng nhìn vào thầy Đốc—xin thầy vui lòng miễn dự bữa tiệc hôm nay.

Thầy Phó tế chức Sáu, mặt vốn tái càng tái thêm, liếc nhanh về phía Chez Dzan như muốn dò xét hư thật, đoạn ngoan ngoãn đứng dậy. Thầy ngồi xếp bằng gọn gàng trên căn phản ngựa, day mặt ra sân lơ đãng dõi theo mấy vệt mây trắng quét dài lên nền trời xanh lơ. Trông dáng điệu thật thà đến tội nghiệp của thầy Đốc, tất cả bỗng phá lên cười. Chez Dzan nheo mắt vừa cười vừa nói :

— Đùa thế chứ không can gì đâu ! Mời thầy xuống đây.

Lại ngoan ngoãn, không đợi mời đến lần thứ hai, thầy Đốc khoan thai bước xuống nhập tiệc một cách vui vẻ.

...Bữa tiệc hầu tàn. Men rượu ngà ngà, anh em chuyện dòn như pháo. Đột nhiên, viên công an liên lạc hiện ra sừng sững trước thềm, truyền lệnh :

— Dương-bá-Hùng ! Mang tất cả đồ đạc lên văn phòng lãnh giấy phóng thích !

Tôi sung sướng đến điên người, bỏ đũa đứng dậy. Trong lúc tôi cầm cùi soạn sửa ba-lô, bài « Nắng Xuân đồng ruộng » lại trời dậy rập ràng, thấm thiết hơn bao giờ hết.

*«... Nắng tràn khắp cỏ hoa,
tràn qua khóm tre, tràn vào
đồng quê*

*Nắng tràn đến luống khoai,
tràn qua mái tranh, tràn vào
nơi tôi*

Nắng chan chứa xuân hồng... »

Bỗng điệu hát im bật, như có một ma lực nào chặn đứng. Tôi ngạc nhiên ngoảnh lại. Bốn dòng nước mắt đang lòng ròng chảy xuống những gò má vàng vọt, sâu hoắm. Cặp kính cận thị dày trục của Trần hình như mờ hẳn đi. Miệng cụ Nghè-Đào méo mó trông vừa hài hước vừa thương tâm. Phút chốc, cả hai cùng hòa lên khóc.

Suốt gần một năm trời chung chạ, hôm đó là lần đầu tiên tôi mới thấy hai người đã khóc thật sự trong bữa tiệc cuối năm.



...TÔI cảm đầu ráo bước gần
 như muốn chạy trốn. Ra đến
 quốc lộ, trăng lưỡi liềm đã treo
 lơ lửng trên chóp núi từ lâu,
 tỏa thứ ánh sáng lờ mờ bệnh
 hoạn xuống những nương sắn
 thoai thoải hai bên đường. Vài
 tiếng gà rừng nổi lên the thé.
 Tự nhiên tôi nghe vang lên
 rang rang giọng nói trào lộng,

chua chát của Trần. Tiếng càu
 nhàu của cụ Nghè-Đào văng
 vẳng : « Quân tệ thật ! Chúng
 mình khổ như thế này, chẳng
 cho thì chớ, chúng còn ăn
 vụng của tụi mình thì tệ thật.
 Quân khốn nạn ! » Lần này tôi
 không cười mà cảm thấy một
 nỗi buồn mênh mông tràn
 ngập tâm hồn.

MINH - ĐỨC

ĐỖ TẤN

Có tịch

Chợt nghe đêm lạnh
 Rúc vào đôi chân
 Trở mình tỉnh giấc
 Vườn xuân trắng ngần

Trăng chảy bao la
 Trên vườn chuối ướt
 Tiếng sương ngân nga
 Trong lòng cô độc

Một đêm, hai đêm
 Rồi đêm và đêm
 Nay đã thành lệ
 Khuya ngồi nhớ em

Đêm nay trăng chập
 Đề buồn lên mau
 Vườn xưa còn đó
 Em đi phương nào ?

DZA TÍCH

Về làng

BA O năm xa vắng quê nhà,
Lòng tôi sầu nhớ ánh tà quê xưa !
Những chiều nắng chiều lưa thưa,
Những đêm tầm tã giọt mưa đan mình...

Bình minh chim hót trên cành,
Ruộng đồng nhộn nhịp những anh đi cày...
Má nàng thôn nữ hây hây,
Nắng hồng lớt nhẹ đôi tay dịu dàng.

Thân hình lực lưỡng những chàng,
Chăm lo cây cấy, xóm làng yên vui.
Câu hò vang điệu lá lơi
Dưới nàng trăng sáng, gái trai vui đùa.

Thân cau lá lướt mây lùa,
Cảnh quê êm dịu những mùa sáng trắng
Tôi đi trong bóng mây Hằng,
Trên đường quay gót về làng chiều nay.

Cuộc đời phiêu bạt ngừng đây,
Những mong hạnh phúc chuỗi ngày ấm êm
Thế là máu lại về tim,
Nước về nguồn cũ, dò tìm bến xưa..

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn Hũu số 15 này được hoàn thành với sự gom góp tin tức, tài liệu trong ngoài nước của các bạn : Hàm-Anh — Nguyễn-bá-Thế — Sĩ-Trung...

Gió Đông... Gió Tây...

TRONG NƯỚC

DIỄN THUYẾT

ÔNG Nguyễn Hoàng đệ nhị tham vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Úc-đại-Lợi vừa nói chuyện tại trường Ainslie ở Canberra về « Việt-Nam ».

Diễn giả trình bày lần lượt về lịch sử Việt-Nam, vị trí của Việt-Nam ở Đông-Nam-Á và tổ chức cơ cấu hành chính, kinh tế, xã hội, văn hóa và tôn giáo. Sau cùng ông phác họa các nét dị đồng giữa nếp sống của người Việt và Úc.

★

ÂM NHẠC và THANH NIÊN.—

Tại nhà hàng Ngọc Lan đình Cholon, tối 21-11 ông Nguyễn Phụng đã nói về đề tài :

« Âm nhạc và thanh niên ».

Nhắc lại câu nói « Âm nhạc biến cải tâm tính », diễn giả nhận định rằng: âm nhạc không phải là một « nghệ thuật để tiêu khiển », song là một sức mạnh có thể gây cho mọi người những âm hưởng tốt lành, kể cả trên phương diện tâm lý, nhất là đối với thanh niên thời hậu chiến. Bởi vậy trong việc đào tạo thanh niên hiện thời, một nền giáo dục tốt về âm nhạc rất cần thiết.

★

BỆNH THẦN KINH.— Bác sĩ Erich Wulff đã diễn thuyết bằng Pháp ngữ tại Trung tâm văn hóa Đức về đề tài :

« Người bệnh thần kinh và cách đối xử của người chung quanh với người mắc bệnh này ».

Trước hết diễn giả nhắc lại rằng ở thế kỷ 16, người bị bệnh thần kinh bị nhốt trong nhà giam, sang thế kỷ 18 mới thành lập những nhà thương điên để chữa chạy cho họ.

Sau đó, ông nói đến lịch trình tiến triển về khoa y học thần kinh. Năm 1840, tại Pháp, người ta dành những nỗ lực đầu tiên cho công cuộc nhân đạo này. Từ đó phương pháp chữa bệnh thần kinh ngày một tiến triển, nhiều thuốc mới được phát minh, nhiều phương pháp mới hữu hiệu được đem áp dụng.

Cho đến năm 1925 những phát minh của bác sĩ J. Delay đã làm đảo lộn cả khoa chữa bệnh thần kinh. Người ta làm dịu được phần lớn các cơn điên của những con bệnh hung dữ; còn người mắc bệnh điên kinh niên có thể được về sống yên lành trong gia đình, bởi người đó không còn có vẻ là người điên làm mọi người sợ hãi nữa. Họ chỉ còn là kẻ bệnh hoạn về thần kinh thôi.

Nhờ sự tiến triển ấy, thái độ của người chung quanh, đối với kẻ mắc bệnh thần kinh cũng đã đổi khác. Người bệnh thần kinh được phép dạo chơi

phổ mỗi ngày một nhiều, và khung cảnh một dưỡng trí viện tối tân không khác mấy một bệnh viện thường.

Sự săn sóc cho người bệnh thần kinh là điều cần thiết, song cũng phải làm cho người bệnh thoát khỏi những bó buộc chặt chẽ. Người chung quanh cần phải từ bỏ mọi ý tưởng sợ hãi người bệnh, và làm cho họ tin tưởng ở mình.

Diễn giả kết luận :

Người ta có thể biến đổi người điên thành một người bệnh thần kinh được điều trị như mọi người bệnh khác. Những môn thuốc mới đã khiến người ta bỏ được lối giam giữ người điên và sự thay đổi thái độ của người chung quanh, khiến việc điều trị bằng các liều thuốc cũng giảm bớt. Như vậy, vấn đề bệnh thần kinh đã hoàn toàn thay đổi trong quan niệm đối với bệnh này, cũng như trong phương pháp điều trị.



HOÀN CẢNH SÁNG TÁC —
Hôm chủ nhật 17-12 tại câu lạc bộ Văn Hóa, ông Vũ-Hạnh đã nói về :

« Hoàn cảnh sáng tác và điều kiện sống hiện thời của văn nghệ sĩ ».

Theo ông Vũ-Hạnh, thì « mặc dù sống trong hoàn cảnh nào giàu hay nghèo, các nhà văn muốn thú vị hóa cuộc đời mình ghi lại những kỷ niệm hết sức thơ mộng trong tác phẩm để tăng thêm phần hứng thú cho cuộc sống.

Ông chia các nhà văn ra làm hai loại : nhà văn chuyên nghiệp và nhà văn không chuyên nghiệp.

Đối với loại nhà văn không chuyên nghiệp, thì sáng tác không phải là một phương tiện sinh nhai, mà chỉ là một giải thoát tâm hồn sau những giờ nhọc mệt vì vật lộn với cuộc sống hàng ngày.

Họ sáng tác hết sức bất thường và sáng tác để thực hiện bản ngã của mình, và để phân biệt mình với người khác ở mọi nơi. Vì vậy yếu tố cá nhân trong loại này hết sức quan trọng, và hoàn cảnh sáng tác của họ hết sức phức tạp, vì chỉ khi nào có sự va chạm nội tâm, sự thúc đẩy của tâm hồn nghệ sĩ thì họ mới sáng tác, nên ngòi bút của họ chân thành và tha thiết.

Cũng vì họ sáng tác không thường xuyên như vậy, nên họ có đủ thì giờ trau dồi nghệ thuật, để làm cho tác phẩm họ thêm phần giá trị.

Đối với loại nhà văn chuyên nghiệp, thì ta thấy ở các tờ tuần báo, nhật báo, nhà văn này phụ trách chuyện ngắn, truyện dài ; và kéo dài cho tới khi nào tờ báo chết mới thôi. Sáng tác càng nhiều càng tốt, và phải tùy theo thị hiếu của quần chúng cho nên các nhà văn này không bao giờ có thể xây dựng tác phẩm theo ý mình, mà mọi sự biến chuyển tâm lý của nhân vật; cũng như sự kết thúc cuốn truyện đều phải thay đổi mỗi ngày.

Ông cho rằng dù sáng tác trong hoàn cảnh nào, hai loại nhà văn trên cũng đều chung một định hướng : thoát ly cuộc sống hằng ngày để thực hiện phần nào lâm trạng của mình.



— Tại câu lạc bộ « Phục Hưng » 18 Nguyễn-Thông, bác sĩ Nguyễn-văn-Hồng đã nói về :

« Những vấn đề luận lý được nêu lên do việc dùng một số kích thích tố trong việc trị bệnh. »

Sau buổi nói chuyện, có cuộc thảo luận giữa diễn giả và thính giả.



HÁN TỰ. — Chiều 11-1-62, tại Trung tâm văn hóa Pháp, giáo sư Claude Larre, đã nói về :

« Ý nghĩa triết lý và của Hán tự ».

Ông trình bày luôn hai giờ về cách viết chữ Hán, và chép một bài thơ chữ Hán lên bảng đen. Theo ông lối chữ viết của Trung-Hoa chẳng những rất đẹp về hình thức, mà còn bao hàm nhiều ý nghĩa cao xa, bóng bẩy khiến người học chữ Hán phải thích thú.

HỌA

HỌA PHẪM HIỆN ĐẠI PHÁP.

Chiều 25-11, đã khai mạc cuộc triển lãm họa phẩm hiện đại Pháp tại phòng thông tin đô thành. Người ta đã được thưởng thức chừng 40 bức họa sao lại của các danh tài Derain, Braque, Picasso, Fernand Léger, Matisse, Rouault, Chagall, Dufy, Buffet. Ngoài ra ở phòng bên có chiếu hai cuốn phim, trình bày về môn phái lập thể và họa sĩ Bernard Buffet.



HỘI HỌA ANH. — Từ 3-1 đến 12-1-62, Hội đồng văn hóa Anh quốc đã tổ chức cuộc triển lãm hội họa Anh từ 1750 đến 1950.

Nhân dịp này ông Gonthard Burrow đại diện Hội đồng văn hóa Anh có nói chuyện về đề tài « Nền hội họa Anh từ 1750-1950 ».



TRANH CỦA EM NGUYỄN-

VĂN-BÙI. — Hôm 6-12, tại Trung tâm văn hóa Pháp đã có cuộc trình bày tác phẩm của em Nguyễn-văn-Bùi, con trai của họa sĩ Tú-Duyên. Nhiều bức vẽ phong cảnh và tĩnh vật bằng sơn dầu và phấn màu cho thấy sự tiến bộ rõ ràng của em Bùi, so với lần triển lãm hồi năm ngoái. Hồi năm ngoái, tranh của em toàn là phấn màu hay thủy thái họa, năm nay, em đã mạnh dạn bước sang địa hạt sơn dầu. Tuy đã nói rõ, cuộc triển lãm này không bán—do sự khiêm tốn—song nhiều tác phẩm của em Bùi cũng vẫn được khách thưởng tranh cổ tình mua để khuyến khích một tài năng nhi đồng.



TRANH VĂN-RÔ.—Tại phòng Triển lãm đường Tự Do, Văn.

Rô đã trưng bày những tác phẩm của ông, chừng 90 bức, trong số có một bức sơn mài lớn, vẽ đàn gà trống còn thì toàn là sơn dầu, với những đề tài sông, biển, phong cảnh. Đa số tranh của Văn-Rô là hoa, một đề tài mà ông thích nhất. Trừ vài bức rất linh động về màu sắc, còn hầu hết những họa phẩm của ông có vẽ « giả tạo », không gợi cảm được cho người xem tranh. Có lẽ vì sự tham lam và cầu thả của ông, khi ông muốn sản xuất ra cho nhiều.

★

NGHIỆP ĐOÀN HỘI HỌA TRÌNH BÀY TRANH. — Từ 18 đến 24-12 đã có cuộc Triển lãm Hội họa của Nghiệp đoàn hội họa và Mỹ Nghệ Việt-Nam tại 165 đường Tự Do.

Có tất cả 96 tác phẩm sơn dầu, phấn bột, phấn màu, của các họa sĩ : Văn Đoán, Cao Sanh, Phạm thị Hồng Liên, Châu - văn - Lang, Bùi Tăng, Huỳnh Hòa. Lương-văn-Tỷ, Trần-thanh-Nhàn, Lê - công - Huynh, Trương - văn - Thanh, Phạm-đại-Bình, Hà Khê, Đào-sĩ-Chu, Phạm - văn - Hải, Hồ Phong, Nguyễn-văn-Út, Nguyễn văn-Ba, Thanh-Thủy, Phạm-

kim - Mươi, Nguyễn-văn-Phái, Vũ Anh, Hà Dũng, Văn Kỳ, Lê-caio - Phan, Lê - văn - Hương, Trương-thị-Thịnh, Lâm - nhật - Quỳnh, Nguyễn-văn-Nguyên, Văn-Đen.

Thêm vào, có 11 bức sơn mài, của Thành-Lập, Nguyễn-hữu-Lợi, Tô-văn-Bảy và hiệu Thành Lễ.

★

TRANH PHẤN MÀU VŨ NHAN — Tại trụ sở Pháp văn đồng minh hội, hôm 6-1-62 cũng có cuộc triển lãm họa phẩm của Vũ Nhan.

Vũ Nhan là một họa sĩ chuyên vẽ phấn màu. Lần này ông trưng bày có 59 bức, mấy bức tĩnh vật và khóa thân của ông đã được người ta mua ngay mấy hôm đầu.

★

TRANH TRƯƠNG - THỊ-THỊNH. — Lần thứ nhất, Trương-thị-Thịnh bày tranh một mình từ 11 đến 18-2-62.

Bà đồ thủ khoa khóa thứ nhất của trường cao đẳng Mỹ thuật Gia-Định, đã từng tham dự nhiều cuộc triển lãm ở Saigon. Lần này bà có 21 bức tranh sơn dầu vẽ chân dung và tĩnh vật.

Tri - Minh cũng trưng bày mấy chục bức vẽ phong cảnh, có tính cách hơi nghiêng về trừu tượng, song cũng không có gì mới lạ, so với những lần trình bày tranh của ông trước.



TRIỂN LÃM ĐỒ CỒ ĐÔNG-PHƯƠNG — Đây là lần thứ nhất có cuộc trưng bày đồ cổ Đông-Phương, nên được công chúng hiếu kỳ rủ nhau đến thưởng ngoạn rất đông.

Các đồ cổ này của gia đình ông Hoàng - văn - Chánh và Nguyễn-văn-Trọng sưu tầm từ đã lâu được đem trưng bày tại câu lạc bộ Báo chí 15 đường Lê-Lợi từ 11-12-61 đến 2-1-62 gồm các loại: bằng ngọc, bằng sành, bằng ngà, bằng gỗ, bằng sứ, tất cả có tới hơn ba trăm thứ khác nhau. Có những thứ từ đời Khang Hy, đời Hán, và Càn Long bên Tàu và nhiều đồ cổ Việt-Nam mang tính cách lịch sử, như các đồ đất Thành Hóa, cuốn sách bằng bạc và vàng của vua Thiệu-Trị tặng em gái khi đi lấy chồng, và nhiều đồ dùng trong triều, dưới thời Minh Mạng, Tự Đức bằng ngọc, bằng sứ, như cái chén độc long cặp chước long âm (Tự Đức) chuông đồng đỏ, cây đèn lam

(Minh Mạng) v.v... Đặc biệt có bức bình phong cao 2 th.30 giát ngọc thời Khang Hy, cái tò Hủy tri bằng ngọc diềm lan đời Hán, đôi thống bằng sứ vẽ Bát tiên quá hải nổi đời Càn Long, và nhiều thứ bằng ngọc thật lạ mắt; mấy thứ trên này, ngay buổi đầu trưng bày đã có người mua, dù giá khá cao: 2 bức bình phong 28 vạn, đôi thống 9 vạn.

Số lớn đồ cổ trưng bày đã bán được cho khách hiếu kỳ, và cũng nên biết hai ông Chánh và Trọng có ra số tiền 20% để giúp vào quỹ cứu trợ đồng bào bị lụt.



THI VỀ BÍCH CHƯƠNG. — Cơ quan văn hóa Liên Hiệp Quốc có tổ chức cuộc thi sáng tác mẫu bích chương, với mục đích kêu gọi sự thông cảm và tương trợ trên phương diện quốc tế.

Các kiểu mẫu sáng tác, vẽ theo khuôn khổ 40 x 60 nhiều nhất là 4 mẫu. Những mẫu sáng tác này sẽ do Ủy hội quốc gia UNESCO các nước gửi tới cơ quan Trung ương tại Ba-lê trước ngày 28-2-62 :

Giải nhất : 75.000 đồng

nhì : 37.500 đồng

ba : 22.500 đồng

Mọi chi tiết xin hỏi tại Mỹ thuật học vụ.



TRANH NGUYỄN - CƯỜNG VÀ MỸ THUẬT PHẪM SƠN MÀI MỚI CỦA PHẠM THÀNH.

Từ 16-1-62 tại Câu lạc bộ báo chí, 15 đường Lê Lợi, đã có cuộc triển lãm họa phẩm của Nguyễn - Cường, và mỹ nghệ phẩm sơn mài của Phạm Thành.

Cuộc triển lãm này mang tính cách đặc biệt của một sáng chế mới trong ngành sơn mài, và bắt đầu mở con đường khác cho ngành họa này. Ở đây có một sự phối hợp giữa mỹ thuật và kỹ thuật, để tạo thành một cái gì kỳ thú.

Trong cuộc triển lãm này, ngoài sự thưởng thức những tranh sơn dầu, phấn màu và phấn nước của Nguyễn-Cường vẽ phong cảnh và tĩnh vật người ta còn khoái trá khi được ngắm những bức tranh sơn mài vẽ và áp dụng theo một kỹ thuật hoàn toàn mới mẻ. Thường ra những bức tranh sơn mài, người nghệ sĩ chỉ

thực hiện được trên tác phẩm của mình có vài màu, nhất là màu vàng của vàng, và màu trắng của bạc hay vỏ trứng. Nhờ kỹ thuật mới của Phạm-Thành, họa sĩ có thể hoàn thành được một bức tranh sơn mài với tất cả màu sắc kỳ diệu của một tác phẩm sơn dầu, hoặc bằng phấn màu hay phấn nước.

Tất cả là do cái « chất » của thứ sơn mà Phạm-Thành đã tìm ra bởi những nguyên liệu trong xứ.

Thực hiện một tác phẩm theo lối sơn mài mới này, nó còn có nhiều đặc điểm khác :

— Về hình thức, cũng bó vải, hom, chét, mai bóng như loại sơn mài cũ, song tất cả công việc này chỉ đòi hỏi một thời gian rất ngắn (1 phần 5 so với lối cũ).

— Loại sơn mới này có thể áp dụng lên gỗ lên đồ gốm, phấn màu, v.v...

Như thế nó có thể áp dụng vào các kỹ nghệ như sơn nhà, phòng thí nghiệm, vì trên một bức họa sơn mài mới nếu đổ nước sôi, át-xít lên cũng không hề gì, nghĩa là nó không bị ảnh hưởng về thời tiết (lạnh quá,

hay nóng quá, không làm hư hại bức tranh).

Nguyên liệu rẻ, công ít, nên sản phẩm bán ra cũng khá rẻ, các bạn họa sĩ chẳng cần phải dùng sơn của ngoại quốc để vẽ tranh, vì quá đắt, dùng thứ sơn mới này, họa sĩ vừa tốn ít tiền, vừa thực hiện được đủ màu sắc theo ý muốn.

Cuộc triển lãm tranh Nguyễn Cường và mỹ thuật phẩm sơn mài Phạm Thành, đánh dấu một bước tiến khá đẹp của một nền mỹ thuật Việt-Nam.

★

NHẠC

9 TUỔI ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG VỀ VĨ CẦM. — Phù Luân Hội, Thanh thương Hội và Hội Lions tối 21-11 với sự cộng tác của trường Quốc gia âm nhạc đã tổ chức một buổi trao tặng 11 giải thưởng sử dụng nhạc khí tại Ngọc-Lan-đình Cholom cho 11 nhạc sĩ từ 5 đến 17 tuổi :

Em Đỗ quốc Thụy 9 tuổi (vĩ cầm), và em Nguyễn thi Đông Thu (dương cầm) đã đoạt huy chương vàng. Em Nguyễn-phước-Vĩnh Khiêm 5 tuổi, và em Mạc mỹ Nghi 5 tuổi Nguyễn

thị Bích Dương 8 tuổi đều đoạt huy chương bạc về dương cầm.

★

NHẠC SĨ ĐỨC HÒA TẤU. — Nhóm nhạc sĩ Đức « Studio Fur Alte Musik » đã trình bày vào tối hôm 26-11 một buổi tấu nhạc thời Trung cổ và Phục hưng, tại trường Quốc gia âm nhạc.

Buổi tấu nhạc đặt dưới quyền bảo trợ của Trung Tâm văn hóa Đức quốc để lấy tiền giúp đồng bào bị nạn lụt.

★

— Một buổi trình diễn cổ nhạc Việt-Nam của các nhạc sinh trường quốc gia âm nhạc được tổ chức sáng 26-11 nhân dịp các nhạc sĩ và ca sĩ Đức của ban nhạc « Studio Fur Alte Musik » đến thăm trường.

Các nhạc sĩ Đức đã rất chú ý đến cách sử dụng các nhạc khí Việt-Nam.

★

— Giàn nhạc thính phòng của hội Việt Mỹ đã tổ chức một buổi hòa nhạc tại đại giảng đường của hội vào hôm 3-12. Chương trình buổi hòa nhạc gồm có các nhạc phẩm của Bach, Telemann và Vivaldi.

★

— Nữ nhạc sĩ vĩ cầm Silvia Rosenberg, và nhạc sĩ dương cầm Seymour Bersntein đã trình diễn tài nghệ tại trường Quốc gia âm nhạc hôm 17-12 để lấy tiền giúp Hội bài lao Việt-Nam.

Chương trình gồm có các nhạc phẩm của Beethoven, Brahms, Mussorgsky, Wallingd Riegger và Bartok.



NHẠC CỔ ĐIỂN V.N. HÒA VỚI NHẠC TÂY-PHƯƠNG. — Hồi 9 giờ tối ngày 15-1-62, giàn nhạc đại hòa tấu Saigon đã trình diễn tại rạp Hưng-Đạo để lấy tiền giúp nạn nhân bị lụt.

Chương trình gồm có những tác phẩm của J. Bach, Van Beethoven, một « giai điệu hợp tấu » do Nghiêm-phủ-Phi soạn riêng cho đàn bầu, đàn tranh, dương cầm và giàn nhạc. Đây là lần đầu tiên, nhạc khí cổ Việt - Nam được hòa âm với một giàn nhạc Tây phương.



— Tối 11-12, danh cầm Herbert Spitzenger đã độc tấu dương cầm tại trường Quốc gia âm nhạc, dưới sự bảo trợ của Trung - tâm văn hóa Đức quốc.

Ông đã trình bày các bản « Capriccio » của Haral Genzmer, Microcosme ; Jeux d'eaux ; một Sonatine của Maurice Ravel, một nhạc khúc Đông Phương của Mili A.Balakirew. Thính giả đã hết sức tán thưởng tài năng của nhạc sĩ Đức quốc khi ông trình diễn các nhạc phẩm của Johannes Brahms.

Nhạc sĩ Spitzember sinh tại Munich năm 1927, 12 tuổi đã học dương cầm với nhạc sư Wilhem Heckmann và Wolfgang Ruoff. Chiếm giải nhất của Hiệp hội kỹ nghệ liên bang Đức năm 1955, Spitzember là một nhạc sĩ dương cầm rất nổi tiếng ở nước Đức hiện nay.



NỮ NHẠC SĨ HOA KỲ GIÚP HỘI BÀI LAO — Chiều ngày 29 và 30-12, ông Seymour Bersntein nhạc sĩ dương cầm và cô Sylvia Rosenberg nhạc sĩ vĩ cầm Hoa kỳ đã ra mắt công chúng Thủ Đô để lấy tiền giúp hội Bài lao Việt-Nam.

Trong cuộc viễn du Âu châu mới đây cô Sylvia Rosenberg đã được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt, vì cô là một danh cầm nổi tiếng ở Hoa kỳ và Gia-nã-Đại.



GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG « TỈNH VIỆT VĂN ĐOÀN ».

Cũng như năm ngoái, Tỉnh Việt văn đoàn, vào ngày cuối năm có tổ chức cuộc phát giải thưởng văn chương cho hai bộ môn : tiểu thuyết và khảo luận. Năm nay về bộ môn tiểu thuyết (giải Trương Vĩnh Ký) không một văn sĩ nào được, ban giám khảo chỉ tặng giải Lecomte de Nouy cho hai ông Nguyễn-văn-Cần và ông Nguyễn văn-Thọ. Tập khảo luận của ông Nguyễn - văn - Thọ, được giải thưởng là cuốn « Trung Dung tân khảo » nguyên đã đăng trong nguyệt san Đại Học xuất bản ở Huế, còn tác phẩm của ông Cần là cuốn « Một triết lý cho thanh niên hiện đại » mới viết xong bản tiếng Pháp (Une philosophie pour la jeunesse d'aujourd'hui).

Trong hai người, chỉ ông Thọ nhận lãnh giải, còn ông Cần thì từ khước, viện lẽ tác phẩm của ông chỉ là một cuốn sách giáo khoa, chứ không phải một sáng tác văn chương.

★

GIẢI VĂN CHƯƠNG 1960-1961.—do Nha Tổng Giám đốc thông tin tổ chức gồm có bốn bộ môn :

- Khảo-luận
- Tiểu-thuyết
- Thơ
- Kịch

Giải thưởng dành cho mỗi bộ môn là 80.000\$00

Chỉ được xét đề trao giải thưởng những tác phẩm đã xuất bản từ ngày 1 tháng 1 năm 1960 đến nay, do tác giả gửi đến Ban Tổ-chức.

— Thời gian xuất bản của tác phẩm dự thi phải được in trên sách. Trong trường hợp những tác phẩm thiếu điều kiện trên, tác giả cần phải chứng minh thời gian xuất bản.

Hội đồng Giám khảo sẽ do các học giả, văn gia có tác phẩm dự thi bầu ra trong một cuộc họp khoáng đại tại Saigon.

Mọi thư từ giao dịch xin liên lạc với văn phòng thường trực Ban Tổ-chức Giải thưởng đặt tại số 15 đường Lê-Lợi — Saigon.

★

NHIẾP ẢNH

—Nhiếp ảnh gia Hoa-kỳ Douglas Harris đã trưng bày một số hình ảnh về đề tài « Nhân vật và cảnh tượng vùng Đông

Nam Á » tại trụ sở hội Việt Mỹ 55 đ. Mạc-đĩnh-Chi.

Ông Harris đã từng dạy môn nghệ thuật bút tả tại đại học đường Ohio.

Tất cả có chừng 80 bức ảnh về sinh hoạt, nhân chủng, gia súc, phong cảnh, di tích, đền chùa của các nước Ấn-độ, Népal Trung-Hoa, Hương Cảng, Ai-Lao, Việt-Nam.



— Tại phòng Triển lãm đồ thành đã có cuộc trưng bày ảnh của các chủ nhân nhiếp ảnh chuyên nghiệp.

Số lớn ảnh được bày là chân dung, cũng có một ít chụp phong cảnh đẹp trong nước. Đây là lần thứ hai, các nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp tổ chức cuộc triển lãm tác phẩm của mình.

Cũng nên biết thêm, Tân-Quý ảnh viện đã đoạt giải nhất trong cuộc triển lãm này, và 2-giải nhì về Mè-Linh và Mỹ-Ngọc ảnh viện. Giải ba về phần các nhà Phúc-An, Nam-Mỹ và Lợi-Ký.

Các nhà Đình Kiến, Bắc Hà,

Thái - bình - Dương, Kim-Đức được giải khuyến khích.



PHIM « ĐÔI MẮT NGƯỜI XƯA ».— Một văn phẩm của Ngọc - Linh do hãng « Liêm films » sắp đưa lên màn ảnh.

Cho đến bây giờ, nhiều hãng phim ở đây vẫn bị thất bại, vì thiếu cốt truyện phim có giá trị vì cứ lấy bừa những truyện tuồng cải lương để quay phim. Những cuốn phim thực hiện theo lối này không mang một giá trị nào, mà chỉ làm khán giả thất vọng.

Đề mở cho một lối thoát mới hãng Liêm films đã biết điều đình với Ngọc-Linh để quay thành phim bộ tiểu thuyết « Đôi mắt người xưa » có tính cách tình cảm xã hội, có sự góp sức của mấy văn nghệ sĩ nổi tiếng : Phạm Dung, Hoàng Anh Tuấn Lê Kha... v.v... các tài tử được lựa chọn đóng những vai chính, người ta được biết có các cô Thanh-Nga, Tâm Đan... Giám đốc hình ảnh là một chuyên viên Nhật Bản, ông Makino, có trên 30 năm kinh nghiệm.

Về trang trí có họa sĩ Ngô Bảo phụ trách, nữ họa sĩ Ngô-

thị-Liên đảm nhiệm phần hóa trang, Phạm - Duy lo về âm nhạc.

Với những thành phần kể

trên, người ta hy vọng «Đời mắt người xưa» của Ngọc-Linh sẽ làm vui lòng khán giả cũng như độc giả.

HÀM - ANH

NGOÀI NƯỚC

MỘT VĂN SĨ NAM-TU CHIẾM GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG.

—Ta còn nhớ năm ngoài giải thưởng văn chương Nobel đã về tay thi sĩ Pháp S. J. Perse. Năm nay, giải ấy, Viện Hàn Lâm Thụy Điển đã trao tặng cho một văn sĩ Nam-Tur-Lạp phu, ông Ivo Andritch, tuổi vừa 70. Đây là lần đầu Nam-Tur có cái vinh dự đoạt được giải văn chương Nobel.

Ivo Andritch vốn là một nhà ngoại giao. Từ hồi thế giới đại chiến ông mới bắt đầu viết. Văn ông vừa mang tính cách chững chạc của lối văn chương cổ điển, vừa sâu sắc, tế nhị của văn mới. Người ta coi ông như Balzac của Nam-Tur. Vì trong tác phẩm của ông có mặt đủ mọi hạng người trong xã hội.

Hỏi quan niệm về văn chương của ông thế nào, Ivo nói : « Tôi

không thể phân biệt văn và thơ. Vì sự thực tôi thấy người ta khó có thể vạch ra ranh giới của hai thể ấy ở chỗ nào cho đúng. Có những lúc hùng làm thơ, thì tôi lại viết văn xuôi ».

Nên biết, Andritch cũng không thiếu gì đối thủ tranh với ông giải thưởng văn chương lớn nhất thế giới này, trong số, ngoài ta được biết có văn sĩ Anh quốc Graham Greene từ lâu năm đã là ứng cử viên của giải Nobel. Cuốn tiểu thuyết ông vừa mới xuất bản « La saison des pluies » cũng đề cho ban giám khảo phải chú ý. Rồi đến nhà văn Lawrence Durrell cũng được các phê bình gia Thụy Điển khen ngợi. John Steinbeck văn sĩ Mỹ quốc, không thua gì Hemingway được liệt vào một ứng cử viên xứng đáng. Nhưng người đáng kể hơn cả, có lẽ là

đại thi sĩ người Đức Erich Katsner, vừa cho xuất bản tập hồi ký về thời Đức quốc xã. Tiếp đó phải kể đến tiểu thuyết gia Ý Đại Lợi Alberto Moravia chủ tịch hội Văn Bút quốc tế. Và sau hết là nữ sĩ Thụy Điển Karen Blixen Finecke, nổi tiếng thế giới về loại truyện Liêu Trai; văn sĩ Na Uy năm nay đã ngoài 80 tuổi vừa viết xong anh hùng nông dân bốn cuốn nhan đề « Le pain de la nuit ».

Xem đó ta thấy văn sĩ Nam Tư Ivo Andritch đã đoạt giải văn chương Nobel một cách rất xứng đáng và vẻ vang. Báo « Monde » nhân dịp này có viết như sau :

« Tin mừng được loan đi khắp thủ đô Belgrade nhanh như một tin chớp. Ai nấy đều biết duy có nhà văn được giải vinh dự ấy là chưa hay. Chỉ sau một cuộc du ngoạn về đến nhà tại một đường phố tĩnh mịch giữa trung tâm thành phố, ông mới được các phóng viên báo chí chờ chờ trước cửa cho biết. Từ Stockholm, Vienne, Ba lê, Copenhagen, La mã, người ta đợi những lời tuyên bố, những cảm tưởng những ý kiến về văn học cũng như về chính trị của ông. Căn nhà của tiểu thuyết gia đầy

ngập các ký giả người ta kể vào ra không ngớt, trong số có người cho ông biết còn lối bốn mươi đại biểu các báo ngoại quốc đang xin phép nhập nội để phỏng vấn ông. Nhà văn mệt mỏi trước sự xáo trộn nhà cửa và nếp sống trầm lặng hàng ngày, mỉm cười nói : « Vậy thì tôi chỉ còn cách xin một thông hành xuất ngoại thôi ».

Lát sau, trước đông đủ các phóng viên, ông tuyên bố: «Tôi trân trọng cảm ơn Hàn lâm viện Thụy Điển, các cơ quan và những nhân sĩ đã đề bạt tôi vào giải thưởng đó. Tôi lại cũng xin cảm ơn tất cả những người đã giúp đỡ tôi trong cuộc sống. Giải thưởng trao tặng cho tôi đó là một vinh dự cho nền văn học Nam-Tư, một nền văn học vào hai mươi năm gần đây đã mỗi ngày một có tiếng tăm trên thế giới. Tôi chờ cho các xúc động đầu tiên qua đi để trở về với công việc. Một ngày làm việc đối với tôi là một ngày tết long trọng ».

Ivo Andritch mong rằng nếu sức khỏe của ông cho phép, ông sẽ đi Stockholm để lãnh giải Nobel.



PHẠM-VĂN-KÝ ĐOẠT GIẢI VĂN CHƯƠNG HÀN LÂM VIỆN PHÁP. — Giải thưởng văn chương « Grand Prix du roman » năm nay của Hàn Lâm Viện Pháp đã trao tặng cho một nhà văn Việt-Nam, ông Phạm-văn-Ký.

Tác phẩm đoạt giải của Phạm-văn-Ký nhan đề là « Perdre la demeure ». Ông phải đương đầu với cuốn « Le Bonheur et le salut » của văn sĩ Luc Estaing trong bốn lần đầu phiếu.

« Perdre la demeure » là một thiên tiểu thuyết nói về một giai đoạn lịch sử của Nhật hồi 1870. Truyện xảy ra trên khoảng đường xe lửa đang làm từ Yokahama đến Đông Kinh với sự gặp gỡ của những người Anh, một sĩ quan Pháp và các võ sĩ đạo Nhật. Họ tranh luận với nhau về tư tưởng riêng biệt của mình. Người ta thấy rõ trong tác phẩm của Phạm-văn-Ký nêu lên sự đụng chạm giữa hai nền văn hóa Đông Tây.

Phạm-văn-Ký quê ở miền Trung, sinh năm 1916, sang Pháp năm 1938, đã cho xuất bản nhiều tác phẩm bằng tiếng Pháp.

Cũng nên biết thêm giải Grand Prix du roman của Viện hàn lâm Pháp là 500.000 quan, mà giải Goncourt chỉ có 5.000 quan thôi.



HỘI THẢO QUỐC TẾ VĂN CHƯƠNG — Một hội thảo quốc tế về văn chương tổ chức tại Tân - đề - Li, trong bốn ngày, nhân dịp sinh nhật của văn hào Tagore, đã được nhiều nước cử đại biểu đến tham dự.

Văn sĩ Pháp Guéhenno tỏ ý ao ước các chính phủ hưởng ứng chủ trương đại đồng nhân bản của Tagore, và đem hết tài nguyên của mình để xây dựng học đường thay cho những thí nghiệm nguyên tử.

Bế mạc đại hội, phó Tổng thống Ấn Radakrishnan đề cập đến những hiểm họa cách mạng kỹ thuật đang diễn ra và kêu gọi các văn sĩ hãy góp phần làm cho thế giới biến thành một tổ ấm cho tất cả mọi người.



TAI HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á PHI — Các nhà văn Ấn Độ và các nhà văn Á Phi đưa ra một quyết nghị chống lại

mọi tuyên truyền của cộng sản. Nhân dịp này, một số nhà văn Việt-Nam, như các: Ô. Vũ-khắc-Khoan, Bình-nguyên-Lộc, Doãn quốc-Sỹ, Đinh-Hùng, Mặc-Đỗ, Đái - đức - Tuấn, Nguyễn - Sa, Phạm - việt - Tuyền, Phú - Đức, Vũ-hoàng-Chương, Võ-Phiến v. v. đã gửi cho Hội Nghị họp ở Le Caire một bản quyết nghị :

— «Chúng tôi những nhà văn Việt-Nam ký tên dưới đây vô cùng công phần trước bản thông cáo của Văn phòng Thường trực các nhà Văn Á Phi tại Đông Kinh ngày 27 và 28 tháng 3 năm 1961. Bản thông cáo này chứng tỏ trong phiên nhóm tại Đông Kinh người ta đã cố ý không đề cập đến các vấn đề có liên hệ đến nghề nghiệp và quyền lợi của các nhà văn cũng như vấn đề phục hưng văn hóa dân tộc, vấn đề trao đổi văn hóa giữa các quốc gia Á Phi. Bản thông cáo trên hoàn toàn có tính cách chính trị tuyên truyền cho Cộng sản, vu khống và xuyên tạc công cuộc tranh đấu thâu hồi chủ quyền quốc gia và thống nhất xứ sở của nhiều quốc gia Á Phi.

— Chúng tôi tố cáo cùng các văn sĩ Á Phi âm mưu của Cộng sản định lợi dụng diễn đàn của

Hội nghị các nhà văn Á Phi trong phiên họp tháng 11 sắp tới tại Le Caire để tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản, một chủ nghĩa chủ trương nô dịch văn hóa, giới hạn quyền tự do của văn nghệ sĩ.

— Chúng tôi nhiệt liệt hưởng ứng đề nghị của các nhà văn Ấn-Độ chống lại mọi nghị quyết có tính cách chính trị tuyên truyền cho Cộng sản trong các phiên họp sắp tới của Hội nghị các nhà Văn Á Phi».



TRIỂN LÃM ẤN LOÁT PHẪM TẠI MI LAN — Ý-đại-Lợi có tổ chức tại thành phố Mi Lan một cuộc Triển lãm ấn loát phẩm quốc tế vào hôm 27-11.

Việt-Nam có được mời dự cuộc triển lãm này. Văn hóa vụ có gửi sang trưng bày hơn một trăm tác phẩm có giá trị, trình bày kỹ thuật về các ngành văn chương, triết học, xã hội, kinh tế, khoa học, tôn giáo.



TRIỂN LÃM QUỐC TẾ ẤN LOÁT PHẪM Ở ĐỨC — Một cuộc triển lãm về sách đã được tổ chức tại Francfort (Đức).

Đây có thể nói là một cuộc trưng bày sách quan trọng vào bậc nhất thế giới, được tổ chức 2 năm một lần. Tất cả các nhà xuất bản lớn trên thế giới đều tham dự. Năm nay có 1843 nhà xuất bản của 32 quốc gia gửi sách đến, riêng nước Pháp có 92 nhà xuất bản với 3.000 tác phẩm khác nhau. Năm tới hai nước sẽ tổ chức hai cuộc triển lãm sách khác nhau : một ở Téhéran nhân ngày kỷ niệm năm thứ 2.000 lập quốc nước Iran ; một cuộc triển lãm sách khác sẽ được tổ chức tại Á-căn Đình.



NHỤT HOÀNG VÀ HOÀNG HẬU THAM GIA 1 CUỘC THI THƠ — Hôm thứ sáu, lần đầu tiên lịch sử Nhựt, Nhựt hoàng đã cùng thần dân tham dự buổi thi thơ hàng năm được xem như là một lệ long trọng kể từ thế kỷ thứ tám tại hoàng cung.

Buổi lễ này đã được vô tuyến truyền hình. Trong số tân khách có 16 người là tác giả những bài thơ hay như trong số 31.000 bài thơ dự thi. Trong số các thi phẩm, có các bài thơ của Nhựt hoàng, Hoàng hậu và Đông cung thái tử.

Sau buổi lễ bình thơ, 16 người trúng giải được Nhựt hoàng và Hoàng hậu đãi tiệc trưa và trao tặng các hộp đựng thơ bằng sơn mài.



MỘT TỶ 150 TRIỆU. BỨC HỌA CỦA REMBRANDT. — Thành phố Nữ Ước cũng vừa mua được một tác phẩm của họa sĩ Rembrandt với giá 2.300.000 Mỹ kim, tính ra đồng quan cũ của Pháp là 1 tỷ 150 triệu quan. Bức họa này vẽ cảnh Aristote đứng nhìn pho tượng bán thân của Homère. Bức họa phẩm vẽ bằng phấn màu của Degas, nhan đề «Trois jockeys » khoảng năm 1883 — 1890—trong một cuộc bán tranh ở Anh quốc đã có người mua với giá 3.250.000 quan.

Hồi 1942, bức họa này đã bán ở Hoa kỳ với giá 3600 Mỹ kim. Bây giờ đây nó sang tay bà Gladys Edward vợ một kịch sĩ nổi danh đã ly hôn với nhau. Trong một cuộc bán tranh của bà Edward, gồm 45 danh họa, một triệu phú ở Long Island có mua một bức « L'enfant et la veste verte » của Modigliani với giá 67.000 Anh kim.



7660 NHẬT BÁO. — Nhân dịp lễ kỷ niệm tuyên ngôn Nhân quyền, tổ chức Văn hóa Liên hiệp quốc công bố một bản thống kê, cho biết thế giới hiện có 7660 nhật báo, đài phát thanh năm 1948 có 5450 sang năm 1960 lên 11.760.

— Máy thu thanh từ 161 triệu, lên đến 366 triệu 560 ngàn.

— Phòng chiếu bóng, trước 95.000, tăng lên 167.000. Mỗi năm có chừng 15 triệu khán giả.

— Sản xuất phim ảnh Mỹ 223 phim trong năm 1960, Nhật 423 ; Ấn : 312, Pháp 238.

— Vô tuyến truyền hình năm 1948 chỉ có ở Mỹ, Anh, Pháp, hiện nó đã lan tràn khắp thế giới, 65 quốc gia đã có chương trình thường trực. Hồi 1948 có 4 triệu máy vô tuyến hình bây giờ tăng lên 100 triệu.



TRIỂN LÃM HỌA PHẨM GOYA — Trước đây hai năm Jean Gabriel Domergue có tổ chức tại Viện Bảo Tàng Jacquemart - André một cuộc triển lãm bắt hủ về Van Gogh, vừa đây ông lại tổ chức cuộc triển lãm về Goya tất cả có 88

tác phẩm trong số có chừng 25 bức mà công chúng chưa hề được xem. Lần này người ta đã được thưởng thức Goya họa sĩ tôn giáo, Goya chân dung v.v.

Những tác phẩm của Goya trưng bày lần này ở bảo tàng viện Jacquemart André trị giá chừng 120 triệu. Gallery ở Luân Đôn, và nhiều nhà chơi tranh có tác phẩm Goya cũng vui lòng cho mượn. Bức « La Junta des Philippines của viện Bảo tàng De Gastre lớn rộng đến 3,65 x 4,25 đưa qua cửa viện bảo tàng Jacquemart một cách hết sức khó khăn, trong ba giờ đồng hồ, chung quanh có cảnh binh cầm súng bảo vệ.

Ngoài ra, người ta còn trưng bày những tài liệu rất quý về Goya, gợi đến cuộc sống sóng gió của ông, đến sự giao thiệp của ông quan mới, song sự thực thì nó vô giá, không thể kể là bao nhiêu tiền được.

Muốn tổ chức một cuộc triển lãm Goya như lần này, người ta nghĩ rằng đó là cả một sự vô cùng khó khăn.

Bà Pitzzerald, ái nữ của nhà chuyên môn về tranh Goya đã tìm đủ mọi cách để đưa trưng bày ở Ba-Lê những tác phẩm

của nhà danh họa Y-pha-Nho, mà nhiều bức chưa hề ai được trông thấy. Bà phải đi điều đình ở nhiều tu viện, nhiều nhà thờ, nơi có bày tranh của Goya, mà từ xưa chưa hề dời khỏi những nơi ấy. Những Viện Bảo tàng Prado với nhiều vị vua chúa, mỗi tình giữa ông với quận chúa Albe. Goya được coi như một họa sĩ tiền tiến về nền hội họa, mà thi sĩ Beaudelaire đã nói về ông, coi ông như « một ác mộng đầy những vật vô hình ».



VĂN SĨ ILYA EHRENBURG LÊN TIẾNG.— Văn hào Nga Ilya Ehrenbourg hôm 8-1-62 đã lên tiếng gọi cuộc thanh trừng những phần tử theo Staline bên Nga là một cuộc đánh số, có số độc đắc hẳn hoi, mà tất cả chúng ta đều liên can và im lặng. Ông còn chỉ trích nhà cầm quyền Nga yên lặng về cái chết của nhà văn Boris Pasternak hồi tháng 5-1960. Một nhật báo duy nhất đáng có vài hàng cáo phó, thực là một việc làm không xứng đáng chút nào với một đại thi sĩ. Ông cũng cho rằng văn sĩ Hemingway là một cây bút xuất sắc của thời này.



NHÀ VĂN NÀO ĐƯỢC CÔNG CHỨNG ĐÁNH GIÁ QUÁ CAO?

— Đó là một câu hỏi đặt ra bởi tuần báo « Arts » đã được độc giả trả lời một cách hào hứng. Chính thức thì câu hỏi được nêu ra như thế này: « Theo bạn, nhân vật còn sống nào — không kể quốc gia nào — đã gây được một tiếng tăm lớn lao trong văn giới, mà tiếng tăm ấy đối với bạn coi như là một hư danh ».

Kết quả :

— Nữ sĩ Françoise Sagan dẫn đầu với 75 phần trăm.

— Jules Romains 9 phần trăm

— H. de Montherlant 7 —

Và đây là nhận xét của độc giả về Sagan :

« Tiếng tăm của F.Sagan vượt ra khỏi biên giới bởi những bản dịch và phim chiếu bóng. Tại sao nữ tiểu thuyết gia chỉ xứng đáng với những báo tâm tình, lại có thể liệt vào trong nền văn học sau các nữ sĩ tiền bối Sévigné, La Fayette, Stael, Anna de Noailles... »

Còn về câu hỏi thi sĩ nào xứng đáng nhất, thì kết quả như sau :

— Saint John Perse 35 phần trăm

- Aragon 25 phần trăm
- J.Cocteau 20 phần trăm

Nhận xét về S. J. Perse, giải văn chương Nobel 1960, độc giả viết trả lời tòa báo :

« S.J. Perse quả là một thi sĩ vào bậc nhất, ông đã biết đổi mới nền thi ca, với một tiếng nói riêng của ông. »

Về Cocteau :

« Với thi sĩ, cũng như với các nghệ sĩ *chân* (chân, mỹ thiện) là điều kiện cần thiết cho cá tính và cho tác phẩm. Cocteau đã hoàn toàn đạt tới điểm đó. »



NHỮNG VĂN SĨ MUỐN TRỞ THÀNH BẮT TỬ.— Lúc nào ở Hàn lâm viện Pháp cũng có những chỗ trống.

Jean Guehenno hy vọng sẽ được ngồi vào ghế của Emile Heuriot. Ông chỉ có một đối thủ là Paul Montel hiện có chân trong Hàn lâm viện khoa học, và là một nhà toán học đại tài.

Còn chỗ ngồi củ của Albert Buisson ? Pierre Lyautey — cháu thống chế Lyautey — một cây bút viết sử vừa cho xuất bản cuốn tiểu thuyết phiêu lưu « Magdelaine de Medices », « la Corsaire des iles d'or » là một

ứng cử viên được các ông Hàn lưu ý. Ngoài ra người ta còn nói đến tên thi sĩ André Berry và nhà văn Joseph Kessel.

Cuối cùng, người ta còn được tin François Piétri, đã gửi một thư đến Viện Hàn lâm, ngỏ ý muốn ứng cử vào ghế ông Buisson.



NẠN DỊCH MẮT TRỘM HỌA PHẨM Ở ÂU CHÂU.— Mấy tháng trước, ở Pháp, đã xảy ra những vụ trộm nhiều danh họa bày trong Viện Bảo Tàng. Dịch trộm họa phẩm từ Pháp lan sang Anh. Bọn trộm đã len vào được Bảo tàng viện National Gallery, nhấc đi bức chân dung Wellington của Goya. Họa phẩm này trị giá tới 196 triệu.

Trong năm nay, riêng bên Pháp đã xảy ra bảy vụ trộm họa phẩm, mất 132 bức, trị giá tới 6 tỷ quan.

Mới đây ở Bảo tàng viện « Jeu de Paume » lại bị một kẻ yêu tranh, giữa ban ngày lấy mất một bức giá trị nhất của Gauguin là « L'Eglise Bretonne sous la neige » đáng 200 triệu quan.



THI SĨ TRẺ TUỔI EVTOUCHEUKO CHỐNG CHẾ ĐỘ NGA. — Thi sĩ Evtoucheuko năm nay mới 28 tuổi, hiện rất nổi danh ở Nga, và được giới thanh niên khâm phục.

Trong tạp chí tháng 10, hồi 1956, khi Krushev bắt đầu lên án Staline, Evtoucheuko đã dám viết : « Quyền thế không phải là sự phản bội ... Tôi không thể biện hộ cho sự bất lực hay cho bất cứ ai đã giải thích những lỗi lầm của nước Nga bằng cách tuyên truyền om xòm bỉ ổi ... »

Sau đó, Evtoucheuko còn cho đăng trong các tạp chí văn học những bài thơ công kích chính thể lỗi lầm hiện tại, và tỏ hy vọng được thấy một xã hội tương lai tốt đẹp.

Giữa lúc phong trào chống Do Thái nổi lên ở Nga, và hồi 1941 Đức quốc xã tàn sát dân Do Thái, thi Evtoucheuko hòa mình với bọn người bất hạnh, làm bài thơ « Babyi Yar » chỉ trích Krushev.

Vì bài thơ này mà nhà thi sĩ trẻ tuổi bị coi như là vong bản song cũng vì bài thơ chứa chan lòng nhân đạo đó mà thanh niên trí thức Nga đã hoan nghênh nhiệt liệt Evtoucheuko tại công trường Mainkovski (tên một thi sĩ tự sát năm 1930).

Và bây giờ đây thì giới thanh niên trí thức Nga không ngại nói đến bài thơ chống bom nguyên tử của Evtoucheuko.

HÀM - ANH

TÀI LIỆU

KỶ CÔNG CỦA THUẬT CHỤP ẢNH BẰNG MÁY BAY.— Vụ phi cơ gián điệp U2 tiết lộ cho đại chúng những tiến bộ phi thường của thuật chụp ảnh từ trên thượng tầng không gian.

Những bức ảnh khác chụp từ trên vệ tinh, bên kia khí quyển rồi dùng máy điện tử chuyển tiếp về địa cầu cũng làm sáng tỏ sắc thái mới của thuật chụp ảnh. Sự xuất hiện của vệ tinh, gọi là Vệ tinh gián điệp vì được trang bị máy ảnh để vừa xoay vừa chụp ảnh quanh trái đất, lại tạo thêm một sự kiện mới mẻ cực kỳ quan trọng.

Tất cả những công cuộc sưu tầm này chứng minh lợi ích của thuật chụp ảnh trên phi cơ, mà những thực hiện kỳ cựu nhất nhưng luôn luôn cải tiến trong nhiều lãnh vực vẫn thường không được biết tới mấy. Tuy nhiên hầu hết các quốc gia đều nghiên cứu. Trang bị của Hoa kỳ đã có thể chụp ảnh trực tiếp được mặt đất và những bức ảnh chụp bằng máy điện tử cũng vừa được xuất hiện trên các màn ra-da. Những máy ảnh hiện thời có thể từ trên độ cao 20.000 mét chụp được những cảnh tổng quát rộng trên 500 cây số đường kính, hoặc những ảnh cực tỉ mỉ tập trung trong khu vực thấu hẹp 4 cây số.

Máy ảnh của Anh quốc cũng thu được những kết quả phi thường tương tự. Bởi thế, các phi cơ phóng pháo Victor từ trên độ cao 20.000 mét đã chụp liên tiếp trong 4 giờ rưỡi tất cả khu vực địa trung hải từ Tây Ban Nha đến Li Ban và từ Alpes tới Sahara !

Trên các phi cơ thám thính của Pháp, đặc biệt loại F84 được lắp máy ảnh có những bộ phận thần diệu chuyển phim với tốc độ tương đương với tốc độ phi cơ nhưng chạy ngược chiều để có thể chụp được những tấm ảnh thật rõ.

Khả năng của thuật chụp ảnh bằng máy bay áp dụng vào nhiều phạm vi hoạt động khác càng ngày càng được bành trướng. Nhờ những máy ảnh đặt trên phi cơ trực thăng ; một nhà đạo diễn kỳ tài mới đây đã có thể trình bày được trọn một cuốn phim giới thiệu dưới một góc cạnh mới tất cả những cái hay cái đẹp của nước Pháp.

NGUYÊN TẮC CHỤP ẢNH BẰNG MÁY BAY

THUẬT chụp ảnh bằng máy bay đồng khởi xuất với thuật chụp ảnh thông thường, vì người ta cũng vừa mới tổ chức kỷ

niệm đệ bách chu niên. Những bức ảnh đầu tiên đã được Félix Nadar thực hiện và những thí nghiệm đầu tiên áp dụng thuật hoàn cấp dự hình nghĩa là thuật phóng ảnh là nhờ ở sáng kiến của đại úy công binh Laussedat phát minh từ năm 1849.

Công việc của nhà nghiên cứu này được các kỹ thuật gia Pháp (Vallox) và Ý (Parro) tiếp tục khảo cứu, năm 1901 Pulfrich sáng chế ra thực thể kế mở đường cho phương pháp đo lường và xử dụng thuật quan sát hình nổi. Năm 1908, Von Orel phát minh ra cách viết chữ nổi giúp cho việc thực hiện hoàn cấp đồ thị bằng phương pháp quan cơ học.

Thuật chụp ảnh bằng máy bay từ đây giúp ích rất nhiều vào việc phóng ảnh địa cầu nhưng mãi đến thế chiến 1914-18 mới được phát triển, chính những phi cơ thám thính của Đức đã được trang bị máy ảnh đầu tiên.

Năm 1916 M.E. Cousin thợ kỹ của công ty kỹ nghệ máy ảnh của Pháp đã sáng chế được những máy móc tinh vi trang bị cho các phi cơ thám thính chụp được những địa điểm tấn công rất quý giá.

Từ năm 1918 các địa đồ hầu hết đều được thực hiện bằng phương pháp bổ xung các hình ảnh, đã thay thế cho các bức họa đồ cũ, và viện đồ bản quốc gia thay thế cho sở đồ bản quân sự, trực thuộc bộ Giao thông công chánh được xử dụng cả một phân đội nhiếp ảnh trang bị đầy đủ dụng cụ máy móc và chuyên viên tinh nhuệ. Viện đó phải xử dụng cả phi cơ và những buồng chụp ảnh trang bị đầy đủ, nhân viên được huấn luyện, phương pháp vượt biên xác định, máy móc và cách thức bổ túc nhất định, chuyên viên quen máy và quen địa thế và sau hết là các họa sĩ, chuyên viên buồng tối, thợ in với tất cả dụng cụ khoa học và chuyên môn cần thiết.

Đã từ lâu, thuật chụp ảnh bằng máy bay cũng được xử dụng trong mục đích khoa học, đặc biệt là khảo cổ học. Do đó André Malraux và Corniglion Molinier đã khám phá ra được những tàn tích thành phố của nữ hoàng Saba.

THUẬT CHỤP ẢNH TRÊN CAO ĐỘ

NHỮNG bức ảnh chụp bằng máy bay thám thính vẫn còn giữ một vai trò quan trọng trong khi chờ đợi vệ tinh thám thính của cơ quan Samos thuộc không quân Hoa Kỳ điều chỉnh để có thể trực tiếp vô tuyến truyền hình các lãnh thổ hoặc chuyển tiếp những bức ảnh về địa cầu. Các vệ tinh Discoverer đầu được gắn máy chụp ảnh. Khi đã quay đủ số vòng hạn định trên đất Nga-Sô các phim cuộn tròn trong một bao nhỏ để chuyển tiếp về địa cầu.

Nếu là phi cơ, thì loại phi cơ đặc biệt này được chế tạo đặc biệt: cánh thật dài để có thể bay tương đối chậm và trên độ cao trên 30.000 mét nghĩa là trên độ cao giới hạn của khu trục cơ phản lực.

Thuật chụp ảnh trên cao độ đặt ra những khó khăn đặc biệt và những giải pháp ứng phó tiết lộ cho biết những tiến bộ vô biên. Cổ nhiên là vẫn phải áp dụng nguyên tắc đã thực hiện các hình đồ thông thường để thu được những kết quả kể trên, nhưng một vài chi tiết biểu hiện trên các bức ảnh mới chụp cho biết rằng nhờ những phương pháp trong những điều kiện mới đã có thể ghi được những chi tiết của địa cầu trên một độ rất cao.

Máy xử dụng được chế tạo đồng theo nguyên tắc của các máy thường chỉ khác là các ảnh càng ngày càng nhỏ cũng như tường canh của các bức hình vô tuyến phân định giá trị tối hậu.

Nhiều hiện tượng khác vẫn chưa được thông hiểu cũng ảnh hưởng ít nhiều đến những chi tiết được ghi trên mặt phim chụp trên máy bay.

HÌNH ẢNH BỊ LU MỜ

KHÍ một điểm sáng chiếu trên thuốc bội gương tất nhiên sẽ khuếch tán ra, không thể nào chụp được một bức ảnh tuyệt đối giống hệt như nguyên bản được. Tuy nhiên, với thuật chụp ảnh bằng máy may, tối thiểu người ta có thể bảo đảm chụp lại

được rõ ràng các chi tiết cỡ $1/70$ ly. Nhiều hiện tượng khác lại tùy thuộc ở chính ngay ống kính. Theo nguyên tắc vật lý cần bản thì một ống kính với đường kính nhất định muốn thu được các chi tiết còn tùy thuộc ở ánh sáng và nhất là ở trường độ quang ba nghĩa là tùy màu sắc. Trường độ quang ba càng dài các chi tiết càng thấu hẹp và càng lu mờ, nghĩa là khả năng thấu nhận ngược tỉ lệ với trường độ quang ba.

Nhưng với một ống kính máy ảnh thường dùng thì trên thực tế yếu tố hạn định lý thuyết này lại không dùng vì do các khuyết điểm không thể tránh được trong việc chế tạo thì những tia sáng từ một điểm sáng chiếu vào một vật sẽ tạo thành một hình ảnh với đường kính lớn hơn đường kính ấn định trong lý thuyết, thanh thử lại tạo sanh một số chi tiết khác. Tuy nhiên ống kính thường có khả năng giải trừ cao hơn phim ; một ống kính tốt hiện thời theo nguyên tắc có thể chụp được ảnh rõ ràng mọi chi tiết cỡ $1/150$ ly.

Nhưng khi thử ghi bức ảnh đó trên phim, thì thấy kết quả kém hơn. Hiện mới hy vọng chụp được những bức ảnh rõ ràng mọi chi tiết cỡ $1/40$ ly.

Tự trung, khả năng quyết định xác thực tùy thuộc ở vấn đề tương phản. Những điểm trắng trên nền đen sẽ nhận thấy dễ dàng hơn là trên nền xám xẫm, do đó khi muốn phóng đại một bức ảnh từ một vi phim thời thường là phải áp dụng phương pháp tương phản này. Những bức ảnh chụp bằng máy bay từ trên cực cao độ và bên kia khí quyển áp dụng điều kiện trên cũng đã thu được kết quả khả quan.

Một loại yếu tố khác làm cho bức ảnh kém nét do tại sự vận chuyển của chính máy ảnh. Máy bay hoặc vệ tinh không đứng yên một chỗ trong khi máy ảnh có máy chụp và những bộ phận di động trong khi vận chuyển gây thành chấn động sẽ làm cho các chi tiết bị lu mờ. Ống kính và phim cũng đồng chịu ảnh hưởng di động cực nhỏ ấy đủ làm cho các chi tiết kém nét.

Vì thế, chụp ảnh bằng máy bay tất nhiên chỉ có thể chụp được những bức ảnh rõ ràng mọi chi tiết dưới cỡ $1/20$ ly. Ngoài

những sự thận trọng đặc biệt khác, máy bay mắt thần U2 còn có lợi điểm là bộ cánh rộng lớn có thể bay rất thẳng bằng chẳng kém gì loại máy bay không động cơ, trên một chặng đường rất xa.

Lại còn nhiều khó khăn khác cần phải lưu ý. Máy bay di chuyển trên mặt địa cầu do đó máy ảnh luôn luôn phải nhắm xuống một mục tiêu di động. Mặc dầu để máy chụp nhanh thể nào đi nữa bức ảnh cũng bị di động ít nhiều giữa thời gian mở và đóng máy chụp. Nếu dùng phim thường nhỏ hạt tương đối kém nhạy thì thể nào cũng mất một thời gian. Để giải quyết vấn đề đó, bây giờ người ta áp dụng phương pháp thao dượt chuyển phim rất thông thả tương ứng với tốc độ của máy bay làm thể nào để phim và ảnh chuyển động cùng một tốc độ không còn sợ xảy ra so le chênh lệch nữa.

CHỌN ỐNG KÍNH

TRONG giai đoạn tiến bộ kỹ thuật hiện tại, nhờ máy bay thám thính có thể bay trên độ cao 18.000 đến 20.000 mét mà vẫn chụp được những bức ảnh với đầy đủ chi tiết khá rõ ràng; nhưng ống kính phải thật đặc biệt, nhất là vấn đề tiêu cự.

Khổ máy thường là 22,5 x 22,5 hoặc 22,5 x 45 phân trong một vài loại máy đặc biệt. Địa diện có thể chụp được dĩ nhiên tùy thuộc ở cao độ và tiêu cự của ống kính. Nếu muốn chụp được chi tiết tối đa thì phải dùng những ống kính có tiêu cự càng dài càng tốt.

Hiện trong thực tế các máy bay của Hoa Kỳ đều được trang bị bằng loại ống kính 1 mét 20 và loại đặc biệt « 75 B » trang bị trên máy bay mắt thần U2 dài tới 1 mét, 50, chụp qua 7 lần cửa sổ gương tròn và thu được cả một chiều rộng dọc theo đường bay 200 cây số.

Mỗi bức ảnh cỡ 22,5 x 22,5 phân chụp được một địa diện cỡ 5 cây số vuông và chi tiết tối thiểu có thể quan sát được trên mặt đất trong một khu vực 0m60. Do đó trong hội nghị không gian mới nhóm họp tại Stockholm, các vị đại diện Hoa Kỳ đã tiết lộ

rằng với những máy này có thể chụp rõ được cả một đứa bé con và trên độ cao 10.000 mét, chụp rõ được cả sợi giây vô tuyến điện. Trên máy bay lượn trên phi trường với tốc độ 800 cây số giờ có thể chụp được rõ ràng lưng cái dinh tán của máy bay đậu dưới đất. Dĩ nhiên là để cho các nhà chuyên môn chịu trách nhiệm về những lời quyết đoán trên.

ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT

MUỐN thấu được kết quả như trên phải có đủ ánh sáng và đủ tương phản giữa các phần khác nhau của bức ảnh. Khi nhìn từ trên máy bay xuống đất thì càng lên cao các chi tiết trên địa diện càng trở nên xạm xám và lu mờ, lý do hiện tượng này rất là đơn giản.

Phần lớn ánh sáng mặt trời tỏa trong các lớp hạ tầng khí quyển do đó khi chụp vào ảnh sẽ tạo thành hiện tượng như bị phủ qua một lần sương mù. Hậu quả này cũng tương tự như khi ta nhìn hình ảnh chiếu trên màn bạc; khi gian phòng đủ tối thì sự tương phản giữa các phần đen trắng của hình ảnh rất rõ, hình ảnh sẽ sáng sủa, cân đối với đầy đủ chi tiết, nhưng khi ánh sáng chung quanh phòng tăng lên, thì hình ảnh lại bị lu mờ.

Phần lớn các chi tiết của bức ảnh lệ thuộc vào sự tương phản. Tất cả những hiện tượng nào làm giảm tương phản tức cũng làm giảm sức nét của tấm ảnh. Do đó một gợn mây một làn sương mù cũng đủ tạo thành một thứ nguy trang hao phủ các chi tiết khiến các máy ảnh thám thính không thể chụp được, và khả năng nguy trang các cơ sở quân sự của Nga Sô giữ một vai trò đáng kể.

KHÓ KHĂN TRONG KHI CHỤP ẢNH

Mặc dù với những máy có ống kính đặc biệt và trong những điều kiện hoàn hảo nhất, việc chụp được những bức ảnh thật nét với đầy đủ chi tiết vẫn còn trong thời gian thí nghiệm. Một máy ảnh có ống kính 1m20 tiêu cự có thể chụp được cả một

địa diện 5 cây số vuông. Nếu máy đó trang bị một cuộn phim dài 300 mét, thì có thể chụp được cả một giải đất dài 1.600 cây số rộng 3 cây số. Nhưng đầu sao, rất có thể không có được đúng những ống kính như ước muốn.

Có một cách để sửa chữa bớt khuyết điểm khó khăn trên là đặt thật nhiều máy ảnh trên phi cơ hoặc hỏa tiễn. Nếu một máy đã có thể chụp được một góc 11° thì 9 máy đã có thể chụp được một góc 45° . Nhưng vẫn còn gặp một trở ngại khác là nếu một máy đặt thẳng có thể chụp được các chi tiết dưới đất cỡ 0, m 60 thì các « bó » của bức ảnh sẽ tăng vọt ít nhất là 1, m 80 đối với các máy 45° .

Còn những máy có tiêu cự dưới 1, m 20 thì các chi tiết sẽ giảm theo.

Bộ phận thu hình có thể điều hợp với bộ phận kiểm soát và điều khiển; hơn nữa nhờ đài hướng dẫn và nhất là hệ thống radar hoạt động trên thượng tầng bảo đảm cho việc chụp ảnh được chính xác.

CHỤP ẢNH BẰNG HỎA TIẾN

MỞI đầu ai cũng tưởng dùng hỏa tiễn thám thính để chụp ảnh tất nhiên phải kết quả mỹ mãn hơn là dùng máy bay. Nhưng thực ra lại gặp nhiều khó khăn gấp bội. Ít ra cho tới nay người ta mới chỉ chính thức được xem những bức ảnh thô kệch, thiếu chi tiết, đặc biệt là mới được nhìn thấy vị trí của các đám mây ở trên địa cầu Tuy nhiên có nhiều bức ảnh mới in ra sau này cần được lưu ý.

Những vệ tinh thám thính cũng như hỏa tiễn trong một khối lượng rất thâu hẹp lại phải mang theo rất nhiều máy móc cực kỳ phức tạp và cực kỳ nhỏ bé. Dầu là máy ảnh thường hay là máy điện tử đều phải dùng ống kính loại tiêu cự thật dài vì quỹ đạo của vệ tinh nếu muốn quay lâu dài, tối thiểu cũng phải bay cao cách xa mặt đất từ 150 đến 200 cây số. Dùng máy tiêu cự đủ dài quả là một vấn đề khá phức tạp.

Với một ống kính có tiêu cự 1,20m chiều thẳng xuống mặt đất và với tương phản khá rõ ràng, chẳng hạn điểm đen trên nền trắng hoặc ngược lại, người ta có hy vọng phân biệt được rõ mục tiêu cỡ 6m và như thế có thể dùng phim 22,5x22,5 chụp được cả một giải đất rộng độ 30 cây số.

Đàng khác, thường sự tương phản trên các bức ảnh chụp trên độ cao 160 cây số cũng tương tự như những bức ảnh chụp bằng máy bay trên độ cao 20.000 mét vì các lớp phía trên khi quyển thường trong sáng không bị mây mù.

CHUYỂN TIẾP VỀ ĐỊA CẦU

CÒN một vấn đề phải giải quyết là việc chuyển các hình đã chụp được trên các vệ tinh quan sát về địa cầu. Loại Tiros chẳng hạn thì diện tích bức ảnh chỉ được 3cm vuông và đường canh cỡ 500 hàng nên chi tiết rõ nhất là cỡ 2/100 ly. Với ống kính có tiêu cự 1,20m thì diện tích mỗi bức ảnh có thể chụp được là 2 cây số vuông 5 vì thế rất khó mà phân biệt được những loại ảnh chụp được. Tốc độ khổng lồ của các vệ tinh này, có 27.000 cây số giờ làm cho việc ghép các hình thành một bức ảnh tổng quát sẽ rất khó khăn mà cứ mỗi 1/30 giây lại phải chuyển tiếp về địa cầu.

Tạm thời, dấu rằng trên lý thuyết có thể có được những chi tiết rõ nét cỡ 1/40 ly nhưng trên thực tế ít hy vọng có được cỡ 1/10 ly tức đối chiếu với 1% chiều rộng của bức ảnh hoặc 15 mét địa diện nếu là ống kính 1,20m tiêu cự.

Lại còn phải lưu ý tới các khó khăn trong việc chuyển tiếp giải thích và hướng dẫn máy ảnh cho sự chính xác. Cách thức chuyển vận phim để bù trừ với sự vận chuyển của máy ảnh theo địa cầu trở thành rất khó khăn vì tốc độ khổng lồ của vệ tinh.

Do đó người ta có thể nghĩ rằng những máy ảnh trang bị trên các vệ tinh thám thính này chỉ cần tiêu cự ngắn hơn thường dùng trong việc chụp các địa diện rộng lớn. Trong điều kiện kỹ

thuật hiện thời rất khó mà hy vọng có được những bức ảnh thật nét, đẹp,

Cả đến máy vô tuyến truyền hình cũng khó mà thu được những chi tiết rõ nét, nên ít ra trong hiện tại những phương pháp của thuật nhiếp ảnh vẫn bảo toàn được lợi thế của nó.

ĐỨC - HẠNH

(Theo Paul Hémardinquer)



MỘT NHÀ THƠ ÁI QUỐC THẾ KỶ XIX : VŨ-DUY-THANH, ĐINH MÃO 1807 — MẬU NGỌ 1858.—

Đặt Vũ - Duy - Thanh vào hàng chí sĩ ưu tú và thức thời của nước nhà, có là quá đáng chăng ? Vũ - Duy - Thanh quả là một nhân vật kiệt xuất trong hàng cự học, có chí nguyện lớn, có óc sáng kiến, có thức lực hơn hẳn các quan triều thời bấy giờ. Khác hẳn các nhân vật lỗi lạc như Lý Văn-Phức, Phan-Thanh-Giản, Phạm-Phú-Thứ, Nguyễn-Trường-Độ, Trần-Đức-Hậu v.v. Vũ-Duy-Thanh dù không cơ hội được hân hạnh bước chân ra khỏi nước, mắt chưa hề nhìn thấy được văn minh Âu-Châu, nhưng Vũ đã không cò hủ như nhiều bạn đồng liêu, mà những điều Vũ thi thố khiến chúng ta ngày nay xem xét đến phải lấy làm khâm phục khôn cùng.

Hơn 90 năm về trước, Vũ Duy-Thanh chính là người đầu tiên đã hiểu biết trong nước có mỏ than đá. Và ngay từ khi các chiến hạm Pháp diễu vũ dương uy trước cửa bể Đà-nẵng trong năm 1856, phía ta đã có người nghĩ đến sự thành lập một đội hải quân như của người Phương tây để chống trả; hẳn là ai cũng tưởng rằng người có ý kiến đó phải là một viên quan võ cao cấp, nhưng oái oăm thay ! người ấy chỉ là một vị quan văn : Vũ Duy-Thanh. Chính Vũ Duy-Thanh đã tự sáng chế một kiểu chiến thuyền đặt tên là « Thủy xa mộc thành », rồi lập hạm đội,

đặt khúc hát cho hải quân. Thật là kỳ diệu. Cuộc đời của nhà học vấn uyên bác lo nước thương đời hiếm có như thế, tưởng chúng ta phải nên tìm hiểu, để không phụ công ơn của một bậc tiền nhân đã làm vẻ vang cho dân nước rất nhiều.

Vũ Duy-Thanh tự Trung-phủ, hiệu Mai Khê. Người làng Văn-bồng (nay là Kim-bồng), huyện Gia-Khánh, tỉnh Ninh-bình. Vốn là chức của quan huyện Trung-Thuận, cháu quan huyện Cảnh-Thuận ở cuối đời Hậu-Lê.

Thân phụ Vũ chỉ sinh được có hai trai, Vũ là trai thứ ; trai lớn là Vũ-Duy-Đề, đỗ tú tài đời Minh-Mạng, làm giáo thụ.

Trên đường cử nghiệp, năm Nhâm dần 1842, Vũ đỗ tú tài. Năm sau đỗ giải nguyên. Đến năm Tân hợi 1851, thi hội đỗ phó bảng, tuổi đã 45.

Cũng trong năm Vũ đỗ phó bảng, vua Tự-Đức lại mở khoa thi hoành tài (chế khoa) tuyển bậc văn học ưu trượng vào thi, đặc cách cho những phó bảng trúng cách có 7 người, Vũ đứng thứ nhì. Khi vào đình đối, vua Tự-Đức thân chấm thi, cất Vũ lên đồ đầu. Sắc tứ « *Bác học hoành tài, đệ nhất giáp cát sĩ cập đệ đệ nhị danh* ». Theo chỉ nghị của bộ Lễ, thế là Vũ thi đỗ bảng-nhãn chế khoa, so với trạng nguyên chính khoa còn hơn một bậc. Cờ biển vinh quy, có chữ của vua ngự bút « *Chế khoa bảng nhãn thị trạng nguyên* ». Do đó, vì lẽ Vũ quê ở Văn-bồng, đồ bảng nhãn chế khoa nên tục gọi là cụ Bảng Bồng ; hoặc căn cứ theo chỗ ngự phê « *Đỗ bảng nhãn chế khoa là trạng nguyên* », tục cũng gọi là cụ Trạng Bồng. Xuất chính làm đến Quốc-tử-giám Tế-tửu.

Con đường tiến thân đã rộng mở, nhưng gặp buổi nước nhà đa nạn, trong nước giặc giả nổi dậy như ong, bên ngoài thì binh thuyền Pháp thường gây hấn, Vũ dù là một chức quan văn, vẫn nóng lòng sốt ruột vì việc nước, hằng lo lắng tìm phương dẹp nội loạn, chống ngoại xâm, mưu cuộc phú cường cho dân nước.

Tắc lòng kiên trung yêu nước của Vũ, từng đã biểu lộ rất nhiều trong thi văn. Ngày Vũ vinh quy, ghé thăm người bạn

học cũng đồ pho bằng là Nguyễn Tuấn-Phủ, khi tạm biệt, Nguyễn Tuấn-Phủ trao tặng Vũ một bài :

« Tình chung kẻ ở với người về,
Cạn chén quan hà biết mấy be.
Cá nước rồng mây cùng một hội,
Áo xiêm xe ngựa bỗng đôi bề.
Trời nam sức nước hương đưa quế,
Đường bắc xênh xang gió thổi hòe.
Nhấn với non sông đã thỏa chữa,
Ơn vua đến thế mới là ghê. »

Vũ họa lại bài thơ « Lưu giản » của bạn, lời lời ưu ái :

« Hễ có đường đi có lối về.
Rượu say vì nghĩa há vì be.
Giang san người cũ không hai mặt,
Vân thụ tình xưa vẫn một bề.
Cung nguyệt cũng là chung bóng quế,
Nền phong chưa dễ dứt ngôi hòe.
Khuyến ai nên lấy trung làm hiếu,
Sự nghiệp còn nhiều ghê lại ghê. »

Câu thúc kết « lấy trung làm hiếu », lòng Vũ thật đã hứa thân cùng đất nước. Câu kết « Sự nghiệp còn ghê lại ghê », lòng ấy hẳn là nung nấu vô số ý chí phấn phát tự cường, quyết gầy một sự nghiệp vĩ đại để lưu chút tình muôn thuở với nước non nhà.

Lòng đã quyết kiên trung, tận tụy vì việc nước, nên khi đưa Nguyễn-Tri-Phương phụng mạng vào kinh lược miền Nam, Vũ đã ân cần mấy lời gần bó cùng Nguyễn-Tri-Phương :

« Non nước vì đâu đến nỗi này,
Đủ tài kinh tế dễ ai hay.
Bắc Nam phận cả không từ chối,
Sương tuyết lòng xưa chẳng đổi thay,
Một ngọn cờ đào rong thẳng nẻo,
Chín tầng gươm báu đã trao tay.
Sóng kinh mong mỗi đều êm lặng,
Tiệc rượu hoàn quân dễ có ngày. »

Cảm khái hơn nữa, Vũ cũng đã có một bài nhắn gửi đồng bào miền Nam lúc bấy giờ :

*« Nam Bắc đâu đâu cũng đội trời.
Tấc vàng tấc đất hỏi ai ơi !
Trăm năm công đức nên ghi dạ,
Một gánh cương thường phải ghé vai.
Sự thế ngàn thay cơn gió bụi,
Anh hùng bao quản bước chong gay.
Hoài nam khúc củ ai còn nhớ ?
Còn nhớ cùng nhau họa mấy bài. »*

Có thể xem bài thơ gửi đồng bào miền Nam trên đây như là một bản hiệu triệu toàn dân phải đồng tâm đoàn kết, đề chống với ngoại xâm dã chực hờ, không khéo thì đất nước sẽ phải rơi vào nanh vuốt để quốc !

Vũ lúc nào cũng nặng một tấm lòng lo nghĩ đến dân nước, cho đến nỗi trong những lúc ngao du sơn thủy, hứng cảnh động tình mà ngâm vịnh, ý tứ vẫn hàm ngụ lòng lo nước thương dân. Như khi vịnh cảnh «Nhiệt đàm» (đầm nước nóng) nơi có nhiều di tích Chiêm-Thành, Vũ lại lảng cảm về nỗi Chiêm-Thành khi xưa là một nước mạnh mà nay có còn đâu, đầm nước nóng sôi phải chăng khối hận của dân tộc Chiêm còn lưu mãi vết thương đau :

*Cảnh ấy khen ai khéo đặt bày »
Nước sôi một vũng ở như đây.
Rét bao nhiêu độ càng thêm nóng,
Nắng mấy mươi phen vẫn cứ đầy.
Lò tạo hóa nung thấu sớm tối,
Lửa âm dương nấu mãi xưa nay.
Đồ bàn đấu củ ai còn lại,
Muốn hỏi nguồn cơn nổi nước này ».*

Cũng bởi ôm ấp niềm yêu nước thương nòi, cho nên đường đường là một bậc đại khoa mà Vũ chẳng hề lấy thế làm vinh, trái lại Vũ còn khuyên các học trò không bao giờ nên chú trọng quá về việc học bư vắn, mà phải nên chú trọng vào sự rèn luyện chân tài về đường thực dụng rằng :

« Lối học khoa cử ra chẳng có một phần thực dụng nào. Kể đi học chỉ chăm chăm mài gọt lấy câu văn hay, không hề lưu tâm đến các điều thực ích thực lợi để giúp nước giúp dân. Đòi đến bây giờ cái học thêm hư liệt quá ! Vậy phải kíp lo bỏ cửu, trách nhiệm là ở thầy trò ta ».

Khuyến bảo học trò như thế, kiến thức của Vũ sâu rộng biết chừng nào. Rồi chẳng phải chỉ khuyến suông mà thôi, chính Vũ đã thi thố ngay cho các học trò thấy biết bản tâm của Vũ.

Bấy giờ, nhân binh thuyền Pháp thường diệu võ dương oai, Vũ liền dâng sớ xin nhà vua kíp lo chỉnh đốn hải quân và cải cách chính trị. Một mặt dâng sớ, một mặt Vũ ngiên cửu binh thư, rồi bắt tay ngay vào việc thảo dự án cải tổ hải quân, vẽ bản đồ sáng chế một kiểu chiến thuyền gọi là « Thủy xa mộc thành » Phụ họa với Vũ có Bùi Viện — một nhân vật ưu tú đang làm Chánh quản Đốc Nha tuần tảo—thi hành kế hoạch đặt thủy đoàn lục tuần dương quân của Việt-Nam buổi bấy giờ.

Nóng lòng sốt ruột, Vũ không đợi nhà vua phê phán ra sao về công cuộc dự định của mình, mà tự xuất tiền túi mua các vật liệu cần thiết, rồi ngày đêm hợp cùng các bạn đồng chí chế gấp loại chiến thuyền « Thủy xa mộc thành ». Lại đặt một khúc hát hành quân, để thủy binh hát trong khi lâm trận cho phấn chấn tinh thần.

« Thủy xa mộc thành » của Vũ sáng chế, vận chuyển bằng máy, trên có đặt một cái chòi hình bát giác, thành tàu rất dày làm toàn bằng gỗ mun, tám mặt có 8 khẩu súng thần công. Ngày hoàn thành, Vũ cho hạ thủy, thí nghiệm trước mặt đông đủ các sinh viên trong Quốc tử giám tập hợp ở cửa bể Thuận-An để chứng kiến. Kết quả tốt đẹp, Vũ bèn làm sớ dâng vua nữa, đề nghị xin nhà vua nên quyết định chỉnh đốn hải quân.

Lại một khi quan đầu tỉnh Quảng-Yên có đệ về kinh một khối đá sặc đen biếc, trong bản phúc trình tâu rõ : « Đám thuyền chài ở gần bể, một hôm đào hầm đất đến từng sâu, thấy có nhiều lớp đá ấy, đua nhau đào lấy, đổ làm vua bếp để thồi nấu, rồi thấy phát cháy thành ngọn lửa và sức nóng lắm. Cho là một thứ

đá lạ, họ bầm lên quan địa phương. Quan địa phương bầm lên tỉnh. Không ai biết là thứ đá gì nên phải đệ về kinh tâu trình.

Vua Tự-Đức hỏi các quan : Vũ-duy-Thanh giải thích :

— Đá này chỉ là vật thường. Theo như điều hạ thần đã đọc ở các sách, đời Hán-vũ-Đế, vua đào ao Côn Minh đã thấy. Một nhà sư ở Tây-vực có nói : « Thử thị thiên địa hội kiếp ». Ấy là một thứ tro tàn trong cuộc đổi thay của trời đất. Từ khi có trời đất đến giờ, trải qua bao cuộc đổi thay, mỗi cuộc thay đổi các sinh vật, cỏ cây cũng bị cuốn theo, rồi vùi dập xuống dưới đất sâu. Lâu đời chất nó kết rắn lại mà thành ra thạch. Xét ra là mối lợi, nên tìm cách lợi dụng, vì đã đốt cháy được, tất có thể dùng thay than củi. Nếu miền ấy mà sinh sản thứ đá này nhiều, chính là nguồn lợi lớn của nước nhà. Xin kíp phái quan đến tận nơi xem xét, tìm cách khai lấy.

Tiếc thay ! Kiến thức của Vũ-duy-Thanh quả sáng suốt, đoán đúng nguyên lý sinh ra than đá. Nhưng rồi vua Tự-Đức cũng chẳng quan tâm về nguồn lợi ấy. Thế mà Vũ-duy-Thanh vẫn không chán nản, còn một tắc hơi vẫn còn gắng sức lay chuyển lòng vua, vẫn cứ tâu trình những phương châm làm cho dân giàu nước mạnh.

Rồi đến khi bệnh nặng, Vũ vẫn gượng bệnh, thảo một lá sớ biện rõ về thời sự. Nhưng mới thảo chưa chép sạch lại thì Vũ đã trút hơi tàn ! Về sau, các thuộc quan ở Quốc tử giám có sao lá sớ ấy dâng vua. Đại lược :

« ... Hình thế nước ta chỉ có chịu dài, không có chịu rộng, « từ hai miền Nam Bắc rộng hơn một chút, còn quảng giữa từ « Thanh-hóa trở vào, từ Bình-thuận trở ra, mặt trông ra bể, « lưng tựa vào rừng núi, mỗi tỉnh ở một đoạn. Hốt nhiên tỉnh « nào gặp biển, bị cắt đứt đường giao thông, việc tiếp tế quân « lương tức thì bị ngăn trở. Vả suốt từ Bắc chí Nam chạy dài « theo mé bể, nếu có một nước ngoài đề ý dòm nom, thì bất cứ « chỗ nào họ cũng có thể lọt vào được. Như vậy việc phòng thủ « mặt bể rất quan trọng. Điều cần nhất là phải kíp luyện thủy « quân hậu đãi binh lính và giao quyền hành cho các quan võ ... ».

Chí chưa thành mà thân đã sớm mất, kẻ cũng là một mối hận lòng của Vũ-duy-Thanh. Tuy nhiên, kiến thức rộng, nuôi chí to, lòng trong sạch, ngày nhắm mắt nếu có kiểm điểm lại cuộc đời đã trải, hẳn Vũ vẫn xứng đáng tự hào.

- Kiến thức, tài năng, chí khí của Vũ, chúng ta đã biết. Đến như bảo rằng lòng trong sạch, Vũ cũng trong sạch chẳng ai bằng. Trọn đời, Vũ đã sống cực kỳ đạm bạc, thanh cao liêm khiết đủ mọi bề. Điểm dưới đây minh chứng :

Vịnh suối đá Hàn, một nơi danh thắng ở Quảng-trị còn có câu ca dao truyền tụng : «Chẳng thơm cũng thể Bạch Đàn, chẳng trong cũng nước Đá Hàn chảy ra », Vũ đã lấy làm thích tình, gửi lòng mình :

*« Bụi hồng dong ruổi tới Tràng an
Nghe nói đâu đây suối Đá-Hàn.
Ấy cảnh tự nhiên ai khéo vẽ ;
Mà kho vô tận lúc nào khan.
Bên đường xe ngựa nên dừng bước,
Mượn thú non sông cũng tạm nhàn.
Đây phải Liêm-tuyền chẳng đó tá ?
Muốn đem rửa ruột khách quan san ».*

Còn như muốn luận đến tài văn chương của Vũ-duy-Thanh cho đủ cuộc phẩm bình, thiết tưởng cái danh vị ông « Bảng », ông « Trạng » đủ nói nhiều. Văn hay đã đành, mà nghề chơi văn giốn chữ của Vũ cũng tài tình.

Phụng mạng đi khảo sát hình thể kinh đô cũ của nhà Đinh là Hoa-lư, rồi làm bản tường trình, thay vì thảo văn xuôi, Vũ lại lộng bút dáng trịnh một bản văn vần : Bài phú « *Cổ kinh danh thắng* » lấy vận « *Kể trong chính thống từ đây là đầu* ».

Lại khi Tùng-thiện-Vương cùng Vũ ngâm vịnh làm vui, nhân Tùng-thiện-Vương bảo làm bài thơ « Xuân hưng » Vũ cũng lại lộng bút làm ngay một bài theo lối thuận nghịch đọc, đọc xuôi từ trên xuống thì nguyên văn là chữ Hán, mà đọc ngược lại từ dưới trở lên thì lại là bài thơ chữ nôm.

Đây, một thú chơi thơ của Vũ, đọc xuôi là nguyên văn chữ hán :

Thi đàn tế liễu lộng hoa hài.
 詩壇細了弄花鞋
 Khách bộ tùy sương ấn bích đài.
 客步隨霜印碧臺
 Kỳ cuộc đả phong thanh áp trận,
 棋局打風清壓陣
 Tửu biều nghinh tuyết bạch hòa bôi.
 酒瓢迎雪白和杯
 Sơ liêm thấu nguyệt hương ly cúc,
 疎簾透月香離菊
 Yến tịch lãng hoa vị áp mai.
 宴席凌花味遏梅
 Phi phật thảo am đầu tịnh điểm,
 披拂嶺頭貼靜店
 U tình cố ý thuộc quyên ai.
 於情固意屬涓埃

Đọc ngược lại bài trên đây, từ dưới lên trên, nguyên văn lại là chữ nôm :

« Ai quen thuộc ấy có tình ưa.
 Đêm tạnh dầu am cỏ phất phơ,
 Mai ngát mùi hoa lừng tiệc yến,
 Cúc lìa hương nguyệt thấu rèm thưa.
 Bôi hòa bạch tuyết nghiêng bầu rượu,
 Trận áp thanh phong đánh cuộc cờ.
 Rêu biếc in sương theo lối khách,
 Hài hoa lỏng lẻo tới đàn thơ.»

Phẩm người của Vũ-duy-Thanh cao quý đủ vẻ, cho nên khi Vũ mất, ở Quốc-tử-giám, ngày mồng 4 tháng 4 năm Tự Đức thứ 14 (Mậu ngọ 1858), trong tuần 53 tuổi, ai nấy đều thương tiếc.

Vua Tự-Đức biết nhà Vũ thanh bạch, châu phê hai chữ « Khả mẫu » 可憫.

Linh cữu đưa về quê, ngang qua tỉnh nào nha Học chính cũng kính tế một tuần Rồi sau, an táng nơi cánh đồng Long-sĩ nhằm ngày 17 tháng 5 âm lịch,

Về sau, các thân sĩ trong huyện Yên-Khánh tỉnh Ninh-Bình có làm lễ truy điệu và xây lại phần mộ kỷ niệm một vị tiên hiền của quê hương, nhằm năm Ất sửu 1865, do người học trò của Vũ là Nguyễn-tử-Khanh (1) đứng chủ trương cuộc cải táng, cũng vẫn ở khoảng cánh đồng Long-sĩ-nguyên.

Nơi mộ Vũ, có đôi câu đối do Vũ-phạm-Khải soạn, chữ của nhà danh họa Trung hoa là Trần-á-Sỹ viết :

« Chẽ khoa Đường Tống lai thiên cổ; »

« Cát sĩ Ngu Chu hậu nhất nhân. »

Vũ có hai người vợ, đều là cháu gái quan Tham nghị làng Thư-diễn thuộc huyện Yên-Khánh, tỉnh Ninh-bình, sinh được 2 trai, trưởng là Vũ-duy-Hàm.

Một danh sĩ đương thời có bài thơ viếng :

« Bể vàng bia đá bạc tam khôi.

Giấc mộng phù sinh luống ngậm ngùi.

Rừng Hạnh mây mờ sao Đậu tối,

Vườn Quỳnh nắng dọi đoá mai rơi.

Vài tờ chương sớ nghìn thu để,

Hai chữ châu phê chín bệ soi.

Trên chốn đỏ môn ngày vĩnh quyết,

Tình này cảnh ấy thừa nào người ».

Thi nhân Đình-gia-Thuyết, trong quyển « Non nước Ninh-bình », cũng có mấy vần cảm niệm :

« Khi thiêng nung đúc bởi non sông.

Danh giá rừng Nho cụt Bể Bồng.

Hai chữ khoa danh để tháp nhận,

Muôn năm thề phách táng dưới rồng.

Lập ngôn không nát cùng bia đá,

Ái quốc còn bay ở khoảng sông.

Sự nghiệp văn chương là thế thế,

Khiến ai bằng điệu luống đau lòng ».

(1) Người làng Thư-diễn, cũng trong huyện Yên-Khánh tỉnh Ninh-bình.

PHỤ-LỤC

CỔ KINH DANH THẮNG

(Phủ lấy vận : Kể trong chính thống từ đây là đầu)

Văn Kể :

- 1.) Tượng đá ai xây ; — Bức tranh trời vẽ.
- 2.) Nét mực cò đỏ ; — Dấu xe thịnh đế.
- 3.) Có thành quách, có lâu đài ; — Có đẳng uy, có đường bệ.
- 4.) Sử hầy còn truyền ; — Bia không xiết kể.
- 5.) Nước củ đang hồi mở vận, dựng nền độc lập cơ đồ ; —
Uy thiêng nay đã về thần, còn tướng thái bình nghi vệ.

Văn Trong :

- 6.) *Đang khi* : Cương kỷ rối bong ; Giặc dấy như ong.
- 7.) Kể giữ miền Bắc ; — Người chiếm phương đông.
- 8.) Đất cỗi tan tàn, sứ tướng cắt chia từng mảnh ; — Làm
than tủi nhục, dân ta kết oán ở trong.
- 9.) Vua Đinh thuở ấy là đấng anh hùng ; — Mấy người tướng
tá đều bậc tinh trung.
- 10.) Cùng mưu hợp sức ; — Nhân thế lập công.
- 11.) Chiến trường muôn trận xông pha, trong hoàn vũ đẹp
yên gió bụi ; — Cơ nghiệp năm năm cả định, hội minh
lương được thấy mây rồng.

Văn Chính :

- 12.) Chịu trời quyền mệnh ; — Đường đường chính chính.
- 13.) Mở mặt san hà ; — Vào tay quyền bính.
- 14.) Trời Nam riêng một triều đình ; — Đất Việt không hai
hiệu lệnh.
- 15.) Phúc nước có người trị nước, buổi kinh luân hết thảy
đều trông ; — Số kia đáng vị làm vua, nơi căn bản vậy
nên trước định.

Văn Thống :

- 16.) Định đo Tràng-an ; — Mở nền chính thống.
- 17.) Một là tiện thể tôn nghiêm ; — Hai là tiện đường triều cống.

- 18) Núi mã nghìn trùng xanh ngắt, thành đắp đã cao ; —
Sông Long một giải trong veo, hào đào cũng rộng.
- 19) Nào phủ tía, nào lâu son ; — Nào dài lân, nào gác
phụng.
- 20) Nào trường tập trận đánh giặc nước Chiêm ; — Nào
quán tiếp nghỉ rước quan nhà Tống.
- 21) Trên đường lía trăm quan đô hội, ngựa ngựa xe xe ; —
Dưới cờ đào muôn đạo ngựa binh, chiêm chiêm trống
trống.

Văn Từ :

- 22) Xết trong địa dư ; — Đang buổi bây giờ ;
- 23) Bên tây núi ngấn như mác ; Bên đông bể lặng như tờ.
- 24) Nam giáp châu Hoan châu Ái ; — Bắc giáp nước Sở
nước Từ.
- 25) Cùng dòng chính sóc ; — Cùng mối xa thư.
- 26) Ngâm câu Nam đến Nam cư, khác hẳn những hồi thảo
muội ; — Xem tượng Bắc thần Bắc cực, còn đâu bằng
xứ Hoa-lư.

Văn Đây :

- 27) Phong cảnh tốt thay ! — Đệ nhất là đây.
- 28) Phong-châu khôn sánh ; — Phong-kê nào tày.
- 29) Xem như địa lý họa đồ thấy tàu vẽ kiêu ; — Rồi được
thiên nhiên hình thợ tạo khéo bày.
- 30) Tiếc cho một bức dư đồ âu vàng khôn mẻ ; — Những
tượng muôn năm cơ nghiệp bàn đá khôn lay.

Văn Là :

- 31) Từ khi : Đỉnh hồ khuất ; Ngán hải bóng lò.
- 32.) Sao dời vật đổi ; — Gió táp mưa xa.
- 33.) Thu giang rộng vắng đã lâu, nước xuôi cuộn cuộn ; —
Hoa biều hạc về những muộn, trắng xẻ tà tà.
- 34) Bàn cờ triều thị ; — Giấc mộng quan hà.
- 35.) Hồn quỳên khắc khoải ; — Tiếng đế thiết tha.
- 36.) Xanh um hòa thử một màu, miếu Chu trước coi hình
cũng vậy ; — Xơ xác từng thu mấy khóm, lăng Đường
xưa âu khác chi là.

Văn Đầu :

37.) Khách ở đời sau ; — Viếng cảnh Thần châu.

38.) Sẵn sách đèn ư một túi ; Thi phong nguyệt ư lưng bầu.

39.) Phú nên mấy vận ; — Thơ vịnh vài câu :

40.) *Đã trải bao nhiêu cuộc bể dâu,
 Khiến nay còn nhớ chuyện cờ lau.
 Một vùng sao rạng thanh gươm báu,
 Năm sắc mây phong bộ áo châu.
 Cống cả lưu truyền trong tám cõi,
 Khi thiêng phảng phất dưới nghìn thâu,
 Tràng an nước cũ hương nghi ngút,
 Sùng bái ai ai cũng khấu đầu.*

NGUYỄN-BÁ-THẾ



CÁI CỬA SỔ MỞ (1).— Một tiểu thuyết gia lỗi lạc người Nga — tôi nhớ hình như là Tourgueniev — mỗi lúc làm việc phải cho hai chân vào một chậu nước nóng để dưới bàn, và ngồi ngó mặt ra phía cái cửa sổ mở trống, theo tôi đó có lẽ là cái hình ảnh hoàn toàn nhất của một tiểu thuyết gia. Chậu nước tiêu biểu cho cảm hứng, cho tiềm thức, cho nguồn sáng tạo, (ai muốn gọi thế nào tùy ý). Khuôn cửa sổ mở tiêu biểu cho cuộc đời bên ngoài, cho tài liệu nghệ sĩ dùng để xây dựng tác phẩm.

Bây giờ ta hãy gác chậu nước nóng ra một bên và cứ cho rằng nhà văn mà chúng ta nói đây là một nghệ sĩ chân chính, đầy khả năng sáng tạo ; ta thử xét qua vấn đề chiếc cửa sổ mở và ảnh hưởng của nó đối con người đang ngồi trước bàn giấy.

Sự cảm dỗ đầu tiên, và cũng là sự cảm dỗ mạnh mẽ nhất của cảnh vật bên ngoài chiếc cửa sổ mở là khiến nhà văn

(1) Nhan đề do người dịch đặt.

đóng cửa lại và buông rèm xuống. Nhưng sự phản ứng trông như rất đơn giản ấy lại có nhiều điểm lý-thú và khác nhau. Có lẽ cái cử chỉ ấy thành ra nguy hiểm nhất là vì nó có vẻ rất tự nhiên. Nhà văn cần tập trung tư tưởng ; ông ta dễ bị xúc động. Nếu đề cửa sổ mở thì ông ta phải luôn luôn cố gắng hết sức để chịu đựng những tiếng la chát chúa, nói cười âm ỉ, tiếng rên siết và tiếng gào thét bất thần của chiến tranh tràn vào trong phòng.

Sức cảm dỗ khiến nhà văn muốn đóng cửa sổ lại còn xuất hiện dưới một hình thức khác không giống tí gì với hình thức cổ truyền của các sự cảm dỗ, mà còn hoàn toàn trái ngược với hình thức ấy nữa là khác. Kẻ cảm dỗ không kêu gọi đến những dục vọng về xác thịt, mà lại viện đến những điều cao xa về tinh thần. Nó dùng đến những tiếng : Hòa bình, Mỹ thuật, và có lẽ đến cả Niềm Cảm Thông của Thượng đế để làm mờ mắt quyến rũ. Con quỉ không muốn thu nhận linh hồn ta, mà lại muốn giao cho ta. Nó thì thầm: «Hãy đóng cửa sổ lại. Thế giới đã tuyệt vọng rồi. Có hành động gì cũng vô ích. Thôi, buông rèm xuống, cố mà quên đi những tiếng gào thét man rợ của chiến tranh, hãy để cho hai tai được nghỉ ngơi trong im lặng và hai mắt nóng bỏng được tắm trong cái ánh sáng mờ mờ của vĩnh viễn ».

Thế rồi bên trong những cánh cửa sổ kín bưng, xuất hiện những công trình xây dựng quái lạ, có khi cũng đẹp dễ, những cây kiềng trồng trong lồng gương, những tình tiết và những nhân vật giả tạo. Cái tháp ngà chỉ là một hình thức tạm bợ của gian phòng đóng kín. Còn có những hình thức khác nữa ; bởi vì, điều này thực lạ lùng, chuyện trang trí, vẽ vờ cho cái phòng kín buông rèm ấy là một chuyện hợp với « mốt » của thời đại, tuy rằng « mốt » và thời đại là những thứ coi như không thể lọt vào trong phòng được. Cái tháp ngà là công trình của những nhà thẩm mỹ ; còn có những công trình khác của các nhà đạo đức nữa. Những kẻ ở đây không đánh đàn chơi trong khi thành La-mã phát hỏa : họ tụng kinh. Và cái phòng kín buông rèm có thể trở thành một ngôi giáo đường, trong đó một tiểu thuyết gia râu ria người Nga ngân nga câu Thánh ca

để sám hối về cái dĩ vãng cách mạng của mình ; nó cũng có thể trở thành một thứ hồ cá dưới đáy bể chứa những quái vật lượn trong ánh sáng dây lân quang của những miền sâu thẳm thẳm, hay trở thành cái ngực phòng lót nệm của Guy de Maupassant và của Gérard de Nerval. Biến dạng cuối cùng của nó có lẽ là một ngôi nhà tu kín ở xứ xa trong đó người ta thực hành sự tu luyện của m t đạo sĩ. Hình như sau thời kỳ cách mạng phải tiếp đến một thời kỳ Đạo Sĩ. Và đó là sự Cầm đồ số 1.

Trong trường hợp Cầm đồ số 2, ảnh hưởng của chiếc cửa sổ mở đối với tiểu thuyết gia không phải tác động dưới hình thức một sức dồn nén vào trong, mà lại là một sức hấp dẫn ra ngoài. Kẻ ngồi trước bàn giấy không muốn đóng cửa lại, mà muốn chồm người ra bên ngoài. Ông ta thấy những sự việc ngoài đường mà thú quá, đến nỗi tự mình cũng hoa tay múa chân, gào hét la lối theo. Vừa rồi ta gặp một khả năng sáng tạo nguyên vẹn, không đụng chạm với thực tại, bây giờ ta lại gặp một sự tiếp xúc nóng hổi với thực tại mà quá trình sáng tác không kịp tiêu hóa. Vì muốn chồm ra ngoài quá xa, nên nhà văn của chúng ta phải rút chân ra khỏi chậu nước ; nói theo danh từ chuyên môn, thì ông ta hết là tiểu thuyết gia nữa, mà trở thành một kẻ viết phóng sự. Đó là lý do thất bại của nhiều văn sĩ trong thời kỳ cách mạng

Trong thời kỳ ấy đọc tiểu thuyết người ta cứ tưởng chừng như là đọc những bức điện văn của thông tin viên chiến tranh từ mặt trận giai cấp đấu tranh gửi về. Nhân vật trong những quyển tiểu thuyết ấy đều không có chiều sâu, đều là những sinh vật hai chiều như những cái bóng cầu xé nhau trên một bối cảnh bằng lửa.

Trong tiểu thuyết thời kỳ cách mạng, nhân vật có một chiều thuộc về giai cấp họ (chiều dài), và có thể kể thêm một chiều nữa thuộc về phái tính (chiều rộng), nhưng chiều thứ ba, cái chiều phi lý (chiều sâu), thì hoặc mất hẳn hoặc bị co rút lại.

Trong thời kỳ đạo sĩ, chiều phi lý trở lại phát triển và vượt xa tất cả các chiều khác. Một số ít tác giả có thể vượt quá thời kỳ cách mạng đề tồn tại mãi chính là những kẻ không chịu để mất hút chiều phi lý ngay giữa lúc gay cấn nhất của cuộc chiến đấu — chẳng hạn như : Silone và Malraux. Nhưng đó là những ngoại lệ hiếm hoi.

Như vậy vừa mở tung cửa sổ vừa nhúng chân được vào trong chậu nước nóng thực là khó khăn. Tuy thế vẫn có nhiều tiểu thuyết gia, xưa cũ g như nay, đã giải quyết được bằng một lối hòa giải ; và lối hòa giải ấy là chủ yếu của sự cảm dỗ số 3.

Bây giờ thì cửa sổ không mở, không đóng, mà chỉ hé " ở, và rèm thì buông xuống nửa chừng, chỉ cho thấy được một phần cảnh vật bên ngoài, mà che lại hết những cảnh tượng dễ xao động đến tâm hồn của nhà văn nhất. Tác giả lại có thể đặt một ống viễn kính nhỏ ở chỗ lỗ trống của bức rèm để nhìn thực rõ ràng một phần nhỏ ngoại cảnh, có lẽ là một phần không quan trọng mấy. Như vậy người ta có thể thực hiện được những tác phẩm có giá trị vững chắc, tuy rằng xây dựng bằng những mẫu hiện tượng chấp nối vụn vặt của thế giới bên ngoài — ấy là ái tình mà không nam nữ, lao động không có mồ hôi, giai cấp đấu tranh mà không thù hằn, u buồn ảm đạm mà không có tiện bí. Ta có thể quay ống viễn kính về hướng khác, hoặc không mở cánh cửa bên mặt mà lại mở cánh cửa bên trái. Thế là ta có nam nữ mà không có ái tình, và một thứ hình ảnh chi li rõ ràng của chứng tiện bí, của sự thù hằn, của mồ hôi. Cái lối nhìn từng mẫu vụn chấp nối ấy đã từng tạo ra được những tác phẩm có giá trị. Như vậy tại sao theo cái phương pháp có hiệu quả ấy ta lại cho ta là « bị cảm dỗ », và tại sao bắt buộc cái cửa sổ phải mở toát ra ? Vì phương pháp nhìn qua lỗ rèm ấy thỉnh thoảng có thể cho chúng ta thực hiện được những kiệt tác về điệu xảo kỹ thuật chẳng hạn như trong loại tiểu thuyết mới thời kỳ nữ hoàng Victoria hay loại thuyết tả thực ; nhưng mà đối với loại tiểu thuyết được xem như một nghệ thuật thì

phương pháp ấy nhất định đưa đến một tử diêm. Chúng ta khen Dickens và khen Zola, nhưng sự khen ấy lúc nào cũng có nhuộm một chút khoan dung độ lượng...

THU THỦY dịch

ARTHUR KOESTLER

(trích *Les Tentations du romancier*,
trong *le Yogi et le Commissaire*)



VIỆN TRỢ KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI LÀ NHỮNG KHÍ GIỚI TẤN CÔNG NGUY HIỂM CỦA KHỐI CỘNG SẢN. — Từ lâu lắm, cộng sản quốc tế thường gây hấn khắp nơi trên thế giới. Các nước trong khối tự do đã quen lắm với sự len lỏi, về phương pháp cùng nhân viên gián điệp Nga, dưới hình thức các đoàn văn nghệ lưu diễn, các chuyên viên, kỹ thuật gia, hoặc cả những gián điệp nhà nghề.

Song từ 1954, người ta thấy xuất hiện tại các nước ở Phi-châu, Á-châu, Nam Mỹ một loại người điển hình mới ; đó là những kỹ sư, những nhà bác học vật lý học, những nhà khảo cổ v.v... Những người này đến các xứ kể trên một cách kín đáo, tỏ ra thông thạo về tài nghệ của ngành mình, và rất biết trọng pháp luật. Mục tiêu của họ không nhằm làm rối loạn an ninh, trật tự những xứ mà họ đề chân đến. Họ nhận nhiệm vụ lâu dài gì về sau, chưa kể đến vội, song ban đầu, bản phận của họ hãy là những chuyên viên giúp các nước chậm tiến.

Năm 1960, có chừng 4 700 chuyên gia kinh tế của các nước cộng sản đến các quốc gia Trung Đông, và Á châu (các nước Ả-rập) trong số có 300 cho Phi-châu và 300 khác cho Cuba, A-căn-đinh. Các chuyên gia này làm những cuộc điều tra, làm cố vấn,

giúp đỡ dụng cụ, thu thập tài liệu để tổ chức các xí nghiệp với viện trợ kinh tế kỹ thuật của khối cộng sản.

Ở A-Phú-Hản, họ xây bể đựng dầu lửa, làm đường, hệ thống dẫn nước, thủy điện. Ở I-rắc, họ thành lập nhà máy chế các thứ axit, nhà máy chế biến các loại kim khí, một hãng chế dược phẩm. Ở Guinée, những cố vấn kỹ thuật và hành chính Nga đã nhúng tay vào công việc điều khiển các cơ quan tài chính, giao thông.

Tại Ấn-Độ, trong thời gian gần đây, chừng 1200 chuyên gia kinh tế cộng sản làm việc ở trong 50 cơ sở quan trọng. Các kỹ sư Nga đã dựng lên ở Elibai một nhà máy thép, có thể sản xuất được 2 triệu rưỡi tấn một năm. Họ đang xây cất hai nhà máy lọc dầu, một nhà máy chế tạo khí cụ nặng và nhiều hãng chế dược phẩm.

Ở Ai-cập có chừng một ngàn kỹ sư Nga hợp tác để thực hiện một trăm đề án : 6 xưởng chế máy móc, 12 hãng dầu lửa, 3 nhà máy chế tạo thực phẩm, một đường xe lửa, một hệ thống dẫn thủy, một phòng thí nghiệm nguyên tử năng, song công việc làm lớn lao nhất của Nga ở Ai-cập về tiền và kỹ thuật, là xây cái đập nước khổng lồ Assouan, có thể dẫn nước cho 80 vạn mẫu tây đất mới khẩn.

Ở Cuba, các chuyên viên Nga nỗ lực làm việc để đưa nền kinh tế nước này sát nhập vào với khối cộng sản. Họ nhúng tay vào việc xuất cảng mía để nhập cảng dầu lửa Nga, khai thác các hầm mỏ, và nhiều ngành kỹ nghệ khác, trước kia vốn ở trong tay Mỹ.

Tất cả những cố gắng viện trợ của Nga là cả một cái gì bí mật rộng lớn. Trong 6000 nhà chuyên môn và kỹ thuật đang hoạt động ở các nước kể trên, mang một tính cách chính trị chống đối mạnh mẽ với thế giới tự do.

Trong bảy năm nghĩa là từ ngày phát động cuộc phản công kinh tế, bọn cộng sản đã vãi ra chừng 5 tỷ Mỹ kim, trong số có 75% của Nga, 21% của các nước chư hầu Tây phương và 4% của Trung-hoa đỏ. Các nhà ngoại giao cộng sản không lạ gì sự nghi

ngờ và khinh bỉ của các dân tộc Á-Phi về mọi viện trợ, cho nên họ làm bộ tuyên bố rằng những viện trợ đó không mang điều kiện chính trị nào. Để các dân tộc này được yên lòng, bề ngoài, họ nói các viện trợ của họ là một thứ cho vay dài hạn, trả trong 12 năm, lãi 2,5%, và trả bằng các sản phẩm trong xứ.

Đồng thời, bọn cộng sản tìm cách tẩn công về phương diện thương mại nữa. Sau thời đại chiến, họ bán hàng búa theo giá thường, nghĩa là với giá thị trường quốc tế, nhưng những năm gần đây, ở nhiều trường hợp, họ bán dưới giá thị trường, hoặc ký những hiệp ước đặc biệt cho phù hợp với đường lối chính trị của họ.

Chẳng hạn, nước Nga tuy sản xuất đủ bông sợi để dùng cho trong nước, thế mà lại bán ra 360 ngàn tấn, liệt vào hạng thứ ba trong các nước trên thế giới xuất cảng bông. Bọn Nga cho nhập cảng bông sợi vào các nước, mà họ toan tính có thể gây được nhiều ảnh hưởng chính trị. Trong khi ấy, thì họ lại mua bông sợi của Ai Cập để cho nước này lại trả tiền cho họ về công cuộc xây dựng đập nước Assouan. Ở một trường hợp khác, chẳng hạn như ở Cuba, khi Mỹ không mua đường cho Castro nữa, thì Nga gánh lấy, chịu mua tất cả số đường, với điều kiện trả bằng dầu lửa và vũ khí.

Mùa hạ năm ngoái Nga bán cho Ấn dầu lửa dưới 11% giá thị trường thế giới, trong khi ấy thì các quốc gia Tây phương buộc lòng cũng phải hạ giá bán, đồng thời gây sự phản ứng của các nước sản xuất dầu lửa Á-Rập, toan tính muốn thu lợi đến 50%. Sự hạ giá dầu lửa này, kéo theo mối mâu thuẫn giữa các hãng dầu Tây phương và các quốc gia Á-Rập, khiến cho tình trạng kinh tế và xã hội ở Trung Đông sút kém; Nga Sô không bỏ lỡ cơ hội thọc gậy vào bánh xe.

Các tay trùm ở điện Cẩm-Linh luôn luôn nói rằng « Nga Sô chỉ hoàn toàn chú trọng đến một cuộc « thương mại hòa bình » song chúng ta đừng quên rằng hồi đầu cuộc cách mạng cộng sản, Léonide Krassine ủy viên nhân dân ngoại thương đã tuyên bố rằng: « khi không có chiến tranh, cuộc chiến đấu ở mặt trận kinh

tế luôn luôn tiếp diễn, mà nhất là ở địa hạt ngoại thương». Lỗi tự thủ ấy mang một ý nghĩa mới và bị dát vào ánh sáng của những hiệp ước kinh tế của Nga Sô và những mưu toan của Krushev muốn « vượt Mỹ ở địa hạt kinh tế ».

Cuộc tấn công kinh tế của Nga nhằm vào tất cả các nước trên thế giới. Đối với các quốc gia tự do chỉ có một cách đối phó : xiết chặt hàng ngũ, hợp thành một chiến tuyến kinh tế chung, và không bao giờ để cho bị lôi kéo bởi những điều kiện thương mại dù lố bịch đến đâu của khối cộng sản. Về quân sự đã có « phòng thủ Bắc đại tây dương », bây giờ điều cần là phải tổ chức ngay, trên địa hạt quốc tế một công cuộc phòng thủ kinh tế chung ; mà điều quan trọng là phải thi hành mau chóng, vì nền kinh tế của các quốc gia trong khối tự do đang bị đe dọa.

HÀM ANH

(Theo A - Visson)



TRUNG-HOA SAU 12 NĂM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN. — Ngày 1 tháng 10 năm 1961, Đảng Cộng sản thống trị Trung Hoa tính được đúng 12 năm. Ngày đó, Bắc kinh đã tổ chức long trọng và tuyên bố rùm beng những thành tích Mao trạch Đông đã đạt được.

Cộng sản tuyên bố rằng, dưới sự lãnh đạo của họ, một nước Trung Hoa mới đã phát sinh và nảy nở, theo đúng đường lối của Marx, Lénine và Mao. Nếu ta quan sát những biến chuyển quan trọng xảy ra trong 12 năm, dưới chế độ Cộng sản, cùng những đường lối phát triển của nước Trung Hoa mới, ta có thể đoán trước được kết quả thành hay bại của cuộc thí nghiệm vô tiền khoáng hậu này.

Những biến cố quan trọng trong triều đại Mao trạch Đông được tóm tắt trong bảng lược kê sau đây theo thứ tự thời gian

với những nhận định về các ảnh hưởng của nó đối với nhân dân Trung Hoa cũng như đối với các dân tộc khác trên thế giới.

BẢNG LƯỢC KÊ NHỮNG BIẾN CỐ QUAN TRỌNG THEO THỨ TỰ THỜI GIAN TẠI TRUNG HOA LỤC ĐỊA DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

- 1-10-1949 — Chính phủ Nhân dân Trung Hoa thành lập tại Bắc kinh
- 1- 5-1950 — Ban hành đạo luật mới về Hôn nhân
- 30- 6-1950 — Công bố Đạo luật về Cải cách ruộng đất
- 14-10-1950 — Chi nguyện Quân Trung cộng lên lút thăm nhập Triều Tiên
- 26-11-1950 — Quân Trung cộng tấn công Quân Liên hiệp Quốc ở Bắc Triều tiên.
- Tháng 8-1951 — Phát động chính sách Tam phần
- Tháng 9-1951 — Quân Trung cộng tiến vào Lhasa
- Tháng 11-1951 — Phát động chính sách Ngũ phần
- Tháng 2-1952 — Chu ân Lai vu cáo Hoa kỳ xử dụng bom vi trùng
- Tháng 12-1952 — Công bố Đề Nhất kế hoạch Ngũ Niên
- 27-7-1953 — Ký kết ngừng chiến ở Triều Tiên — 74% tù binh Trung cộng không chịu hồi hương về Trung hoa.
- Tháng 1-1954 — Công bố kế hoạch Nông nghiệp tập đoàn
- Tháng 2-1954 — Lưu thể Kỳ bắt đầu thanh trừng trong Đảng
- Tháng 6-1954 — Công bố Hiến pháp mới
- Tháng 2-1955 — Quân cộng sản chiếm đóng đảo Đại Trần
- Tháng 5-1955 — Việc Hồ phong với giới văn sĩ Trung hoa
- Tháng 5-1956 — Lục đình Nhất phát động phong trào « Trăm hoa đua nở »
- 31-7-1956 — Quân Trung cộng tràn vào Miến Điện
- Tháng 4-1957 — Mao trạch Đông mở « chiến dịch sửa sai »
- Tháng 6-1957 — Tranh đấu chống nhóm khuynh hữu
- Tháng 5-1958 — Phát động chiến dịch « Bước tiến nhảy vọt »
- 29-8-1958 — Thành lập các « Nhân dân công xã »
- Tháng 9-1958 — Trọng pháo Trung cộng tấn công đại quy mô vào Kim môn

- 10-3-1959 — Tây tạng nổi dậy
- Tháng 3-1959 — Phiến loạn được Trung cộng đỡ đầu đe dọa Lào quốc
- tháng 9-1959 — Phát động chiến dịch chống nhóm « Khuynh Hữu »
- Tháng 8-1960 — Những sự xích mích giữa Nga Sô và Trung cộng trở nên trầm trọng.

ĐẠO LUẬT HÔN NHÂN

MỘT trong những đạo luật quan trọng được Bắc - Kinh ban hành đầu tiên là đạo luật về Hôn nhân, được quốc hội Trung-cộng chấp thuận ngày 13-4-1950. Trung-cộng vẫn cố giải thích rằng đạo luật này giải phóng phụ nữ khỏi bị phong kiến áp bức, nhưng mọi người đều thấy thâm ý của Trung-cộng chỉ là muốn phá đổ chế độ gia đình cổ truyền ở Trung-Hoa, và cho rằng chế độ này làm cản trở sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng sản. Hiện Đảng Cộng-sản đang cố tìm cách thay gia đình trong nhiều nhiệm vụ để điều khiển dân chúng. Tờ Nhân dân nhật báo, cơ quan ngôn luận của Đảng, đã bình luận trong số ra ngày 5-5-1955 rằng: « Vấn đề hôn nhân và mọi vấn đề liên hệ đến gia đình không thể được coi như là những vấn đề chỉ thuộc về đời sống cá nhân, vì đó là một quan niệm sai lầm và một chiu ». Khi cho thi hành Đạo luật về Hôn nhân, Cộng-sản đã chỉ thị: « Thực hiện cải cách về Hôn nhân không phải chỉ là nhiệm vụ của Tòa án và các Hội Phụ nữ địa phương .. Dân chúng cũng phải tham gia vào những cuộc hội họp công cộng, tố cáo những kẻ không muốn sống theo khuôn khổ của đạo luật mới. Chúng ta cần phải thanh trừng lớn lao và mạnh mẽ » (Nhân dân Nhật báo 29-9-1951). Kết quả là đã xảy ra không biết bao nhiêu vụ ly dị, tự vẫn và cưỡng bách. Tới cuối năm 1953, Mao-trạch-Đông được chính thức báo cáo chỉ có 15% phụ nữ Trung-Hoa chịu tuân theo đạo luật mới (Nhân dân nhật báo 19-11-1953.) Tuy nhiên trước sự đàn áp mãnh liệt của Cộng sản cuộc chống đối của dân tộc Trung-Hoa không thể kéo dài mãi

mãi được cho nên đạo luật về hôn nhân lâu dần cũng đạt được kết quả mong muốn là làm tan rã chế độ gia đình, nền móng của xã hội Trung-hoa.

MỘT ĐẠO LUẬT CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

TRONG những kế hoạch dự tính để cải tổ Trung-hoa cho đúng với đường lối Cộng sản, đạo luật cải cách ruộng đất được nêu cao hơn hết và được ban hành ngày 30-6-1950. Trung-cộng đã phát động phong trào chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân. Lưu-thế-Kỳ, lý thuyết gia của Đảng đã giải thích như sau :

« Phần quan trọng nhất của chính sách cải cách ruộng đất là việc tịch thu ruộng đất của địa chủ để phát cho nông dân vô sản. Do đó, thành phần địa chủ sẽ không còn tồn tại trong xã hội và chế độ địa chủ phong kiến bóc lột sẽ được thay thế bằng chế độ nông dân làm chủ ruộng mình cấy ».

Biện pháp để thực hiện kế hoạch rất là tàn ác cũng như mọi biện pháp vẫn được Cộng sản áp dụng thông thường. Cán bộ cộng sản xúi dục và cầm đầu nông dân tổ chức nhiều cuộc hội họp để tập « xỉ vả », « thanh toán » và « đấu tố », với mục đích kích thích lòng công phần của nông dân. Cuối cùng, các địa chủ bị lôi ra trước các « Tòa án Nhân dân » để dân chúng (đã được kích thích từ trước), tố cáo, xỉ vả, phỉ nhổ, ném đá và kết thúc bằng những cuộc hành quyết tức khắc, hoặc lên án khổ sai, hoặc bắt chịu những hình phạt dã man khác. Ước lượng, trong thời kỳ khủng khiếp này, hơn 1 triệu rưỡi địa chủ bị hành quyết và hàng triệu địa chủ đã bị xử khổ sai hoặc những hình phạt ghê gớm khác. Còn số người đã tự vẫn hoặc đã trốn ra ngoại quốc thì không sao có thể ước lượng được, chính cộng sản cũng đã thú nhận sự tàn nhẫn của chúng. Sau đây là lời thú nhận của Teng Tsu Hui, hồi tháng 12 năm 1950 : « Cải cách ruộng đất là một chính sách tranh đấu mới mẻ nhất và cũng dã man nhất để loại trừ những ảnh hưởng xấu của phong kiến. Chúng ta sẽ làm lỗi vô cùng, về phương diện chính trị, nếu chúng ta chỉ coi chính sách này như một cuộc phân chia ruộng đất không thể thực hiện

một cách ôn hòa được, vì như vậy là sai lập trường và chắc chắn sẽ thất bại »

Đợt thứ nhất của công cuộc cải cách ruộng đất được coi như hoàn tất vào cuối năm 1952. Ruộng đất của các địa chủ đã được đem chia cho các nông dân vô sản. Trung bình, mỗi gia đình được một nửa mẫu tức là chưa đủ để bảo đảm một mức sống tối thiểu. Khi công cuộc cải cách ruộng đất sắp hoàn thành, cộng sản đã bắt đầu lập các Hội Tương trợ và sau đó đẩy mạnh việc tổ chức các Hợp tác xã. Những biện pháp này chứng tỏ ý định của cộng sản muốn chấm dứt chế độ tư sản để tiến đến việc hợp tác hóa toàn diện về nông nghiệp. Đảng cộng sản công bố quyết định hợp tác hóa nông nghiệp vào tháng 1 năm 1954. Mặc dù nông dân phản kháng dữ dội bằng cách phá hoại rừng rú, giết hại gia súc đầu điểm mùa màng thâu hoạch được, đến giữa năm 1956, giai cấp địa chủ cũng đã bị hoàn toàn tiêu diệt nhưng các nông dân Trung hoa lại trở thành tá điền như cũ — tá điền cho Đảng — và chỉ còn 1 giai đoạn nữa — giai đoạn thành lập Nhân Dân Công Xã — là xã hội nông dân cổ truyền Trung hoa hoàn toàn biến mất hẳn.

XÂM CHIÊM TRIỀU-TIÊN

MAO - trạch - Đông lãnh đạo chưa được một năm, Trung Cộng đã tỏ vẻ muốn sử dụng võ lực trong vấn đề bang giao với các nước lân cận. Ngày 14-10-1950 chỉ nguyện quân Trung cộng đã bí mật đổ bộ vào Triều tiên và ngày 25-11-1950, tấn công quân Liên-hiệp-Quốc đang tiến đến gần vùng sông Yalu. Hành động như vậy, chúng tuyên bố là để giúp Bắc Triều-tiên chống lại sự xâm lăng của Quân Liên-hiệp-Quốc do Mỹ quốc chỉ huy. Đại hội đồng Liên-hiệp-Quốc đã lên tiếng trong thông cáo ra ngày 2-2-1951. « Do những hành động trực tiếp giúp đỡ và viện trợ những kế hoạch tấn công Triều tiên và do sự xung đột với quân Liên-hiệp-Quốc đồn trú tại nước này Trung cộng đã phạm vào tội xâm chiếm Triều-tiên ».

Với ý định khiêu khích, Trung cộng đã không đếm xỉa gì đến lời cảnh cáo của Liên-hiệp-Quốc, vẫn tiếp tục phung phí sinh

mệnh thanh niên Trung hoa cùng tài sản của nhân dân sản xuất để kéo dài một cuộc chiến tranh bế tắc và không ích lợi gì.

Việc ký kết ngừng chiến ở Triều-tiên đã đem lại một kết quả bất ngờ : 14.000 tù binh Trung hoa (74% của tổng số tù binh) bị bắt giữ ở Nam Triều-tiên, không chịu trở về quê quán ở Trung hoa, mà lại xin cho được sinh sống ở Đài Loan.

CHIẾN DỊCH TAM PHẢN VÀ NGŨ PHẢN

CHIẾN dịch tam phản (phản tham ô, phản lãng phí, phản quan liêu) được phát động vào tháng 8 năm 1951 để loại trừ những thói quan liêu của Đảng viên và viên chức chánh phủ. Chiến dịch ngũ phản có mục đích tiêu diệt những hành vi thông thường của giới thương gia và kỹ nghệ gia Trung Hoa như : hối lộ, trốn thuế, gian lận, chiếm đoạt của công và tiết lộ bí mật kinh tế quốc gia.

Mục đích của các chiến dịch này là làm cho Đảng có toàn quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến quốc gia hoặc đến nền kinh tế. Tại các đô thị, các chiến dịch này cũng xử dụng phương pháp khủng bố như khi phát động chính sách cải cách ruộng đất ở các thôn quê.

Cũng vẫn những trò cũ như hội họp quần chúng để đấu tranh cưỡng bách thú tội, xử dụng bạo lực để uy hiếp tinh thần, rồi giết hại nhân dân, kết quả các chiến dịch này đã giúp các lãnh tụ Cộng sản được toàn quyền điều khiển nền kinh tế và chính phủ.

PHONG TRÀO « TRĂM HOA » VÀ SỬA SAI

“MUỐN văn chương, nghệ thuật và khoa học phát triển được mạnh mẽ, ta cần phải áp dụng chính sách « đề trăm hoa » cùng đua nở và tất cả các học thuyết được lên tiếng trình bày quan điểm của họ ».

« Đảng ủng hộ chính sách Tự do Tư tưởng trong các lãnh vực văn hóa, nghệ thuật và nghiên cứu khoa học, tự do thảo

luận; tự do sáng tác, tự do công kích, tự do phát biểu ý kiến và tự do giữ vững lập trường. Chính sách tự do mà chúng ta ủng hộ đây, khác hẳn với chính sách tự do của bọn tiểu tư sản dân chủ ».

Với những lời tuyên bố trên, ngày 26-5-1956, Lục-dinh-Nhất, chỉ huy cơ quan tuyên truyền của Trung-cộng đã phát động chính sách « Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng » với mục đích « sửa sai » những khiếm khuyết của Đảng. Trong bài diễn văn khét tiếng nhan đề là « Mâu thuẫn » Mao-trạch-Đông đã truyền bá chính sách này cho toàn thể nhân dân Trung-Hoa.

Phái trí thức lúc đầu cũng còn dè dặt, nhưng sau cho rằng Trung-cộng thành thực muốn thi hành chính sách « trăm hoa đua nở », tin tưởng rằng các lãnh tụ Cộng sản muốn mời mọi người phát biểu những phê bình xây dựng có thể có lợi cho tổ quốc nên một số đảng viên dân chủ cùng với một số văn hào bắt đầu lên tiếng. Chỉ trong vòng vài tháng, luồng dư luận phê bình, lúc đầu nhẹ nhàng đã biến thành một dòng thác lớn. Cộng sản chỉ cần dân chúng đưa ra một vài đề nghị ôn hòa và kín đáo, đã phát hiện cả một luồng sóng phản đối mãnh liệt, đe dọa phá hủy tất cả chế độ. Cảm thấy nguy biến, Cộng sản đàn áp mạnh mẽ để chặn đứng làn sóng phê bình này. Một cuộc đấu tranh dữ dội chống khuynh hữu được tổ chức và chẳng bao lâu nhờ bất hết rễ đám « cỏ dại » đã mọc lên trong vườn « Trăm hoa đua nở ». Rút cục, phái trí thức, một lần nữa, lại trở về tình trạng cũ, âm thầm và thụ động tuân theo những chỉ thị của chính phủ. Tới nay phái trí thức không còn tin vào những lời tuyên bố hứa hẹn của Cộng sản nữa, đúng với câu tục ngữ của Trung-hoa : « Kinh cung chi điều... »

XÂM LĂNG MIỀN-ĐIỆN

VÀO tháng 7 năm 1956, quân Trung-cộng tràn vào lãnh thổ Miến-Điện và chiếm đóng những vùng đất chưa có giới hạn rõ rệt ở giữa biên thùỵ Hoa Miến. Đây chẳng phải lần đầu tiên Miến-Điện bị xâm lăng, nhưng cuộc xâm lăng này có tính cách đe dọa hơn vì Trung-cộng có ý định đoạt hẳn những nơi đã

chiếm đóng. Hành động này có mục đích rõ rệt là buộc chính phủ Miến-Điện phải nhượng bộ trong việc dàn xếp về vấn đề biên giới.

Sau nhiều cuộc thương thuyết, Trung-cộng lại rút quân về, nhưng một lần nữa, Trung-cộng đã chứng tỏ ý định xử dụng vũ lực, ở bất cứ trường hợp nào để đạt được những tham vọng mở rộng đất đai của mình.

CHÍNH SÁCH NHÂN DÂN CÔNG XÃ

TRONG báo « Ngoại Vụ » xuất bản tháng 7 năm 1957, ông Albert Ravenholt đã viết về công xã Trung cộng :

« Từ trước đến nay rất ít khi, có thể nói được là chưa bao giờ — đời sống của một số đông nhân dân đã được phân định lại một cách đậm máu và trong một thời gian ngắn ngủi như vậy ».

Cộng sản hãnh diện khoe khoang rằng các Nhân dân Công xã, không những làm cho mức sản xuất được tăng gia, mà còn đem đến cho mọi người một đời sống mới.

Nhưng, đối với các kẻ đã tạo ra chính sách Nhân dân Công xã, con đường này cũng không hẳn phẳng lặng hoàn toàn, không có gì cản trở. Công cuộc chuyển tiếp không được dự tính kỹ càng, nên sản xuất về nông nghiệp bị sút kém rất nhiều. Trong các phòng ăn công cộng, thực phẩm không được tốt và không đủ ăn, nên dân chúng đã đòi xin cải thiện. Nhiều cán bộ quá sốt sắng bắt buộc cha mẹ phải giao con cái cho các nha giữ trẻ, nhưng sau đó cũng nhận thấy cần phải nhân nhượng và cho phép cha mẹ được nhiều thì giờ săn sóc con cái hơn. Việc thiết lập hàng ngàn lò đúc theo kế hoạch của công xã không có lợi cho việc sản xuất nên đã phải phá bỏ.

Mặc dầu sai lầm và thất bại, mặc dầu nhân dân công phần, các lãnh tụ Trung cộng vẫn khăng khăng theo đuổi chính sách Công xã cho đến cùng. Theo suy luận của Cộng sản, chính sách Nhân dân Công xã sẽ đạt được kết quả là tiêu diệt hết nhân vị

và biến con người thành những công cụ để phục vụ chính phủ. Một trong những kết quả tai hại nhất của chính sách này là chính phủ đã thay thế cha mẹ trong vấn đề dạy dỗ con cái. Như vậy, nếu Cộng sản thành công trong chính sách Nhân dân Công xã thì những thiếu nhi, mầm hy vọng của tương lai, khi khôn lớn, sẽ không biết gì hơn những điều đã được nhồi sọ về tư tưởng, về nhiệm vụ và về điều kiện sinh hoạt.

VĂN ĐỂ TÂY-TẠNG

SAU khi Trung cộng nuốt lời tuyên bố năm 1958, không chịu trả quyền độc lập cho Tây Tạng lại còn tịch thu ruộng đất của nhân dân xứ này để cấp cho dân Trung cộng di cư sang, buộc dân chúng làm lưng như bọn nô lệ và nhất là trực tiếp đe dọa vị lãnh tụ tinh thần đầy uy quyền của họ là Đức Đạt lai Lạt ma nên ngày 10-3-1959 nhân dân Tây-tạng đã vùng lên đánh đuổi quân Trung cộng áp bức, Trung cộng đã đàn áp vô cùng dã man. Mặc dầu nghĩa quân kém vũ khí, không được huấn luyện về quân sự nhưng nhờ tinh thần chiến đấu rất cao nên đã gây nhiều thiệt hại cho Trung cộng. Những tin tức về xứ Tây tạng xa xôi, hẻo lánh không được liên tục và đầy đủ nhưng có một điều người ta biết chắc chắn rằng là dân Tây tạng vẫn tiếp tục kháng chiến một cách anh dũng ở nhiều địa điểm. Như vậy việc Trung cộng chiếm đóng Tây tạng chưa thể coi như kết thúc.

Trong bản phúc trình công bố ngày 5-6-1959, Ủy ban các Luật gia Quốc tế bình phẩm khá rõ ràng tư cách của Trung cộng trong việc cai trị Tây tạng và kết luận rằng :

« Những biến cố xảy ra đã chứng tỏ có sự cố ý xâm phạm các nhân quyền căn bản. Ngoài ra đây là một trường hợp Trung cộng dùng ~~tìm~~ diệt trừ những đoàn thể quốc gia, tôn giáo của Tây tạng bằng cách sát hại các đảng viên hoặc ~~làm~~ thương tổn tinh thần và vật chất nhân dân Tây tạng. Hành động như vậy tức là phạm tội Diệt chủng (génocide) theo đúng tinh thần Hiệp ước về vấn đề này đã ký kết tại Liên Hiệp Quốc năm 1940 ».

Mặc dù những hành động của Cộng sản ở Tây-tạng bị lên án chúng vẫn tiếp tục thi hành chương trình diệt trừ tôn giáo ở

Tây tạng. Chính sách và chương trình hoạt động của Trung cộng được trình bày rõ ràng trong bản quyết định của Ủy ban chuẩn bị tổ chức một xứ Tây tạng tự trị, có một đoạn sau đây:

« Trọng tâm công tác ở Tây-Tạng hiện nay là thực hiện cải cách dân chủ. Muốn thế phải tiêu diệt những phiến loạn còn sót và huy động một cách thích nghi các lực lượng quần chúng ».

Như vậy rõ ràng là Trung-cộng cương quyết chấm dứt chế độ sinh hoạt cũ của Tây-tạng để cộng sản hóa xứ này bằng bạo lực.

KẾT LUẬN

CỘNG - SẢN nắm quyền ở Trung-hoa lục địa đã 12 năm. mà tình hình vẫn còn đen tối. Trong đệ nhất lục cá nguyệt năm 1959 người ta thấy rõ rằng « bước tiến nhảy vọt » đã thành bước thoái lui. Mùa thu vừa qua có phong trào cổ gắng tăng gia sản xuất thép nên hàng triệu nông dân đã phải làm việc trong các lò đúc thiết lập tại sân sau nhà, chỗ mà trước đây thường dùng để nuôi heo. Số thép sản xuất ra không sao dùng được vì phẩm chất kém quá. Báo cáo của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung-hoa công bố ngày 26-8-1959 đã không nói gì đến 3 triệu tấn thép xấu do các lò đúc trên sân xuất và chỉ công nhận rằng : « thép sản xuất bằng những phương pháp như vậy sẽ không được ghi vào kế hoạch của chính phủ ».

Trong khi nông dân sốt sắng đúc thép ở sân sau nhà, mùa màng ở ngoại đồng không người gặt hái nên đã bị hư hỏng. Bị bắt buộc gia nhập các Nhân dân Công xã, để khiêu khích lại chính phủ, dân chúng mổ lợn, giết gà để ăn một bữa tiệc cuối cùng chứ không chịu đem gia súc nộp vào Công xã. Hiện nay giống lợn sản xuất kém hẳn và thịt lợn trước đây là một món ăn hằng ngày, đã thành món ăn khó kiếm và quý giá. Rau cũng khan hiếm và trứng thì tuyệt nhiên không tìm đâu thấy. Bông và hạt cũng không được sản xuất bao nhiêu. Riêng chỉ có một thực phẩm được đầy đủ là món khoai lang thì không mấy ai ưa chuộng.

Thêm vào trình trạng bi thảm do Cộng sản gây ra, dân chúng ở Trung-hoa lục địa lại còn gặp nhiều thiên tai nguy hại nhất từ xưa đến nay : lụt lội tàn khốc, sâu phá mùa màng, hạn hán kéo dài, suốt trong cả năm, chỉ thấy toàn là thiệt hại.

Bị nhiều khó khăn hao vầy mọi mặt, như phong trào chống lại Nhân Dân Công xã, cán bộ thờ ơ và uể oải, thiên tai nguy hại, các lãnh tụ Trung-cộng tạm ngừng hoạt động hồi tháng 7, đề suy nghiệm về các thất bại và dự định chương trình hoạt động. Mới đây họ lại xuất hiện và tuyên bố nhất định tiếp tục chính sách Nhân dân Công xã. Dân chúng chắc chắn sẽ phải khổ cực thêm vì họ đã nói : « Chúng ta cần phải triệt để tiết kiệm hơn nữa trong khi sức sản xuất phải được tăng thêm hơn lên ».

Tuy Công xã vẫn tiếp tục được lập thành, nhưng Trung-cộng thấy cần phải sửa đổi lại nếu không muốn cho nền kinh tế hoàn toàn bị phá hoại. Thực ra, đã có sự thay đổi đáng kể, căn cứ theo bài xã luận sau đây của Trung-hoa xã ở Đài-Bắc ngày 28-8-1959 :

« Mặc dù các nhà chức trách Trung-cộng luôn luôn ca ngợi chính sách Công xã là « thượng sách », họ cũng tự động bỏ bớt một số biện pháp tai hại đã áp dụng trong năm qua. Ở Quảng-Đông và ở nhiều tỉnh khác, họ đã đóng cửa các nhà ăn công cộng, các nhà gửi trẻ và các nhà dưỡng lão. Xã viên Công xã được chỉ thị thành lập các hội sản xuất, chẳng khác gì các hợp tác xã nông nghiệp của thời trước. Nhiều biện pháp khác cũng được áp dụng để sửa lại những lỗi lầm cố hữu của chính sách Nhân dân Công xã, một kế hoạch mà Khrushchev cho là « không thể thực hiện nổi ».

« Tuy nhiên chính sách nhân dân công xã vẫn tiếp tục dù chỉ là ở trên danh từ, vì đó là một điều cần thiết để giữ cho Trung cộng đôi chút uy tín đối với Cộng sản Quốc tế. Mao-trạch-Đông và Trung cộng đã đi quá trớn nên không thể lùi lại được dù là họ nhận thấy đã đi lầm đường. Một phương ngôn đã nói : « cười hổ dễ, xuống hổ khó ». Việc thiết lập Nhân dân Công xã

rất có thể là con hổ sẽ gây cho Trung cộng rất nhiều phiền toái nguy nan.

Trong năm 1959, tuy vẫn thiếu ăn, thiếu mặc, người nông dân vẫn phải sống một cuộc đời kiếm tảo, hoàn toàn đồng đều về mọi phương diện. Ruộng đất bị xung công người nông dân buộc phải làm việc tập đoàn, dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Đảng. Sau khi làm việc suốt ngày, họ cũng không được phép nghỉ ngơi vì, theo lời khuyến cáo thường xuyên của các cán bộ họ còn phải dự các buổi học tập chính trị buổi tối, nhiều khi kéo dài đến tận khuya.

Vì đã kinh nghiệm phong trào « trăm hoa đua nở » cùng những hậu quả tai hại của nó, phái trí thức hiểu rõ rằng họ không được phép bàn tán hay công kích hành động và chính sách của Đảng. Họ chỉ được hoạt động theo một chiều là thành tâm kính cẩn chú ý trong các buổi hướng dẫn chính trị để rồi lập lại như con vẹt theo đúng đường lối ấn định. Họ phải luôn luôn sáng suốt để nhận rõ những thay đổi, dù là rất nhỏ, về chính trị, tự mình phát giác ra trong một đoạn diễn văn, một đường lối mới có thể trái ngược với đường lối được thi hành hai bữa trước đây. Họ cũng không được quyền làm thỉnh, không nói năng gì hết, vì dưới chế độ Mao-trạch-Đông không ai được phép im lặng. Họ phải tiếp tục công việc mình dù rằng cay đắng mà nhận thấy là đã truy lạc và luôn luôn cố gắng để trở nên những đảng viên « đặc lực và chuyên nghiệp ».

Ngay các cán bộ, là những tay chân tin cậy của Đảng cũng có những tư tưởng hoài nghi thất vọng. Tuy họ là đảng viên Cộng sản trung thành, nhưng họ cũng chỉ là con người nên đã bị buộc tội là làm cho chính sách Nhân dân Công xã thất bại, gây rất nhiều tai hại. Họ đã cố gắng thi hành mệnh lệnh của thượng cấp nhưng vấp phải những khó khăn quá sức, họ biết rằng không thể nào thành công được vì Nhân dân Công xã có những nguyên tắc tự nó sẽ phản lại và phá hoại chính sách này. Chính phủ buộc các cán bộ tội trễ nải, thiên hữu, hoài nghi kế hoạch thành lập Nhân dân Công xã, trong khi họ rất cố gắng làm tròn nhiệm vụ của họ. Nếu trước đây tinh thần của họ đã sút kém, ngày nay chắc chắn họ đã gần thành tuyệt vọng.

Từ khi xảy ra việc Tây tạng các dân tộc không thuộc giống Hán đều hiểu rằng nhiệm vụ chính của họ là phải đầu hàng Trung cộng một cách êm đẹp, là hủy bỏ những tục lệ văn hóa cổ truyền. Họ sẽ học nói tiếng Bắc kinh và sẽ nhận thấy rằng những đường lối cũ không còn thích hợp để dẫn dắt dân chúng dưới thời kỳ Mao-trạch-Đông cai trị.

Việc Chính phủ Bắc Kinh xuất hiện trên sân khấu Quốc tế đã làm tình trạng ở eo biển Đài Loan và ở suốt miền duyên hải, từ Bắc chí Nam, luôn luôn căng thẳng và là một mối đe dọa cho các xứ láng giềng. Chính sách của chính phủ Bắc kinh là sử dụng vũ lực để giải quyết các xích mích giữa các quốc gia và luôn luôn xúi dục dân chúng gây rối loạn trong nước, dù là ở xứ xa xôi như quần đảo Nam Dương. Các nước ở phía Nam cũng vậy, trước kia đã bị đe dọa từ đây sẽ còn bị đe dọa hơn nữa. Trung cộng đã gây hấn ở Ai Lao, ở các xứ Sikkim và Bhutan thuộc Ấn Độ và ngay cả ở Ấn Độ nữa.

Trung cộng khoe khoang rằng chính nhân dân là lợi khí bén nhọn nhất của họ trong bước đường tiến triển. Thực ra, nhân dân có thể giúp ích cho họ nhưng trái lại, cũng có thể làm hại họ. Chế độ Nhân dân Công xã đã làm cho dân chúng công phần đến tốt độ, nhưng vì còn muốn sống nên không ai công khai tỏ ý phản đối chính phủ. Tuy nhiên, từ tình trạng uể oải đến ngấm ngấm thụ động phản đối chỉ có một bước nhỏ và đây chính là lợi khí của dân chúng đối với Chính phủ. Mùa màng thất bại làm sản xuất sút kém, đó là do thiên tai hay do dụng ý phá hoại khi cây cấy ? Đất đắp đường hỏa xa bị sụt lở vì mưa lớn hay vì cơ sở đã được dự tính khi đắp đường ? Một đầu máy xe lửa bị trục trặc ở một trạm ngừng vì vô ý chở quá nặng hay vì một sự phá hoại đã được chuẩn bị kỹ càng ? Có những cản trở gì đã được khôn khéo xếp đặt và có những tai họa gì có thể tính toán để xảy đến ?

Nhất định đã có sự uể oải trong đám dân chúng : nông dân công nhân và cả đến cán bộ. Như vậy, việc phản đối chính phủ chắc chắn là sẽ có. Cộng sản khó mà phân biệt được lúc nào dân chúng hết uể oải và bắt đầu phản đối. Nếu họ không tìm được

lỗi lầm xuất phát từ đâu, họ không có thể mau lẹ xuống tay trừng phạt được. Dân có thể không lường rõ được sức mạnh của lợi khí mà họ có sẵn trong tay, nhưng một khi họ đã hiểu biết được, lúc đó bọn Cộng sản sẽ phải tiêu diệt. Nhận thức được sức mạnh tiềm tàng trong lợi khí của họ, may ra dân chúng có thể dành được cho họ và con cái họ một đời sống tốt đẹp hơn bằng cách nổi lên chống lại bọn Cộng sản cầm quyền hà khắc, tàn bạo, và quét sạch chúng ra khỏi lục địa Trung-Hoa.

ĐỨC-HẠNH

Phụ-chú về bài « Người Thanh - Hóa ở Hậu - Giang »

— Có 2 nhóm người Hai Huyện riêng biệt, nhưng đến miền Nam chỉ trước sau một đời năm thôi.

1. — 1698, theo Nguyễn - hữu - Cảnh định cư tại huyện Phước-Long và Tân-Bình (Biên-Hòa — Sài-Gòn)

2. — Liên năm sau 1699, Nguyễn-hữu-Cảnh đi bình định ở Nam Vang. Với 2 vạn quân Nguyễn-hữu-Cảnh gặp đối phương gồm 4 vạn quân nên « bị bại trận » gần Biển Hồ (theo J. Moura, Le Royaume du Cambodge, tome II, trang 68). Nguyễn-hữu-Cảnh rút về Châu Đốc, xuống đình trú tại vùng rạch Ông Chường. Quân sĩ mệt mỏi có thể giải ngũ, Nguyễn hữu-Cảnh mang bệnh thổ huyết, về đến Sầm Khê (chợ Giữa Mỹ-Tho) thì chết.

Đại Nam Nhứt thống Chí ghi nơi Đình Cửu (nơi quan tài đình trú) của Nguyễn-hữu-Cảnh ở Bình Hoà (Biên-hòa) trên đường về miền Trung:

Các nơi định cư đầu tiên của dân Hai Huyện rất cơ giản nhưng hồi đầu thế kỷ 20, con cháu của họ còn ở rõ rệt tại Biên-Hòa và Gia-Định, Long-Xuyên và Cần-Thơ.

— Trong Monographie de la province de Long-Xuyên, V. Duvernoy lầm lẫn cho rằng ông Chường tức là Chường binh tên Lễ, chết năm 1837 ! Thật ra, Lễ là tước của Nguyễn-hữu-Cảnh (Chường cơ Lê-thành-hầu Nguyễn-hữu-Cảnh).

Chúng tôi mới vừa nhận được thi phẩm

VƯỜN MÂY

của Đoàn-Thêm

Một tập thơ :

- mới nhất
- giản dị nhất
- trang nhã nhất
- gồm có một nội dung phong phú, những bài thơ có giá trị, rung cảm độc giả một cách chân thành.

*Ấn cần giới thiệu cùng các bạn yêu thơ đã từng mến mộ thi gia **Đoàn - Thêm** qua các thi phẩm :*

- **Tahj Mahal**
- **Từ-Thức** hay **Kẽ tìm đường**
- **Nhạc Đế.**

TÒA SOẠN VĂN HỮU

TRẦN TRỌNG CÁM ƠN TÁC GIẢ « VƯỜN MÂY ».

« THỰC CHẤT CỦA Mặt trận giải phóng miền Nam »

CỦA QUỐC · ANH

Sách chia làm ba phần :

— *Mặt trận côn đồ phá hoại miền Nam là của Việt-cộng.*

— *Âm mưu của Việt-cộng trong việc thành lập Mặt trận côn đồ phá hoại miền Nam.*

— *Âm mưu xâm lăng Việt-Nam Cộng-Hòa bằng lá bài « Mặt trận côn đồ phá hoại miền Nam » của Việt-cộng có thể thành công chăng ? — Và cuối cùng là mấy trang « Kết luận ».*

Tất cả những âm mưu xảo trá, những kế hoạch của Việt-cộng định xâm lăng miền Nam được tác giả phân tích rõ ràng, tỉ mỉ, kèm theo những chứng minh cụ thể.

Tiếp theo đó, tác giả cho ta thấy bằng những hình ảnh về hành động hết sức dã man, vô nhân đạo, của Việt-cộng đã gây ra ở miền Nam tự do chúng ta.

Nhưng rồi thế nào cái « Mặt trận côn đồ phá hoại miền Nam » cũng bị tiêu diệt, bởi sự hợp tác chặt chẽ của quân dân lúc nào cũng chiến đấu anh dũng để bảo vệ cho chính nghĩa Quốc gia.

« Thực chất của Mặt trận giải phóng miền Nam » của ông Quốc-Anh là một cuốn sách viết với những tài liệu xác thực và cả một lòng chân thành yêu nước. Đó là một tài liệu lịch sử hiếm có, hữu ích, mà chúng tôi trân trọng trao vào tay bạn đọc Văn Hưu.

Hộp thư tòa soạn

TÔ A soạn Văn Hữu hân hạnh đáp thư bạn đọc bốn phương đã gửi về trong 2 tháng 12-61 và 1-62. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả qui bạn đã chú ý đến nguyệt san Văn Hữu.

— ÔNG NGUYỄN TUẤN ĐẠO, K.B.C. 4329. — Cảm tạ nhiệt thành lòng chiều cố, khen tặng của ông đối với Văn Hữu ; chúng tôi rất thân phục chí kiên nhẫn học hỏi của ông. Việc mua trọn bộ Văn Hữu cũng không có gì rắc rối lắm. Ông gửi bưu phiếu vào địa chỉ tòa soạn V.H. đề tên Ông quản lý Nguyễn-Cửu-Vĩnh, tính mỗi số là 15 đồng nhân cho 13 số báo, thêm 30\$ tiền bưu phí. Nhận được tin chúng tôi sẽ gửi báo đến cho ông. Đa tạ.

— ÔNG TÔ PHẠM. — Thư hay chúng tôi sẽ chọn đăng ngay không, phân biệt người chuyên nghiệp hay tài tử. Vì ông có mặc cảm nặng đay thối chứ chúng tôi không dám xem thường văn bút của ông đâu. Chúc sáng tác mạnh.

— ÔNG LÊ PHƯỚC Á, Giáo sư Tân Bình — Quý Nhơn. — Tòa soạn còn một ít Văn Hữu trọn bộ. Ông gửi bưu phiếu vào tòa soạn đề tên Ông quản lý Nguyễn-Cửu-Vĩnh, tính mỗi số là 15\$, thêm tiền cước phí. Chúng tôi sẽ gửi ra ông ngay, nhưng ông nhớ cho chúng tôi biết rõ địa chỉ của ông kẻo báo bị thất lạc. Vì bận quá không viết thư riêng cho ông được, mong ông thông cảm.

— ÔNG HÀ-THẾ-XUÂN-28 Phan-chu-Trinh-Nha Trang. — Xin cảm ơn những lời khen tặng của ông. Theo như thẻ lệ mà chúng tôi đã trả lời các độc giả trên, ông liên lạc thẳng với tòa soạn, khi được thư chúng tôi sẽ gửi báo ra cho ông. Đa tạ.

— ÔNG LÊ-VĂN-BANG — Ban-mê-thuật. — Rất cảm ơn lời khen tặng nồng nhiệt của ông về Văn Hữu số 14. Những số báo ông hỏi hũy còn, ông xem thẻ thức mua báo chung, liên lạc thẳng với chúng tôi.

— Bà HUỖNH-KIM-LOAN — Cư Xá Chí Hòa-Saigon. — Bà đã nhiệt thành khen ngợi Văn Hữu, chúng tôi xin thành thật cảm tạ hảo ý của bà. Địa chỉ của tòa soạn, chúng tôi ghi đậm nét ở trang đầu, số 15 đại lộ Lê-Lợi, chắc bà dễ tìm lắm và gần nhà bà nữa. Xin mời bà đến tòa soạn để mua các số báo mà bà đang thiếu ; mua nhiều chắc sẽ được ông quản lý chúng tôi bớt phần trăm đấy. Cảm ơn.

— CÔ LỆ-THỦY-LAM — 230, Công Lý — Saigon. — *Hân hạnh được thư khích lệ của cô, chúng tôi nguyện cố gắng để hoàn mỹ thêm nguyệt san Văn Hữu để xứng đáng với lòng tin yêu của bạn đọc xa gần. Chúng tôi đang xem thi phẩm của cô và sẽ cho đăng nếu không có gì trở ngại vào giờ chót. Đa tạ.*

— EM THANH LAN — Bồ Đề — Nha Trang. — *Em cứ gửi về tòa soạn những sáng tác của em. Bài có giá trị về nội dung hoặc kỹ thuật, chúng tôi sẽ đáng tải ngay, xin em đừng ngại. Chúc em sáng tác mạnh, và mong em trau dồi học hỏi tiến bộ.*

SĨ - TRUNG

SÁCH MỚI

VĂN HỮU vừa nhận được những tác phẩm dưới đây do tác giả gửi tặng :

HY VỌNG thi phẩm của Hoàng-bảo-Việt, gồm 50 bài, thuộc thể thơ tự do. Tác giả đem đến cho ta những tình cảm lạ ít khi ta được thưởng thức ở những thi phẩm khác. « Hy vọng » là một tập thơ chứa chan hy vọng của một tuổi trẻ đầy lòng yêu đời, một tình yêu rộng rãi đáng quý.



NỖI BUỒN CỦA ANH thi phẩm của Thế Viên do tác giả tự xuất bản, gồm 31 bài thuộc thể thơ tự do, do họa sĩ Lữ Hồ trình bày.



VƯỢT ĐƯỜNG BIÊN GIỚI của Tuấn Giang Hồ-bá-Cao, nguyên chủ trương mấy tập « Giai phẩm Hương Quê ». Đây là thiên hồi ký, tác giả thuật lại những cuộc sống thời kháng chiến, thuộc loại tổ cộng.

Năm năm trước, người ta cũng được đọc một cuốn hồi ký nhan đề « Trên đường qua Trung-Hoa đỏ » của ông Hoàng-Phương, nội dung giống hệt, không sai một chữ trong « Vượt đường biên giới » của ông Tuấn Giang Hồ-bá-Cao.



TRUYỆN CHÚNG MÌNH thi phẩm của Nhất Tuấn, gồm 31 bài thơ thuộc nhiều loại, và chia làm hai phần, mười bảy bài phần nhất, tác giả gọi đến một tình yêu, đã mất, lời thơ nhẹ nhàng gợi cảm, mười ba bài ở phần hai nói đến tình cảm, đến cuộc sống tinh thần của người quân nhân.

« Truyện chúng mình » một thi phẩm mang nhiều màu sắc, nhiều hình ảnh lạ.



Tòa soạn Văn Hữu xin trân trọng cảm ơn các tác giả và đân cần giới thiệu cùng bạn đọc những thi phẩm trên.

Vấn đề quan trọng nhất trước tình thế
khẩn cấp hiện tại :

PHẢI LÀM GÌ

**ĐỂ THẮNG CỘNG-SẢN
TRÊN THẾ GIỚI ?**

VĂN HỮU SỐ 16

- Sẽ
- *Phơi trần các thủ đoạn của Cộng sản.*
 - *Vạch rõ các nhược điểm của các nước Tự do.*
 - *Đề ra những phương pháp bảo cứu, và chiến thắng Cộng sản.*

với những nhận định sáng suốt và can đảm.